

Văn nghệ GIA LAI

TẠP CHÍ CỦA HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH GIA LAI

<https://vannghegialai.vn/>

TRONG SỐ NÀY



Số 11

Tháng 8.2026

- ★ Tổng Biên tập:
TRẦN QUANG KHANH
- ★ Tòa soạn:
103 Phan Bội Châu
Phường Quy Nhơn - Gia Lai
- ★ ĐT: (0256) 3822167
(0256) 3822187
- ★ Email:
vannghegialai@gmail.com
- ★ Tạp chí điện tử:
<https://vannghegialai.vn>
Email: vannghegialaientu@gmail.com

Thời đàm

DƯƠNG HIẾU * Mở rộng đối thoại 3

Ghi chép

GIA BÌNH * Nghệ nhân ở làng 5

Thơ

VĂN TRỌNG HÙNG, TRIỀU LA VỸ, NGUYỄN NGỌC HÙNG, HUỖNH THÚY KIỀU,
HUỖNH DUY HIẾU, NGÔ THANH VÂN, TỊNH BÌNH, HOÀNG ĐĂNG KHOA, ĐẶNG
THIÊN SƠN, DIỆU LINH, LÊ NHÌ, LAI ĐỨC TRUNG, CAO NGUYỄN QUYẾN, PHẠM
VĂN PHƯƠNG, ĐẶNG QUỐC KHÁNH

Truyện ngắn

TRẦN THANH THỦY * Những câu kinh chơi vơi 36

LÊ NGỌC SƠN * Trong bóng đời lặng lẽ... 42

ĐOÀN TRỌNG HẢI * Tiếng đàn bầu trong căn nhà cỏ 47

Nghiên cứu - Phê bình

NGUYỄN THANH QUANG - LM. GIOAN VÕ ĐÌNH ĐỆ * 53

Nước Mặn - Vang bóng một thương cảng 53

NGUYỄN THỊ KIM THOA * Cảm thức sinh thái trong *Cánh đồng bất tận* 57

Gương mặt hội viên

SƠN PHẠM * *NSNA Phan Minh Thọ: Lối đi riêng từ nhiếp ảnh Ý tưởng* PBNA

Độc sách

CHÂU MINH HÙNG * Viết như là sự chia sẻ: Trường hợp *Đi qua miền nhớ* của Lê Thu 61

Chân dung văn nghệ sĩ

BÙI QUANG VINH * Nhạc sĩ Ngọc Tường và dấu ấn qua những bài tình ca cao nguyên 65

Văn học trong nhà trường

NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN * Về đẹp diệu kỳ khi đôi mắt là trái tim 68

Văn học nước ngoài

ERDENE SENG (Mông Cổ) * Sự cô đơn * MẠNH HÀO (dịch) 71

Văn trẻ

NGUYỄN THỊ NGỌC LINH * Những chiều quê thương nhớ 76

Thơ PHAN ĐẠI DUY, MAI GIA HUY 78

Văn học thiếu nhi

MAI HOÀNG * Chiếc lá mơ ước 83

Thơ MAI HOÀNG HANH, TRẦN VĂN LỢI 87

Đất và người Gia Lai

LƯU HỒNG SƠN * Dấu xưa Am Bà Pleiku 89

Tản văn

TRƯƠNG CÔNG TƯỜNG * Về nghe thung lũng hát 94

KIM LOAN * Thăm thi Biển Hồ 96

Âm nhạc - Mỹ thuật - Nhiếp ảnh

PHAN THANH BÌNH, TRỌNG MẬT, BÀ KHÔI - LÊ TRỌNG NGHĨA, THÂN TRỌNG DŨNG, HỒ THỊ XUÂN THU, BÙI VĂN QUANG, NGUYỄN VĂN CHUNG, PHẠM VĂN HẢI, TRẦN TÂM, VŨ HỮU CHUNG - PHAN MINH THỌ, LÊ THANH HẢI, NGUYỄN VĂN TUẤN, HUY TỊNH

Ảnh bìa 1: Lễ hội diều Quy Nhơn 2026. Ảnh: PHAN TÍN

Bìa: Họa sĩ **Lê Duy Khanh**

Trình bày: **Kim Sơn**

Giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử số 17/GP-BTTTT

của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 13.01.2023

In 500 quyển, khổ 16x24cm, 108 trang tại Công ty In Nhân Dân Bình Định,

339-341 Trần Hưng Đạo. ĐT: 02563822810

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8.2026

Giá bán: 20.000 đồng

Mở rộng đối thoại

DƯƠNG HIẾU

Trung tuần tháng 8.2026, Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Gia Lai mở chuyên mục “Người dân, doanh nghiệp hỏi - Chính quyền tỉnh Gia Lai trả lời” phát sóng vào mỗi thứ tư tuần thứ 2 và tuần thứ 4 hằng tháng trong chương trình thời sự. Chuyên mục do chính UBND tỉnh lập kế hoạch tổ chức thực hiện và ban hành kèm theo Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 28.7.2026, trong đó phân công cụ thể các đơn vị phối hợp gồm Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành, địa phương cùng với Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Gia Lai.

Và cuộc đối thoại truyền hình đầu tiên của chuyên mục đã được phát sóng ngay tối thứ 4 ngày 12.8 là cuộc đối thoại giữa phóng viên truyền hình (câu hỏi từ phía người dân gửi) với ông Cao Thanh Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường xoay quanh chủ đề đang được rất nhiều người quan tâm: “Đất đai, giải phóng mặt bằng và các dự án trọng điểm - Tháo gỡ điểm nghẽn để phát triển”. Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Gia Lai đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng khi cử tổ phóng viên về các điểm nóng của các dự án thực hiện phóng sự trực tiếp và ghi lại những tâm tư, nguyện vọng cả những băn khoăn của người dân trong vùng dự án. Suốt thời lượng 15 phút phát sóng, vị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thay mặt chính quyền tỉnh đã xác định những điểm nghẽn trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng, trả lời khá thấu đáo những băn khoăn của người dân xung quanh các vấn đề chính sách mới về giá đất, về việc chỉ đạo quyết liệt, giao trách nhiệm cụ thể của lãnh đạo tỉnh để nhanh chóng tháo gỡ các điểm nghẽn trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư... cho các hộ dân, nhất là đối với dự án cao tốc Quy Nhơn - Pleiku.

Thời gian qua, cũng như ở Gia Lai, nhiều tỉnh thành trong cả nước đã mở rộng đối thoại giữa chính quyền với người dân bằng nhiều hình thức. Nổi bật là hình thức tổ chức hội nghị đối thoại định kỳ và đột xuất. Với hình thức này, lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh hoặc xã, phường tổ chức gặp mặt người dân hoặc doanh nghiệp ít nhất mỗi năm một lần hoặc theo chuyên đề (như về đất đai, đầu tư, cải cách hành chính) để tăng cường khả năng tương tác, lắng nghe và tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư. Hình thức đối thoại trực tuyến và qua mạng xã hội, sử dụng các nền tảng số, cổng thông tin điện tử hoặc trang mạng xã hội chính thức để tương tác, tiếp nhận và phản hồi kiến nghị hai chiều giúp lãnh đạo cấp tỉnh

gặp gỡ cộng đồng doanh nghiệp trong không gian cởi mở để tháo gỡ điểm nghẽn về cơ chế, vốn và pháp lý. Ở cơ sở cũng đã mở rộng đối thoại theo cụm dân cư/thôn/tổ dân phố, thường được áp dụng trong trường hợp lãnh đạo trực tiếp xuống cơ sở để nghe ý kiến nhằm bám sát thực tế đời sống. Và đặc biệt mô hình “Cà phê sáng đối thoại với Nhân dân” đang được nhân rộng ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khác là một cách làm dân vận sáng tạo, phá bỏ khoảng cách hành chính cứng nhắc, giúp chính quyền cơ sở gần dân, lắng nghe và giải quyết vướng mắc nhanh chóng ngay tại cơ sở.

Trong quá trình thực thi chính sách phục vụ yêu cầu phát triển và cải cách hành chính, không thể tránh khỏi những vướng mắc, những cách hiểu khác nhau hoặc những bất cập phát sinh từ thực tiễn nên nhu cầu được giải đáp thông tin đang ngày càng lớn. Nếu không được giải đáp kịp thời, những băn khoăn nhỏ có thể tích tụ thành bức xúc, ảnh hưởng đến niềm tin của người dân cũng như môi trường đầu tư, kinh doanh. Với cuộc đối thoại truyền hình qua chuyên mục “Người dân, doanh nghiệp hỏi - Chính quyền tỉnh Gia Lai trả lời” thời gian tiếp xúc cô đọng lại, chỉ trong khoảng từ 15 đến 20 phút, tập trung vào những vấn đề được dư luận quan tâm, các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và những chủ trương, chính sách lớn của tỉnh. Cuộc đối thoại này không đơn giản là những câu hỏi, đáp lớt phớt về chính sách mà ý nghĩa lớn lao thể hiện ở trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính Nhà nước. Mỗi một câu trả lời chính thức của người đại diện chính quyền không chỉ giải đáp cho người đặt câu hỏi mà còn giúp nhiều người cùng quan tâm đến vấn đề đặt ra có được thông tin chính xác, hạn chế những suy diễn hoặc thông tin thiếu kiểm chứng. Đó cũng chính là sức mạnh lan tỏa của truyền thông thông qua sóng truyền hình và các nền tảng mạng xã hội. Có thể nói với sự xuất hiện của chuyên mục “Người dân, doanh nghiệp hỏi - Chính quyền tỉnh Gia Lai trả lời” trên sóng truyền hình của Báo và Đài Phát thanh Truyền hình, chính quyền tỉnh Gia Lai đã mở thêm một kênh đối thoại chính thức giữa chính quyền với xã hội, qua đó thể hiện quyết tâm xây dựng nền hành chính phục vụ, công khai, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Những câu hỏi của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận qua nhiều hình thức, tổng hợp và chuyển đến lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành, địa phương trực tiếp giải đáp qua đó tăng cường sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp.

Đối thoại cũng là hình thức truyền thông chính sách hiệu quả. Khi người dân hiểu đúng mục tiêu, ý nghĩa của chủ trương, chính sách, sự đồng thuận sẽ được củng cố. Trên nền tảng thông tin minh bạch, trách nhiệm giải trình rõ ràng, các quyết sách sẽ thuận lợi hơn trong quá trình triển khai. Tất nhiên, hiệu quả của chuyên mục sẽ không chỉ được đo bằng số chương trình phát sóng hay số lượng câu hỏi được trả lời, mà quan trọng hơn là chất lượng đối thoại. Người dân và doanh nghiệp mong chờ những câu trả lời thẳng thắn, đúng trọng tâm, có giải pháp cụ thể; những vấn đề chưa thể giải quyết ngay cũng cần được giải thích rõ nguyên nhân và lộ trình xử lý.

D.H

Nghệ nhân ở làng

GIA BÌNH

Tháng Bảy, đồng hành cùng các nghệ nhân, nhà nghiên cứu ngược đèo An Khê, thực tế tại các xã khu vực phía Tây tỉnh, tôi được gặp gỡ nhiều nghệ nhân, người có uy tín đang hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ dân gian của đồng bào các dân tộc thiểu số. Một chuyến đi mở ra những kết nối mới, và cho tôi thêm một lần chạm vào những giá trị văn hóa đang âm thầm sống trong muôn nẻo của tỉnh nhà Gia Lai.

Thêm mạch kết nối

So với nhiều Chi hội khác, Chi hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số khá ít hội viên. Mặt khác, ở Hội VHNT tỉnh Gia Lai cũ không có chi hội này. Nên, khi nhà nghiên cứu Yang Danh, Chi hội trưởng Chi hội VHNT các Dân tộc thiểu số đề xuất chuyển thực tế, lãnh đạo Hội đã rất kỳ vọng. Chuyển đi không thuần về chuyên môn mà còn hướng đến việc phát hiện, bồi dưỡng để phát triển lực lượng hội viên mới cho Chi hội. Đoàn chúng tôi đi qua từng nếp làng, lắng nghe hơi thở dài của núi rừng qua những bài sử thi mê mải, khúc dân ca xao xuyến và cả nhịp cồng chiêng vang vọng. Không dừng lại ở việc thu thập tư liệu, đoàn chủ ý đi tìm những “đốm lửa” mới, là những người con của làng có tài, có tâm với văn hóa dân gian để nối dài thêm mạch sống cho Chi hội, cho văn hóa dân gian Gia Lai.

Qua sự kết nối tận tình của cán bộ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chúng tôi đã gặp những nghệ nhân đầu tiên ở Gia Lai Tây. Trước hết, là Nghệ nhân Ưu tú Rơ Châm Tih (dân tộc Jrai), người chuyên chế tác và biểu diễn nhạc cụ dân tộc tại làng Jút 1, xã Ia Hrug, tôi đã được nghe về anh rất nhiều, nhưng đây là lần đầu tiên tôi gặp mặt. Phải nói rằng, anh là một người rất chuyên nghiệp trong khâu chế tác nhạc cụ truyền thống. Đến thăm nhà NNƯT Rơ Châm Tih vào buổi chiều nắng ấm, chúng tôi không khỏi bất ngờ trước một không gian tràn ngập các loại nhạc cụ dân tộc, từ đàn t'rưng, k'lông pút, k'ni,

ting ning... Bền duyên với nhạc cụ dân tộc từ năm 12 tuổi, đến nay, NNUT Rơ Châm Tih đã có gần 40 năm gắn bó với âm nhạc truyền thống và đã đi biểu diễn một số nước trên thế giới.

Với Rơ Châm Tih, đam mê không chỉ dừng lại ở việc chơi nhạc, chế tác nhiều loại nhạc cụ mà còn mong muốn khám phá và phát triển các loại nhạc cụ dân tộc. Chính anh đã sáng tạo và chế tác cây đàn klek lok. Nhìn những ống nứa được gọt vót láng bóng, bày xếp để tạo nên những giai điệu theo từng nhịp gõ, lại nghe âm thanh ngân lên giữa chiều muộn thanh vắng nơi góc làng, mới thấy như tre nứa có hồn, như bàn tay người nghệ nhân có lửa, biết hơi ấm cảm xúc người chung quanh. Với việc chế tác nhạc cụ, anh làm tỉ mỉ, kì công nên đẹp về thẩm mỹ và chuẩn về âm thanh. Anh kéo tay tôi ra gian bếp sau nhà mình và chỉ lên đồng tre nứa đã ám khói dày đặc, bảo, phải để phơi bên bếp như này suốt một năm để sấy và “ủ” nguyên liệu.

Rơ Châm Tih được công nhận là Nghệ nhân Ưu tú từ năm 2015.

Những hạt nhân giữ lửa

Lần đi này, chúng tôi gặp thêm nhiều nghệ nhân. Nhưng có lẽ, ấn tượng hơn cả là buổi ghé nhà nghệ nhân Siu Thơm ở làng Plei Roh, phường Diên Hồng. Vừa bước vào sân, đã nghe tiếng người, tiếng nhạc cụ, tiếng cười nói rộn ràng. Căn nhà bằng gỗ giống như một “nhà văn hóa” thu nhỏ của làng. Hàng chục nghệ nhân, già có, trẻ có, đang tụ về, người lo đạo cụ, người chỉnh lại nhạc cụ, người thử một điệu múa Jrai. Họ chuẩn bị lên đường ra Huế biểu diễn Hội diễn dân, hát dân ca 3 miền toàn quốc năm 2026.

Siu Thơm đứng giữa đám đông, lúc chỉ cho người này cách chỉnh chiêng,



NNUT Đinh Bri và Đinh Uế giới thiệu các tượng gỗ truyền thống mà hai ông đang thực hiện. Ảnh: G.B



NNUT Rơ Châm Tih giới thiệu với nhà nghiên cứu Yang Danh về cây đàn klek lok do anh chế tác. Ảnh: G.B

lúc cúi xuống xem lại một món đạo cụ. Nhìn anh xoay sở với những người anh em trong đội, tôi chợt hiểu cái gọi là “hạt nhân văn nghệ” mà NSƯT Đặng Công Hưng, Chủ tịch Hội VHNT nói về anh bằng sự quý mến và tin tưởng. Cũng như bao đứa trẻ Jrai khác, Siu Thum lớn lên trong tiếng hát của cha mẹ, ông bà. Những làn điệu dân ca, những âm thanh cồng chiêng ngấm vào anh từ thuở nhỏ. Mới 15 tuổi, anh đã thuộc cách đánh nhiều loại đàn, thuộc những bài dân ca Jrai. Rồi càng lớn, niềm mê đắm ấy càng kéo anh đi xa hơn. Anh chú tâm tìm hiểu nhạc cụ, học cách chế tác, sưu tầm đàn đá, t’rưng và nhiều nhạc cụ dân tộc khác. Cái gì chưa biết thì hỏi người già, cái gì chưa làm được thì mày mò làm cho bằng được. Có lẽ, giữ văn hóa đôi khi bắt đầu từ những việc giản dị như thế.

Siu Thum không giữ cho riêng mình. Anh đem những gì mình biết truyền lại cho những người trẻ khác. Từ chỗ làng Plei Roh chỉ còn lác đác vài người già biết đánh cồng chiêng, nay đã hình thành một đội cồng chiêng và nhạc cụ dân tộc đông và vững với hơn 40 thành viên. Người biết nhiều chỉ cho người biết ít. Người lớn dạy trẻ con. Những bàn tay từng ngập ngừng với chiếc chiêng nay đã biết tìm nhịp, biết lắng nghe tiếng chiêng của nhau. Và lũ trẻ, sau những giờ học, lại ríu rít kéo nhau đến nhà “thầy” Siu Thum. “Nhờ có anh mà nhiều thanh niên ở làng Plei Roh và các làng lân cận gần bó thêm với câu ca, điệu nhạc, tham gia múa hát, chế tác nhạc cụ, giữ hồn cốt dân tộc mình”, NSƯT Đặng Công Hưng chia sẻ.

Trong đám trai làng hôm ấy, tôi chú ý đến Rơ Cơm Bus, chàng trai sinh năm 2002, có vẻ ngoài rắn rỏi, mái tóc dài và phong thái lãng tử đến mức được gọi vui là “Tarzan Tây Nguyên”. Bus là một trong những hạt nhân của đội cồng chiêng Plei Roh, đồng thời tích cực làm nội dung trên mạng xã hội để lan tỏa nét đẹp văn hóa đại ngàn. Bus tâm sự: “Em cũng là thành viên trong đội cồng chiêng của thầy Siu Thum, được thầy chỉ dạy, nâng đỡ. Em mê cồng chiêng, nhạc cụ dân tộc từ nhỏ nên theo học và tham gia biểu diễn cùng các anh, các chú”. Tôi nhìn Rơ Cơm Bus rồi nhìn những gương mặt trẻ đang chia sẻ chân thành về niềm say mê với nhạc cụ truyền thống, văn hóa bản địa, bỗng thấy câu chuyện bảo tồn văn hóa không còn là một khẩu hiệu xa xôi. Nghệ nhân Ưu tú Yang Danh vui ra mặt. Ông bảo, nếu mỗi làng đều có những người như Siu Thum, như Rơ Cơm Bus, thì lo gì văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số bị mai một.

Rời Plei Roh, chúng tôi lại tìm đến tổ dân phố Plei Pyang, xã Kông Chro, gặp hai nghệ nhân Bahnar là Đinh Bri và Đinh Uế. Cả hai đều là những người am hiểu văn hóa dân gian, nổi tiếng với nghề tạc tượng gỗ truyền thống và chế tác, biểu diễn các loại nhạc cụ dân tộc. Năm 2021, cả hai được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú. Khi đi loanh quanh thăm thú ngôi nhà của nghệ nhân Đinh Bri, trước mắt tôi là những thân gỗ còn nguyên vẻ thô mộc. Họ chỉ có dao, đục và đôi bàn tay đã quen với từng thớ gỗ,



Nghệ nhân ở hai phía Đông và Tây Gia Lai gặp gỡ, chia sẻ, hứa hẹn có thêm nhiều kết nối trong hoạt động văn hóa, góp phần gìn giữ, bảo tồn nét đẹp văn hóa cổ truyền dân tộc. Ảnh: G.B

vậy mà qua vài đường đục, một hình người hiện ra. Rồi con chim, con thú, một dáng đứng, một khuôn mặt... Mỗi bức tượng dường như tự kể câu chuyện của mình bằng những đường nét mộc mạc, có khi xù xì, thô ráp, nhưng cuốn hút kỳ lạ. Tôi đứng khá lâu trước những bức tượng ấy. Trong mỗi nhát đục của Đinh Bri, Đinh Uế dường như có cả ký ức của cộng đồng: một cách nhìn về con người, núi rừng và thế giới tâm linh được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nếu một ngày đôi tay những nghệ nhân ấy dừng lại, có thể một phần ký ức cũng sẽ im tiếng.

Sau những cuộc gặp gỡ với các nghệ nhân, nhà nghiên cứu Yang Danh đã bảo rằng: “Chuyến đi thật thành công. Có nhiều nghệ nhân quá xứng đáng để kết nạp vào Hội VHNT nói chung và Chi hội Văn học các Dân tộc thiểu số nói riêng. Phải khẳng định rằng, họ thực sự như ngọc quý để lưu giữ văn hóa bản địa. Đây là hạt nhân nòng cốt cho hoạt động văn hóa của tỉnh. Chúng ta phải làm sao tạo điều kiện cho các nghệ nhân giữ lửa, truyền nghề, lan tỏa cho thế hệ trẻ”.

Những nghệ nhân chúng tôi gặp chỉ là vài cái tên giữa hàng trăm người đang lặng lẽ giữ nghề, giữ hồn văn hóa trên mảnh đất này. Họ ít nói về “bảo tồn”, chỉ miệt mài làm việc của mình. Và chính từ những bàn tay âm thầm ấy, hồn cốt một dân tộc vẫn được truyền lại, để tiếng chiêng, điệu múa, nghề truyền thống... còn được gìn giữ và trao truyền giữa đại ngàn.

G.B

Phật hoàng Trần Nhân Tông

VĂN TRỌNG HÙNG

Có thể Người đã chán ngôi vua
Mệt mỏi những trắng đen ngày ngày tung hô vạn tuế
Có thể Người nghĩ ngai vàng rồi cũng thành dâu bể
Có thể... Nhân gian tự cổ vốn vô thường!

Đến với núi rừng dầu dãi gió sương
Càng yêu hơn thần dân trăm họ
Hưởng chúng sanh thiện tâm qua câu kinh tiếng mõ
Nhưng một tấc đất của cha ông cũng chung tay gìn giữ
Chốn thiền môn không xa lánh cõi đời!

Hơn bảy trăm năm thế sự đổi dời
Chân lý ấy vẫn sáng ngời cùng non nước
Về Yên Tử theo gió mây nhẹ bước
Trước Phật hoàng ta bỗng thấy... ta hơn!

Quà tặng của thời gian

TRIỀU LA VỸ

Bên góc trường cũ cũ
Lòng ta bỗng xưa xưa
Dấu chân rêu thềm cỏ
Nắng chạm vào đồng đưa

Dường như trên bụi giảng
Còn vang vang tiếng thầy
Mắt cô buồn hôm ấy
Còn xao xác heo may

Bài học hoài không thuộc
Ai quét lá sân trường
Đường về ôi xa thế
Bóng hai người cô đơn

Kìa áo ai khép mở
Đẹp như một bài thơ
Lòng ai như trang vở
Thơm tho và đại khờ

Như loài yêu bé nhỏ
Treo xác lên ngực mùa
Chao ôi, bấy nhung nhớ
Đã người lớn hay chưa.

T.L.V

Nụ hôn mắt

NGUYỄN NGỌC HƯNG

Đã gặp cổ nhân rồi
Thôi em, đừng ngoảnh mặt
Không hôn được bằng môi
Hãy mi bằng khóe mắt.

Ngọn lửa dù sắp tắt
Vẫn tàn đêm bập bùng
Ai bảo tình yêu chết
Nhịp tim không còn rung?

A... có thể ta khùng
Ta nói lời vô nghĩa
Nhưng quay về tứ phía
Em chắc lòng em không?

Xin một ly rượu nồng
Sưởi cho bờ môi lạnh
Xin một giọt lệ trong
Rửa trôi nghìn ảo ảnh...

Chim kia không liền cánh
Môi nọ đã hờn môi
Hôn nhau bằng sóng mắt
Bóng chiều loang ngậm ngùi!

N.N.H

HUỲNH THÚY KIỀU

Sông quê

Muốn về tắm nước sông quê
Bờ sương ướt cỏ triền đê lạnh dày

Heo may nương gió hanh gầy
Vàng hoe như thể chân mây héo mùa

Hỏi chiều con nước đầy chưa?
Mà sông tro đáy như vừa rêu phong...

Đêm treo cây bèo phơi lòng
Nỉ non là khúc hừng đông... thương hồ

Nhịp chèo khuấy sóng hư vô
Mẹ ngồi khâu những nhấp nhô bến bờ

Khuya xa gió thốc cơn mơ
Rủ làn sương mỏng đại khờ mùa trắng

Lục bình khoe sắc tím giăng
Nợ duyên mây cũng dùng dằng thể thôi

Đò xưa cặp bến khác rồi
Sông xưa nay cũng chia đôi ngả về

Chân trần mỗi phía tái tê
Rưng rưng nhánh nhớ dầm dề mùa qua

Thôi về, tắm nước sông xa
Vốc bùn gọi hết nhạt nhòa tháng năm...

Đồng bằng thơm hương

Nghiêng cơn mưa chiều
Trút dầm mái phố
Mùa xanh từ độ
Theo cánh chim về

Mỏi mòn mát lá
Mưa tẩm mát mùa
Bàn chân khuấy nước
Dịu dòng sông xưa

Ủ say men lạ
Một chút cay nồng
Hỏi ngày vui cũ
Mây màu đục trong?

Đồng bằng lạc gió
Mùa quên lối về
Ừ thôi đất ngọt
Thơm bụi hương quê

Ruộm vàng bóng nắng
Tháng Mười bắc non
Đậu rồng khoe sắc
Tím biếc trên giàn

Heo may chớm nở
Lúa trở đồng đồng
Vô tình con nước
Đẩy buồn mênh mông...

Những chiều mưa bắc
Bâng quơ nỗi niềm
Chèo ai ngược sóng
Neo ở triền sông...

Đồng bằng lạc gió
Mưa rơi đầy thêm
Vàng bông điên điển
Ánh màu mặt tươm

Thêm xanh bóng nhớ
Đồng bằng thơm hương...

H.T.K

Cám ơn những giấc mơ có thật

HUỲNH DUY HIẾU

Tôi còn lại gì ngoài những giấc mơ không có thật
Bên cạnh em
Người đàn bà của đêm thanh xuân xa lắc

Tôi đứng tôi đứng yên như pho tượng bù nhìn
Đuối xô những buồn phiền vô cớ
Sự bất lực kêu than
Tôi có phải là tôi của ngày hôm trước
Tôi có phải là tôi của ngày hôm nay
Và tôi có phải là tôi của ngày mai bất tận
Trong những giấc mơ không có thật
Đang rệu rã từng ngày

Cảm ơn tình yêu của tôi
Bất ngờ hát ca nhảy múa
Dù gai độc thời gian vẫn chờ phía trước
Tôi phải là tôi của sự khởi đầu
Như nụ hôn đầu trên đôi môi em ngày nào
Vẫn tươi nguyên màu con gái

Người đàn bà của đêm thanh xuân xa lắc đã hồi sinh
Bên cạnh tôi
Kẻ mộng du vừa thức tỉnh
Cảm ơn những giấc mơ có thật
Muộn màng
Giữa đời tôi.

H.D.H

NGÔ THANH VÂN

Biển khóc

Cạn lòng đêm biển khóc những cánh bướm
chăm hải đăng không quang vào khơi thăm
rẽ vào đâu
bốn bề bủa sóng
tám phương tứ hướng
chỉ mệnh mông

cạn ngày em ráo hoảnh những ánh nhìn
niềm tin di cư vào một khuya mùa hạ
đất dưới chân hóa ngàn vực thăm
chơ vơ em đoá cúc đắng
gục tàn

biển bao dung ôm lấy triệu thân tàu
sóng hát lời ru
dấu đôi lần cuồng nộ
em chẳng thể một lần độ lượng
niềm yêu như thể đức tin

không thể nào cào cấu vết thương
xót lòng biển khi ôm em vỗ về mà muối thì chất mặn
em vẫy vùng nơi thẳm sâu tuyệt vọng
vẫn chẳng thốt nên lời
dù một lời
để vợi bớt đắng cay

bất lực em
bất lực biển
bất lực yêu thương
cứ bất lực ngó trân những đôn đau vật vã
dù đã ôm vào lòng biển cả
xót xa này chẳng khóa lấp nỗi buồn kia

biển ngàn năm đã cạn ở trong em
những chấm tròn lân tinh náu em về phía sáng
tàu chuối mỏng manh
xác xơ ngày biển khóc
em nhận lại mình
trước xa lạ chính em.

Giấc mơ chữ

Cõng mình qua cánh đồng thiếu nữ
gặp trong veo rạng rỡ nét cười
gặp ngác ngơ mắt nhìn con gái
môi hồng say đắm dệt thanh xuân

hôm qua mơ giấc mơ thiếu phụ
những lo toan tỉ mẩn kéo về
nỗi lo cơm áo không ngoại lệ
tiếng con cười vụn vỡ niềm riêng

chữ bỗng nhiên một ngày gõ cửa
hỏi đi đâu lâu quá không tìm
những trang giấy muộn phiền im lặng
tiếng mọt nghiền kéo kẹt tàn đêm

giấc mơ nhỏ náu ngày vội vã
gỗ thình không vá lại tay gầy
những con chữ hình như biết khóc
chảy nhạt nhòa đắm giấc mơ khuya.

N.T.V

Hương nhài cũ chưa tan

TỊNH BÌNH

Khi những cánh diều không cồng nổi ước mơ
Ta biết nói gì cùng mùa hạ
Giá có thể trở lại làm đứa trẻ sà vào lòng mẹ
Khóc một trận hả hê

Nhấn bước chân thôi hãy về đi
Mái nhà xưa
Lũ rêu hoang bám gờ giếng cạn
Mùa hạ lặng thầm
Cây nhài cũ đơm bông

Mặc những ngón ngang
Bàn chân lấm bụi
Những đứa trẻ giả vờ như chưa lớn
Bên chái bếp còn nghe mùi khói rưng
Hương nhài cũ chưa tan...

Tĩnh thu

HOÀNG ĐĂNG KHOA

Mùa treo đèn lên mắt nhàn
gió đọc trộm bậc cầu thang
sương đậu mái vòm cong
mỗi giọt trong như mắt trẻ
vũng nước rửa mặt bầu trời
nước trời cùng sáng

Có người khâu những tờ sạch
bằng thớ hồng xiêm chín lụng bên kia mũi đao
hoa đại mọc từ tiếng mối
lò sương ẩm lên dưới ngực cơn mưa
những chân dung trên tường âm thầm tự cõi
để sự có mặt im lặng đầy lên

Tĩnh sạch không còn là màu trắng
con sóc uống hết chiếc bóng của mình
đám mây trả lại khoảng trống
chiếc lá sau hè rơi lên cao...

Chiều du hoang

ĐẶNG THIÊN SƠN

Những ngã tư đèn đỏ, đèn xanh
Định hình một hướng đi chưa dứt
Mưa giăng mù phố núi
Về hướng nào đây em?

Pleiku ngã tư nối tiếp ngã tư
Thoai thoải dốc
Thoai thoải những cơn mưa
Thoai thoải những nóc nhà
Thoai thoải lòng người lữ thứ..

Đôi chân du hoang bước trên hè phố
Lần theo cơn mưa
Đi về phía không người

Những bông cúc quỳ nở muộn
Cài lên cuộc tình đã vỡ
Vàng vọt nổi nhớ
Trái tim nhưng nhức ru mùa.

DIỆU LINH

Tiếng chuông hành hương

Ngày đi qua nửa giọt sương
Có con đẽ nhỏ hành hương lên chùa
Câu kinh thức trắng đêm xưa
Vội đi thính tiếng chuông vừa bầu không

Ngày em hái trộm phù vân
Ta làm một khóm hương trầm từ bi
Ngàn năm tượng đá nghĩ gì
Mà dòng tịnh độ trên mi mắt buồn?

Ngày ta lạc cõi vô minh
Em làm ngọn lửa vô tình thiên u
Hoa từ đạo ấy đi tu
Nở ra vô lượng mùa thu đã tàn...

Ngày trôi qua nửa giọt sương
Tôi đi qua nửa vô thường, rồi quên.

Đêm tục huyền

Một ngày nằm khô sợi tóc
Nghe mưa bên cỏ ngoài sân
Thương đồng xưa cây vằng vặc
Mẹ đổ trắng vào mùa không

Đêm tục huyền cùng cây cỏ
Con mơ vừa thác bên trời
Lấy mình đong bao tiền kiếp
Hư vô, hỗn độn rong chơi...

Một lần nằm say với lửa
Về thăm màu khói tường vi
Dĩ vãng mọc mầm ô cửa
Thời gian mù lòa tự thiêu

Nhen trên môi lời ru cũ
Cội nguồn cháy chẳng thành tro
Dã cầm trôi như trần trối
Ta với rừng xưa có còn?

Một hôm ngủ quên trong đất
Đánh rơi giọt khóc trên cao
Triệu năm tỉnh ra khoảnh khắc
Hỏi thăm nhà Mẹ chốn nào?

D.L

Mưa

LÊ NHI

Một ý nghĩ đang nhảy múa với đêm bởi giọt nước,
biết cười
và vết son lem trên đoá môi, òa khóc

Mưa
nơi này rất khác
mưa ám ảnh lữ ve
mưa đã không chụp lại người đàn bà
cho thuê truyện trên phố

Cột đèn vào mùa hè năm ấy
em đã đọc “bỉ vỏ” trong cơn mưa ma ám
phố sách cũ dắt em đi

Đi dọc cánh rừng
đi lên cao nguyên tắm gió
vừa đi vừa đỏ con mắt
nghe tiếng thét từ sấm sét
nhìn chúng thác loạn đời mình
thành nắm mồ
rêu bọc

Mưa rỏ vào bảy góc gác
mười sáu nóc nhà hoang
sầm sập lo âu
ùng oàng thành lời ru từ làng SOS
lời ru đau xót
bởi những hạt mưa sa

Thành phố bây giờ buồn ít vui nhiều
buồn nhiều vui ít
thành phố có dấu vân tay đã chết
cùng cơn mưa em

Một ý nghĩ đang nhảy múa với đêm
bởi giọt nước, biết cười và vệt son lem, biết khóc.

L.N

Sơ ri

LẠI ĐỨC TRUNG

Em có về nơi ấy
Bên góc khuất hiên nhà
Cây sơ ri chín mọng
Như hẹn thề đôi ta.

Đất cội cần đơm hoa
Chắt chiu hương làm trái
Em có về để hái
Những mùa tình thăng hoa.

Anh lạc bước nơi xa
Một nhòai đời cơm áo
Em có còn nhớ bảo
“Sơ ri là tim ta”.

Như hai nửa bài ca
Trái tim hồng nên trái
Em ơi đừng vội hái
Vỡ cuộc tình đôi ta.

Em không về nơi ấy
Bên góc khuất hiên nhà
Cây sưa ri chín rụng
Như cuộc tình trôi pha.

L.Đ.T

Đôi nạng gỗ

CAO NGUYỄN QUYỀN

Đồng đội ơi
thăm xa rồi
chỉ những mảnh đạn, chốt mìn còn gần mãi

Lúc này
ngực rừng thêu tên mày
bầu trời trắng xóa dầm mưa
hai vệ đường hàng cây run lạnh
xếp đôi hàng
quân phục bạc sồn
bao giọt nước mặn thâm thì
đùng tràn ra trứng mát

Đồng đội chúng mình nhiều bước chân thật giả
tròn, khuyết đất bùn
trên ngực
từng chiếc phù hiệu thương binh, cụt binh
đã ghim trái hàng chỉ

Chiều nay
đôi nặng gối lâu năm theo về đắp mộ
bạn tao đứng hàng dọc
sau mày
một mình mày
hàng ngang

Qua đất
nổi trời
xuyên trái tim tao.

C.N.Q

Quê xưa

PHẠM VĂN PHƯƠNG

Đêm qua trong giấc mộng lành
thấy em cùng với quê mình ngày xưa
thấy trời đang đổ cơn mưa
nhái kêu đồng rộng lòng chưa biết buồn

Rạ rơm vương vãi trong vườn
mùi cơm lên khói hãy còn đâu đây
cầm anh ở lại một ngày
gió trên sông tạnh, em đầy mắt thơm

Đêm còn phảng phất mùi rơm
con sông đã khác, người quen đã già
anh còn xa, em còn xa
chúng mình còn đó dấu là ngày xưa.

Bệnh bông thân xa

ĐẶNG QUỐC KHÁNH

Những điều chưa nói với em
Từ lâu tim đã ươm mầm lời duyên
Bạc đầu đời vẫn chưa yên
Phong ba chỉ lắm muộn phiền tóc xanh!

Mưa đèn cây
Ngọt trái lành
Lẽ đâu cay đắng riêng dành phần em?
Gần bên sao cứ lặng im
Cách chia rồi lại kiếm tìm xót xa!

Một đời phiêu bạt hào hoa
Ta xem thành bại như là hư không
Oan khiên từ độ dứt vòng
Lạnh hồn cố xứ bệnh bông thân xa!

Thôi em về bến mười ba
Hái cho nhau đóa trắng tà quạnh hiu!

Những câu kinh chơi vơi

Truyện ngắn TRẦN THANH THỦY

Bà ngoại tôi không học triết học. Bà cũng cũng không cần biết trong suốt năm tháng hoàng pháp của đức Phật, ngài chưa từng viết một dòng kinh nào, không có một hệ thống giáo lý được ấn định thành văn bản ngay khi Phật còn tại thế. Ngoại không bận tâm mấy khái niệm trừu tượng. Bà chỉ biết mỗi chiều khi đám mây bay cả ngày mệt nhừ lui về nghỉ ngơi sau chùa Lạc, bà lại qua đọc kinh với sư. Sư đến từ đâu tôi không biết. Nhưng khi tôi lên bảy tuổi, giữa vùng xóm nhỏ xác xơ hoang vu mấy nhà lơ thơ, nhỏ thó, xuất hiện một ngôi chùa và một vị sư nữ. Gọi là chùa vì nơi đó có tượng Phật chứ chùa cũng chỉ to hơn nhà tôi một tí. Bà ngoại từ ấy có nơi đi về, qua lại khi ba mẹ tôi ra đồng còn tôi đi học với mấy đứa bạn.

Bà ngoại quý sư Cả lắm không biết có phải vì sư có gương mặt giống dì Hai của tôi không? Mỗi lần thu hoạch được rau, củ, bà luôn cẩn thận gói

ghém lựa chọn những thứ ngon nhất đưa tôi xách qua biếu sư. Bà luôn dặn dò cẩn thận nhớ nói với sư là “Bà ngoại con gửi nhờ sư thấp nhang kính Phật”. Với một đứa trẻ như tôi, bao câu hỏi cứ lớn vờn trong đầu. Có lần, tôi mạnh dạn hỏi:

- Phật dùng được những thứ này hả ngoại?

Nghe tôi hỏi, bà ngoại quở phạt.

- A Di Đà Phật! Cháu con đại người phạm lỗi, ngài cao siêu đừng chấp.

Phật xuất hiện trong tuổi thơ tôi như vậy đó. Mấy cô trong xóm tôi lên chùa Lạc thấp nhang tôi hay tò mò lắng nghe lời khấn nguyện lầm rầm với đôi mắt nhắm nghiền. Các cô xin đủ thứ trên đời, hứa đủ thứ trên đời như kiểu đổi chác. Từ ấy, tôi ít lui tới chùa, cảm giác vừa sợ vừa lo vì sự vô tri của mình có thể để lại hậu quả gì đấy. Chùa Lạc trở nên xa xôi. Đi học về tôi luôn tìm cách né tránh vì cứ có cảm giác nếu mình đi ngang qua biết đâu

tượng Phật sẽ nhìn thấy mà phiền lòng về câu nói hay một ý nghĩ hồ nghi nào ấy không phải phép. Con Huệ bạn tôi không hiểu những tâm tư đang đâm chồi nảy nhánh trong tôi. Hôm nào sau mấy rằm lớn nó lại thì thào vào tai khi tiết học cuối chưa dứt:

- Lát nữa, đi về đường xóm chùa nghe!

Tôi biết cái bụng háu ăn của nó đang trông chờ sư Cả nhỏ cỏ vườn chùa thấy chúng tôi đi ngang qua thế nào cũng gọi lại:

- Na ơi, có chè nè con!

Sư Cả thích gần tôi vì ngoại tôi tối nào cũng qua chùa đọc kinh với sư. Nhiều hôm chẳng đợi được ba mẹ về ăn cơm ngoại đã đi trước. Nhìn dáng ngoại nghiêng nghiêng chân bước nhanh trên con đường đất tôi cứ có cảm giác chùa có gì đó đủ sức níu ngoại hơn tôi. Có hôm, tôi bày trò vờ đau bụng, ngoại cạo gió đánh dầu rồi sắp ngựa đi cho kịp lễ, sợ sư Cả đợi. Sau lần ấy tôi thấy mình tệ quá. Đường như mình cứ tìm cách rẽ chia ngoại với chùa.

Ba mẹ tôi cùng sinh ra ở mảnh đất miền Trung nắng thì dư lửa mà mưa thì dư nước. Mùa hè gió Lào dan díu với cái nóng thổi rất mặt, mùa đông cái lạnh căm căm. Lũ lụt năm nào cũng về quần thảo hung hãn. Làm ra gạo mà cũng có năm thiếu ăn. Tất cả năm miệng ăn trông vào ba sào ruộng. Ba nghe người ta nói Tây Nguyên đất rộng chỉ có mưa không bão làm ăn cũng dễ nên bàn với mẹ và ngoại. Thương ba mẹ đồng ý thế rồi cả nhà dắt díu nhau vô Tây Nguyên. Với bản tính cần cù không sợ khó, sợ khổ ba mẹ biến đất

hoang thành nương thành rẫy. Cây cà phê dần xanh tốt thay cho cây cỏ tranh, vườn sù vườn cải thay cho hoa dã quỳ. Ngoại tôi biết ơn đất nơi này lắm. Đêm nào cũng ra trước hiên khấn vái thành tâm.

Có lần mẹ bê cục đá dưới suối nặng quá liền gọi ba chạy xuống đỡ hộ. Ba vừa chạy đi thì một tảng đá to trên núi đổ ụp xuống chỗ ba đang đứng trước đó. Ba mẹ về kể với ngoại.

- A Di Đà Phật! Mai sắm ít lễ lên chùa tạ ơn. Phật gia hộ nhà mình đó.

Mẹ tôi đạp xe hơn 20km để ra chợ thị xã mua cho được bó bông cúc, trái cây và mớ giấy tiền vàng mã về nấu cơm tạ ơn Phật và ông bà hộ trì. Vì trong cái xóm nhỏ của tôi muốn thêm trái ổi cũng phải dặn bà Năm bán dạo mang về. Hôm nào vui bà nhớ, bữa nào vừa cãi nhau với ông chồng lưu linh để thích là bà lại quên. Có đợt, trong mâm cỗ ông ngoại nhà tôi thiếu món canh mít lá lốt (món ăn ông rất thích ngày còn sống) chỉ vì tối hôm trước hai vợ chồng bà Năm cãi nhau.

Phật trong tôi lúc ấy đúng là một vị thần huyền bí bảo vệ gia đình tôi bảo vệ ba tôi. Nhờ Phật chở che mà tôi có ba để mè nheo dù đã lớn xác. Tôi bắt đầu thấy mình gần gũi với Phật hơn và tôi lại mon men qua chùa Lạc. Tôi phát hiện ra sư Cả hiền lành, Phật cũng hiền lành. Phật chỉ ngồi trên cao nhìn tôi với ánh mắt phúc hậu. Thậm chí sau khi thấp nhang cho Phật xong tôi còn được sư Cả cho cái bánh, quả quýt lấy lộc Phật ban. Tôi quen dần với việc đi chùa cùng ngoại mỗi tối, không biết có phải vì quen nghe những câu kinh (mà tôi không hiểu tí nào) hay vì quen



với việc trước khi về thế nào cũng được nhận lộc của sư.

Mỗi độ rằm tháng Giêng, ngoại và các bà cụ lên chùa đội sớ dâng sao cầu bình an. Tôi mơ hồ nghĩ về những ngôi sao trên bầu trời đêm xanh thẫm xa xôi ấy sao lại vì diệu đến vậy. Chúng lại có thể chiếu và ảnh hưởng đến sinh mạng của một con người. Có năm, tuổi của ba bị sao xấu, ngoại dặn dò:

- Sao Thái Bạch đó, liệu mà cẩn thận nghe con.

Tôi chỉ biết đến ngôi sao Hôm (sao Mai). Một ngôi sao có những hai cái tên luôn rục rờ riêng biệt, đứng ở đâu giữa cánh đồng hay trước hiên nhà, tôi cũng đều nhìn thấy. Ngôi sao ánh sáng vàng lung linh ấy sao lại có thể đem đến cho người ta một tai họa rập rình gì chứ. Sao nó có thể chiếu vào vận mệnh ai đó. Vũ trụ này chẳng lẽ là một sự sắp đặt của một thế lực nào đấy. Tôi hồ nghi thuyết thiên văn Phương Đông không liên quan đến giáo lý của nhà Phật liệu có đoạn kinh nào nói rằng con người bị chi phối bởi các vì sao. Mà nếu có thì một cái lẽ nhỏ có hóa giải được không? Tuy vậy, mới mồng tám tháng Giêng tôi cũng đi khai kinh với ngoại và các cô dì cùng xóm. Tôi chỉ biết đến ông sao Thần nông, sao Bắc đẩu... Tôi xa lạ với sao La hầu, sao Kế đô, Thủy diệu... Có lần, tôi tò mò hỏi sư Cả:

- Phật bày mình cúng sao sẽ bình an hả sư?

Sư không giải thích chỉ nói:

- Con cứ tin thì sẽ có, cứ đi thì sẽ đến.

Tôi đi dọc dài tuổi thơ với tháng Giêng cầu an, tháng Bảy cầu siêu...

Tôi lớn lên với những chú nguyện mà mình không hiểu rõ nghĩa, chỉ đọc và tâm nguyện cứ tin sẽ có, cứ đi sẽ đến của sư Cả mà đến đâu thì tôi không rõ. Ngoại thì mong nhiều, mong tôi một đời bình an, ba mẹ làm ăn ổn định... mong câu kinh, câu kệ sẽ dẫn về thế giới cực lạc. Trong khi tôi thì mong ngoại luôn ở bên tôi, ở đây ngay lúc này, ngoại cốc đầu khi tôi hỏi ngô nghê, có ba mẹ dù vất vả nhưng hạnh phúc. Sư Cả có giải thích với tôi khi tôi hỏi về nơi ngoại dự định sẽ đến nhưng sao tôi vẫn thấy mình chấp chới. Nhưng tôi không dám hỏi, tôi để đó cho riêng mình. Chỉ có điều, cảm giác tội lỗi luôn bủa vây mỗi khi đọc kinh tôi lại nghĩ những chuyện phía sau cánh cửa chùa. Miệng tôi đọc như máy mà lòng tôi mơ đến chiều nay vừa cãi nhau với đứa bạn thân. Chỉ có sư Cả và ngoại vẫn chú tâm đọc. Quyển Nhật Tụng ngoại đã thuộc, sư Cả chắc chắn cũng thuộc, chỉ mình tôi không thành tâm câu chữ như cơm bỏ vào miệng chén mè lại rơi ra.

Năm nay, mùa mưa đến sớm hơn thông lệ. Mới chạp tháng Năm mưa bắt đầu giành nửa ngày của nắng. Sư Cả không phơi thuốc lá nam được, ngoại cũng không đi hái thảo dược quanh vườn giúp sư. Nhìn mấy cây nhãn trần, sài đất, chó đẻ, rặng cửa chưa kịp thu hoạch phất phơ trong mưa, tiếng sư Cả thở dài theo từng đợt gió rít lên mái tôn đã vài chỗ thủng. Ba có mấy lần qua chùa phụ sư sửa nhưng chỉ sửa thôi chứ vài hôm nước lại lem nhem cả chánh điện. Giá mà trời nắng mấy cây cỏ này sẽ được khoác áo mới với cái tên mĩ miều khi thành thuốc.

Tôi hình như lập dị, không quen không yêu với cái tên Diệp Hạ Châu, Bán Chi Liên... Tôi cứ tưởng tượng ra một cô gái không đẹp chỉ cần xuất thân trong gia đình giàu có sẽ được gọi là công chúa, như con Ánh con nhà cô giáo Tâm và có ba làm công an. Dẫu sư Cả hay bảo tôi người giàu có xinh đẹp là nhờ hưởng phước từ vô lượng kiếp. Tôi cũng có thể đẹp, có thể xinh khi chịu tu học từ kiếp này. Tôi mơ hồ lo lắng có chút hối tiếc giá người ta không phải uống canh Mạnh Bà gì ấy, có phải người ta nhớ mà sống tử tế không cần đọc kinh mới an ủi và thay đổi cuộc đời.

Sư cả năm nay đã ngoài ba mươi. Sư ốm hơn so với cái ngày mới về xóm. Tôi cứ có cảm giác sư già đi vì ngôi chùa cũ kỹ tạm bợ. Sư hiền lành phúc hậu giá mà Phật thấy sự hiền lành chăm chỉ bù đắp cho sư bớt khổ thì hay quá. Tôi vẫn thì thầm cầu nguyện cho sư khi đứng trước Phật. Ngoại thương sư như thương đứa con gái lấy chồng xa hơn năm năm rồi chỉ gặp qua điện thoại. Hôm rồi, ngoại đưa tôi xách cho sư hai đòn bánh tét chay, lần đầu tiên tôi thấy có chiếc ô tô lạ đỗ trước chùa. Chiếc xe đẹp hơn xe nhà con Ánh khiến tôi tò mò. Con Mục quá quen với tôi nên vẫy đuôi đi theo vào gần tới cửa thì thụt lui. Trước bậc thềm, đôi giày nam sang trọng và bóng loáng khiến tôi chú ý. Trong giấc mơ bé thơ đã có lần tôi đã từng mơ về một ngày mình sẽ giàu có, sẽ không cho ba mẹ lao động vất vả, tôi sẽ sắm nhiều đồ đẹp để ba mặc mỗi ngày. Lúc ấy, ba sẽ tự tin mà mang những đôi giày như thế chứ không phải cảm giác rụt rè ngượng ngáy

khi khoác đồ vest mà mỗi khi đi đám cưới về là cởi ra ngay. Tôi nép ở cửa không dám vào tìm sư nhưng tôi nghe tiếng khóc của sư. Tiếng khóc nức nở, rồi da diết. Tiếng khóc như lúc tôi bị mẹ bỏ rơi không cho đi chợ huyện. Có lúc lại sực sùi như lúc ba nhìn mẹ vất vả với những nếp nhăn vết đốm đồi mồi loang đen gương mặt người phụ nữ ngoài bốn mươi.

- Anh không muốn em sống đọa đầy như vậy!

Đứa con gái mười lăm tuổi bỗng nhớ đến anh học hơn hai lớp cũng hay nhìn lên và gọi tôi là em như vậy. Rụt rè tôi đi thụt lùi đem hai đòn bánh tét về nhà.

- Sư đâu mà con đem bánh về, Na?

Tôi ấp úng: "Dạ, con không thấy sư, sợ con Mục ăn nên để tối ngoại đem sau".

Không hiểu vì sao lúc đó tôi nói dối mà câu nói trôi tuột gọn gàng đến độ ngoại chẳng hỏi thêm tí nào. Tối ấy, tôi qua chùa đọc kinh với ngoại và sư. Chiếc xe đẹp đã không còn đậu khắp khảnh ở sân chùa. Mà nó không nên đậu ở đây, thật chẳng có gì phù hợp với nó cả. Vẫn bài kinh Nhật Tụng quen thuộc nhưng sao hôm nay tôi nghe giọng sư chơi với xa xôi. Lời kinh rời rạc không còn liền mạch trong tôi. Bà ngoại không hỏi sư chiều đi đâu, chắc ngoại nghĩ sư lên rẫy tìm lá. Lần đầu tiên tôi muốn nhìn sư Cả, muốn nhìn như thể có dự cảm gì bất an sẽ đến. Đôi mắt sư đẹp mà buồn quá, gò má sư cao chứa cả một vùng trời bất trắc. Bà ngoại hay bảo: "Gò má cao số đa đoan" mỗi khi nhìn tôi và sư Cả. Tôi biết bà vẫn thầm gieo hạt giống tu

hành trong tôi. Mỗi khi than thở với ba mẹ tôi con gái mà tuổi Canh Dần, sinh tháng Dần mà sinh không đúng giờ Dần. Ngoại cứ chắc lẩn chuyện tôi sinh giờ Tý, da con chuột chẳng bọc được con hổ, sợ số lại khổ. Tôi vẫn tin trong những lời kinh khẩn nguyện ngoại có khẩn cho tôi. Mà tôi có thấy mình khổ đâu. Ba mẹ thương tôi hơn thằng em tuổi Quý Tỵ của mình. Nó luôn trong tâm thế phải nhường tôi, không được bắt nạt tôi, phụ giúp tôi... Chắc ba mẹ cũng như ngoại sợ mai rày tôi khổ không có ai bù đắp nên bù đắp từ giờ.

Một sớm mai, mưa dập diu khắp đồi, mưa làm lem nhem mấy con đường đất đỏ vào xóm, mưa chạy xuống những đường mương làm nước đỏ quạch. Những hàng thông cứ diu dặt hắt hiu có gió thổi qua lại rung lên những thanh âm dờn dợn. Tôi chỉ biết ve và phượng vĩ qua trang sách. Nhưng chúng tôi không bao giờ cho cơn mưa nuốt chúng mình trong những nỗi buồn hiu hắt. Thường thì sẽ tụ tập tới nhà nhau để làm bánh khoai nướng. Chiều chiều dắt díu nhau ra các vườn cà rốt, khoai tây vừa đào xong, theo dấu mưa mà trời lên để mát, kiếm tiền mua này kia. Khoai tây mùa này là trái mùa nên có giá cao, chỉ cần cả lũ mót được vài ký đem ra chợ đổi cũng đủ một bữa làm bánh ăn ngập ngụa.

Đang trong chiếc áo mưa nylon qua nhà con Hoa, chiếc xe màu trắng lướt qua tôi với những vệt bùn bắn lên mặt do xe chạy nhanh. Chưa kịp định thần

nhìn lên, tôi nhận ra chiếc xe tháng trước ở chùa sư Cả. Tôi chạy vội về chùa. Chùa đóng cửa, con Mực nằm trong chuồng vẩy đuôi chào tôi. Trời mưa cũng làm nó lười biếng. Chùm chìa khóa sư treo cạnh cửa chuồng nhưng tôi không mở vì chỉ có ngoại và sư mới được dùng. Cảm giác mất mát loang khắp da thịt, tôi ngờ ngợ chiếc xe ấy đã chở sư Cả của ngoại tôi đi.

Một đêm, hai đêm, ba mươi đêm... trôi qua, chùa điêu hiu u tịch chỉ còn tiếng kinh của ngoại đều đều rơi trong bóng tối. Ánh sáng nhập nhòa của ngọn đèn dầu nơi chánh điện không giấu được giọt nước mắt cố giữ lại trên mắt ngoại. Con Mực hình như cũng biết buồn, thấy tôi nó dụi dụi vào người như thể muốn nói: "Tôi cũng buồn lắm Na".

Ban ngày, ngoại không qua chùa hái lá dọn cỏ như trước. Không phải vì buồn mà sợ xóm làng đi ngang lại xầm xì chuyện sư Cả. Người ta đồn đoán nhiều lắm. Nhưng ngoại không tin đâu. Ngoại tin sư có nỗi niềm gì khó nói nên mới ra đi vội vã. Tôi thì cất lại buổi chiều hôm ấy cho riêng mình vì mỗi ngày thấy ngoại bắc chiếc ghế gỗ ngồi nhìn ra đường lộ là tôi biết ngoại chờ ai. Tôi chỉ sợ đường ngoại chọn về khắp khển trong tiếng kinh rơi. Từ dạo ấy tôi không bỏ lễ Nhật Tụng ngày nào dù bận bẻ vẫn rủ đi ăn chè. Tôi biết ngoại cần tôi, tôi sẽ níu câu kinh để nó không bay đi tìm một người đã không còn thuộc về chốn này.

T.T.T

Trong bóng đời lặng lẽ...

Truyện ngắn LÊ NGỌC SƠN

Cách độ vài hôm, cứ vào khoảng xế chiều là lão lại ghé sang nhà tôi. Ban đầu, lão chỉ lân la hỏi chuyện:

- Bố mẹ mày đi làm chưa về à?

Dĩ nhiên, lão biết thừa giờ ấy làm gì bố mẹ tôi đã có mặt ở nhà. Nhưng rồi, lão cũng nhanh chóng đi vào chuyện chính. Lão chìa ra cái cốc thủy tinh to, loại người ta vẫn dùng để uống nước chè vối, và bảo:

- Có rượu không, cho chú xin ít!

"Ít" theo cách của lão thì cũng phải nửa cốc, mà nếu rộng tay rót thì cũng ngót nghét đến lưng. Nhưng điều đáng nói không phải ở chỗ đó, mà ở cách lão uống rượu. Rượu đế nặng, đốt lên còn bốc lửa xanh lè, vậy mà lão chỉ ngửa cổ, đánh cái ực, cạn luôn. Không nhăn mặt, không nhíu mày, như thể chỉ vừa uống cốc nước mát sau một buổi trưa nắng. Tôi đồ rằng lão nghiện rượu nặng, hoặc tệ hơn, cơ thể lão chẳng còn cảm giác gì với rượu nữa.

Nhưng lão không lè nhè. Uống xong là đứng dậy chào, đi thẳng. Dáng lão đậm, bước đi dứt khoát, lững thững khuất dần nơi ngõ nhỏ. Vợ lão mất cũng gần một năm nay rồi. Nghe kể, hôm ấy lão chở vợ đi đám giỗ, đang bon bon trên đường thì một chiếc xe tải từ phía sau vượt ẩu, lấn làn bên trái, ép sát xe máy của lão. Thân trước của xe tải quệt mạnh vào gương bên trái khiến xe lão mất thăng bằng. Xe đổ, người ngã. Vợ lão ngồi sau bị hất văng ra đường, rồi bị cuốn vào gầm xe tải. Một cái chết tức tưởi và đau đớn. Lão thì ngã dúi theo xe, trượt dài vào lề đường, người bê bết máu nhưng may mắn chỉ xây xát ngoài da. Lão sống. Từ đó, một mình gà trống nuôi hai đứa con. Thành lớn năm nay đã học lớp mười một, thành út mới học lớp năm.

Khi còn vợ, gia đình lão chẳng đến nỗi thiếu thốn. Thậm chí có phần khá giả là đằng khác. Vợ lão làm y sĩ ở bệnh

viện huyện. Ngoài giờ hành chính, bà còn tranh thủ đi tiêm, truyền dịch, thay băng và bán thuốc cho người bệnh tại nhà. Nhờ thế mà ngoài đồng lương cố định mỗi tháng, còn có thêm thu nhập phụ, đủ để xoay xở và dành dụm. Lão cũng không ngồi yên. Mở một quầy nhỏ làm đại lý phân bón hữu cơ ở ngay gian nhà trước, kiêm bán nước đóng chai, thỉnh thoảng có người gọi thì chạy xe ôm. Nhà nằm ngay mặt đường quốc lộ, thuận tiện buôn bán, đi lại.

Thế nhưng, cái xóm nhỏ này chẳng thiếu chuyện để xì xào. Người ta cứ kháo nhau rằng lão “nuôi con tu hú”, rằng hai thằng con chả đứa nào là máu mủ ruột rà với lão. Mấy lời đồn ấy chẳng ai dám nói thẳng mặt, nhưng lão biết cả. Biết hết. Vậy mà lão chẳng một lần thanh minh, chẳng một câu phân bua. Lặng lẽ sống, lặng lẽ nuôi con, lặng lẽ chịu đựng. Mà lão biết nói gì bây giờ, giữa cái thế “ngậm bồ hòn làm ngọt” như đời mình?

Lão quê ở tận Quảng Bình. Hồi chiến tranh biên giới những năm tám mươi, lão nhập ngũ, chiến đấu ở mặt trận Vị Xuyên. Cẩm cự được hơn một năm thì bị thương. Ra quân, lão mang về vết thương cùng tấm thẻ thương binh hạng ba trên bốn. Trở lại quê nhà, lão được hợp tác xã sắp xếp cho làm chân thu mua ở cửa hàng mậu dịch xã. Có lần được phân công ra ngoài Bắc thu mua nông sản cứu đói cho dân quê mình, lão gặp chị, một y sĩ, rồi phải lòng. Cưới nhau xong, lão ở lại luôn quê vợ, nơi cuối đất xứ Thanh, một thị trấn ven biển lộng gió và lặng thầm.

Nghe đâu ở quê cũ, bố mẹ lão đã khuất núi từ lâu. Người thân duy nhất

còn lại chỉ có cô em gái, nhưng chị ấy cũng lấy chồng xa, mãi tận ngoài Hà Bắc. Thỉnh thoảng, lão lại khăn gói về quê cũ, mang cho xóm giềng ít quà quê, cây nhà lá vườn mà đượm tình đượm nghĩa. Tôi thích nhất món khoai dẻo lão hay mang ra, thứ đặc sản của đất Quảng. Một miếng nhỏ thôi mà nhần tươi bởi mới chịu bở. Khoai dai dẳng, quánh đặc nhưng ngọt thơm, cứ như gom cả nắng gió miền Trung vào trong từng thớ ruột.

Từ ngày vợ mất, cuộc sống của ba bố con lão khốn khó đi nhiều. Thu nhập từ cái cửa hàng phân bón cộng với vài cuộc xe ôm mỗi ngày, tằn tiện lắm mới vừa đủ chi tiêu. Không còn ai quán xuyến việc nhà, cũng chẳng còn ai lo toan những khoản lật vật thường nhật như ngày trước. Mọi thứ giờ dồn lên vai ba bố con, trong đó thằng lớn hiểu chuyện hơn cả. Nó đang học cấp ba, biết bố vất vả nên bỏ hết các lớp học thêm, học bớt, tự học ở nhà. Ngoài giờ ôn bài, nó còn kèm em học, lo cơm nước, giặt giũ, thu dọn nhà cửa. Nhiều hôm đi học về đã thấy nó loay hoay nấu ăn. Nhìn cảnh đó, lão vừa thương con, vừa xót xa.

Hai anh em nó, một trắng, một đen. Một tóc thẳng mượt, một tóc xoắn tít. Một cao ráo, một gầy gò, đen nhằng. Một đứa mặt hiền lành, một đứa gầy quắt lại với đôi mắt hơi lồi ra. Nhìn vào, không ai nghĩ chúng là anh em ruột. Mà thực ra, chúng cũng chẳng phải con ruột của lão. Sợi dây gắn ba con người ấy lại với nhau, là mẹ chúng, là vợ lão, thì nay đã mất. Một sợi dây tưởng như đã đứt. Vậy mà, lạ thay, từ ngày vợ mất, tình cảm giữa ba bố con



Minh họa: Nguyễn Văn Cẩn

lại thêm phần gấn bó, lặng lẽ mà bền chặt như một sợi thừng cũ, xơ xước nhưng chưa từng đứt đoạn.

Thằng lớn học giỏi. Một lần, nó ngồi học, ngẩng đầu nói với lão:

- Năm sau con thi đại học Y. Con muốn làm bác sĩ.

Lão xoa đầu nó, chậm rãi bảo:

- Trường đó khó đấy. Nhưng con cố mà học.

Từ ngày mẹ mất, nó cũng kiên luôn vai trò đầu bếp. Đi học về là nó tranh thủ đi chợ, nấu ăn, rửa bát, quét nhà. Gánh vác được chừng đó, cũng đã đỡ dần cho bố phần nào. Còn thằng út, nó còn nhỏ, vẫn nhớ mẹ nhiều. Đi học hay tủi thân, có hôm về nhà cứ thút tha thút thít mãi. Lão gắng hỏi, mãi sau nó mới meo meo:

- Bạn nó trên con, bảo con không cha, không mẹ...

Đắng lòng quá, lão chỉ biết ôm con vào lòng. Không nói được gì, mắt cứ cay xè.

Mấy bà hàng xóm cũng từng một dạo mỗi láis cho lão. Nhắm tới một bà trong xóm, chồng cũng mất sớm, hoàn cảnh hai bên "rõ rã cạ lại" xem ra khá tương đồng. Người ta bảo, nhà có bàn tay phụ nữ thì vẫn hơn là cảnh gối chiếu, chần đơn. Phía bên kia cũng có ý ngả theo rồi. Thế nhưng lần nào có người mở lời dạm hỏi, lão cũng chỉ cười nhạt, lắc đầu mà bảo: "Chỉ làm khổ người ta thôi". Nhiều lúc thấy lão lẩm lũi khiêng từng bao phân bón chất lên chiếc xe máy cũ, chẳng buộc bằng sợi dây chun đã nhão, rồi chạy đi giao hàng cho khách... Lúc về lại ngồi một mình hút điếu thuốc lào, mặt buồn rầu theo làn khói trắng bay lên, người ta lại thấy thương thương.

Năm sau, thằng con lớn đỗ đại học. Nó thi đậu vào trường Y ở Huế, đúng ước mơ từ lâu của nó và cũng là niềm hy vọng lớn nhất của lão. Ngày nó nhập học, lão không tiễn con ra tận trường được. Chỉ lặng lẽ gói ghém đồ đạc,

dặn dò vài câu, rồi bắt xe khách cho con đi. Nhà lại neo người hơn, chỉ còn lão và thằng con út, năm nay mới vào lớp sáu.

Thằng nhỏ... ai cũng biết. Nghe đâu là con của vợ lão với một ông bác sĩ làm cùng bệnh viện. Nó giống hệt mấy đứa con trai của ông ấy, da ngăm, tóc xoăn, mặt gầy choắt, không lẫn đi đâu được. Mà cũng nào có xa xôi gì. Nhà ông bác sĩ chỉ cách nhà lão có mười nóc nhà, nằm dọc con phố nhỏ ấy thôi. Lão đi đưa nước, giao hàng hay chạy xe ôm, ngày nào mà chẳng chạm mặt dăm ba lần. Vậy mà hàng xóm chẳng ai từng thấy lão to tiếng hay đôi co với ông ta. Hồi vợ còn sống, cũng chưa ai từng thấy lão cãi vã. Với thằng nhỏ, lão lại càng chưa từng nặng lời. Lão không đánh, không mắng, chỉ lặng lẽ thương nó, chăm chút cho nó như con ruột. Có khi, thương hơn cả bố ruột thương con. Thương thằng bé thiệt thòi, mồ côi mẹ, nên lo cho nó chu toàn từng miếng ăn, giấc ngủ.

Thế rồi ông bác sĩ lâm bệnh nặng. Nghe đâu phải sang tận bên Trung Quốc để thay một quả thận, nhưng tiền lương cũng không sống được bao lâu. Ông gầy sọp hẳn đi, dáng người cao lớn ngày nào giờ lụi dần như một thân cây khô cỗi. Có mấy lần, ông lững thững định sang thăm thằng bé, đứa trẻ mang giọt máu của mình, muốn một lần nhìn thẳng vào mắt nó, muốn gọi nó là "con". Cũng gần đất xa trời rồi, tình phụ tử tưởng chừng đã ngủ yên, giờ lại cựa mình trỗi dậy, thôi thúc ông hoàn thành điều thiêng liêng còn dang dở. Nhưng mấy người con bên ông thì hình như không muốn. Họ sợ

lời thôi, sợ rắc rối, sợ cả chuyện chia mảnh đất hương hỏa. Thôi thì cũng gần hết một kiếp người, ngâm thêm một điều đắng cay tiếc nuối cũng chẳng nhiều nhận gì...

Ngày ông bác sĩ mất, kèn đám vang lên nỉ non khắp phố. Tối hôm trước ngày đưa tang, lão lặng lẽ bảo thằng út: "Con mặc bộ quần áo đẹp. Bố đưa con đi thắp hương cho bố của con".

Thằng bé ngơ ngác. Nó cũng lờ mờ hiểu chuyện, từ những lời đồn thổi qua tai. Nhưng nó không hỏi gì, chỉ gạt đầu, mặc áo rồi theo bố đi đám. Hai bố con lão vừa tới nơi, đám tang bỗng chững lại trong một khoảnh khắc. Mấy hàng xóm kín đáo liếc nhìn nhau, ánh mắt đầy hàm ý: "À, lão dắt con đến kia rồi". Phía gia đình nhà ông bác sĩ có phần bối rối. Nhưng rồi cũng có người đưa cho hai bố con lão nén hương. Lão đứng trước bàn thờ linh vị, nhìn con, rồi ngược lên, chấp tay khấn:

- Nghĩa tử là nghĩa tận. Hôm nay tôi đưa cháu tới đây, để thắp một nén hương tiễn biệt anh. Khi anh còn sống, chưa thể nhận cháu. Nhưng có nhận hay không, cháu vẫn là con anh. Làm con, thì bố mất, phải đến lạy tiễn đưa. Cầu mong cho linh hồn anh nơi miền cực lạc được an bài siêu thoát.

Khấn xong, lão bảo thằng bé quỳ xuống, lạy ba lạy. Nó ngoan ngoãn làm theo, rồi châm hương, cắm vào bát. Khói hương uốn cong thành dải mỏng, chậm rãi bay lên. Theo làn khói ấy, mọi khúc mắc, oán ân, điều tiếng... cũng như tan ra và bay đi mất. Người ta đứng bên, lặng nhìn. Rồi cúi đầu. Có ai đó nói nhỏ: "Thế mới là tận nghĩa tận tình. Lão này... đáng trọng".

Bằng đi năm năm, thằng con trai lớn của lão cũng đã tốt nghiệp ra trường. Bệnh viện huyện trong giai đoạn tự chủ, đang ưu tiên tuyển dụng bác sĩ trẻ có tay nghề, trình độ, lại là người địa phương. Thằng con lão được xếp đầu danh sách. Có việc làm, có lương, nó tự nuôi được bản thân, còn phụ bố lo cho em ăn học. Ấu cũng là trái ngọt cho những tháng năm lão gồng gánh, tần tảo nuôi con người khác bằng chính tình yêu chân thành nhất. Nét mặt lão dạo này giãn ra đôi phần. Lão vẫn hay sang nhà tôi xin chén rượu, nhưng cái cách uống đã khác: không còn uất nghẹn, cay đắng, mà thông thả, từ tốn, như người từng đi qua khổ đau nay biết trân quý từng giọt yên bình.

Một buổi chiều hè, lão sang chơi cờ với bố tôi. Khoảng sân rợp bóng cây hoa dẻ, hoa nở vàng thơm dịu mát. Hai ông già ngồi bên bàn đá, đánh cờ, rồi khẽ khà chén chè mạn đặc. Cũng lâu lắm rồi, lão mới có lại một buổi chiều thông dong như thế. Hai đứa con ở nhà: thằng lớn mới đi làm về, đang cùng thằng em loay hoay nấu cơm. Nhà cửa giờ chúng nó lo cả, thương bố nên đứa lớn đứa nhỏ đều biết vun vén, đỡ đần. Mẹ tôi dọn cơm ra, lão toan cáo từ, nhưng bố tôi giữ lại: “Anh em làm đôi chén cho vui”. Hôm đó mẹ tôi đi chợ mua được rổ cá diếc đồng bụng đầy trứng, làm món cá kho khế chua, món quê, mà hợp rượu lắm.

Hai ông ngồi nhâm nhi, rồi rượu dẫn chuyện. Lão kể, năm ấy đi bộ đội, đóng ở mặt trận Vị Xuyên, lúc chiến sự khốc liệt nhất. Các ngọn đồi, điểm cao

đổi chủ liên tục. Đại đội của lão được lệnh đánh thốc lên giành lại đồi bị địch chiếm. Pháo nổ dồn dập như giã gạo. Đồng đội của lão nằm lại bên sườn đồi quá nửa. Lão dính mảnh pháo ở bụng dưới, máu chảy đầm cả người, được đồng đội cõng về tuyến sau. Nằm viện quân y mấy tháng, lão ra quân với tờ giấy chứng nhận thương binh.

Vợ chồng lão cưới nhau nhiều năm mà vẫn chưa có con. Lão nhận ra ánh mắt khao khát của vợ khi nhìn thấy đám trẻ con hàng xóm mỗi khi rượt đuổi lau nhau trước cổng. Và cả những nỗi buồn trầm lặng mà vợ lão chưa bao giờ thổ lộ. Lão hiểu hết. Chỉ có điều lão không nói ra. Vợ lão làm bệnh viện, đi sớm về khuya, có hôm trực mấy ngày không về. Lão biết rõ hai đứa nhỏ không phải máu mủ của mình. Nhưng ngày vợ sinh, khi nhìn đứa trẻ đỏ hỏn oe oe cất tiếng khóc đầu đời, lão lại thấy lòng mình mềm đi. Rằng nếu không có con, thì vợ kiếm về, lão nhận. Nuôi nấng, chăm chút như con ruột. Vợ mất rồi, mặc bao lời dị nghị, lão vẫn âm thầm nuôi dạy hai đứa lớn khôn. Bố tôi rót thêm một chén rượu, đưa cho lão, giong chén cộng nhẹ, rồi nói chậm rãi: “Cuộc đời này, công bằng lắm ông à!”.

Trong chiều nhập nhoạng, bên mâm cơm quê thơm mùi cá kho, bên chén rượu nhấp nhồm khói, hai ông già hàng xóm cười xề xòa. Như thể cái cười đó là để khép lại một quãng đời truân chuyên, gập gềnh, mà rồi cũng đủ đầy. Biết đâu, cuộc đời đã thật sự công bằng với lão rồi chăng?

L.N.S

Tiếng đàn bầu trong căn nhà cổ

Truyện ngắn ĐOÀN TRỌNG HẢI

Lão Bầu ngược mắt nhìn di ảnh cha mẹ lão. Rồi lão nhìn sang cây đàn bầu. Hai hốc mắt sâu trùng của lão bỗng rớt xuống từng hột nước đùng đục. Lão đưa tay quệt lấy thì thấy nhờn nhợt sắc đỏ.

Bên ngoài trời đầy gió. Hai cánh cửa sổ bị giạt tung, va đập vào nhau liên tục. Căn nhà nhỏ thó của lão giờ bỗng rộng thênh thang. Ánh trắng sâm sẫm màu huyết dụ soi qua mái ngói mục nát vào tận trong nhà. Vùng sáng sâm sẫm của bóng trắng rọi xuống nền gạch tối khiến không gian ngôi nhà trở nên ma mị.

Lão vớ lấy bình rượu nơi bộ ván ngựa đã bãi hoài tuổi thời gian. Lão rót lấy ba ly nhỏ đặt lên bàn thờ cha. Rút nắm nhang, lão đốt lên và cắm vào lư hương.

Khói nhang lẳng đặng. Lão Bầu đứng trơ trước bức di ảnh. Lão nghe từng tiếng đàn bật ra, vỡ giữa thình

không tịch mịch. Lão nhìn quanh quất, nhưng tuyệt nhiên chẳng thấy ai. Chỉ thấy cây đàn bầu đặt bên cạnh di ảnh cha mẹ lão rung lên.

Khói hương đưa lão vào một vùng trắng sáng. Vùng trắng sáng đó đang chảy tràn từ đỉnh đầu đến từng ngón chân lão. Ai đó đến bên lão. Đường như họ muốn dẫn dắt lão về với thế giới khác. Một thế giới khác hẳn cái thế giới đầy mùi trần tục và thị phi này. Thế giới ấy trong suốt tiếng đàn bầu và u buồn.

Kìa! Bóng người trước mặt lão chập chờn. Bóng dáng ai giống bóng dáng cha mẹ lão. Lại nữa kìa, lão thấy tầng tầng lớp lớp bóng người trắng toát gần xa ẩn hiện.

Lão nghe mùi của nhang khói. Cái mùi hương đã từng ám ảnh lão. Nó theo lão như hình với bóng. Mỗi lần nghe thấy nó là mỗi lần lão phải đối diện với sự tang tóc sinh li tử

biệt. Thế gian này, không một tang gia nào dù gia cảnh nghèo khó hay sang giàu mà không đối mặt với nỗi đau chung: nỗi mất mát người thân. Nỗi đau thương đó quá lớn luôn ám ảnh những người từng chứng kiến nó. Lão đánh đàn đưa tang cho bao nhiêu con người. Những con người mắt đã nhắm nhưng những dự vọng vẫn sống. Những con người đã khép mắt xuôi tay nhưng những giấc mơ, những hoài bão chưa dừng lại. Lão lặng người, cúi đầu trước họ, tiễn đưa họ bằng giọt đàn bầu trầm buồn tha thiết. Nghe chồn mong manh xanh rì cỏ dại, cha lão cũng đang rót từng giọt đàn. Những giọt đàn của kiếp mong manh.

Sinh thời, cha lão thường hay nói chuyện về giấc mơ với lão. Ông bảo: “Giấc mơ của con người là một sự mộng du, một cuộc phiêu lưu giữa khát vọng và tuyệt vọng, để rồi từ lúc mở mắt chào đời cho đến khi con người nhắm mắt vẫn còn đau đáu”. Lão chưa đủ lớn và cũng chưa từng trải cuộc đời để thông hiểu về triết lý giấc mơ như cha lão nói. Với lão, nó xa xăm giống bước chân con người đi mãi chẳng tới được chân trời; nhưng con người vẫn phải bước, còn bước là còn tồn tại.

Không biết vì lẽ gì mà cha lão đặt tên cho lão là Bầu. Người đời đặt tên cho con thường gửi gắm vào đó một ý nghĩa sống nào đó. Cái tên cứng cộm của lão vụn vào cây đàn bầu như một thứ duyên tiền định. Sáu tuổi lão thấy thích cái tên của mình. Lão từng

mê mẩn ngồi suốt đêm nghe cha đánh đàn. Tiếng đàn trầm buồn đó khảm vào tâm hồn thơ ấu lão. Lão lèo đẽo theo cha những buổi đánh đàn đưa tang và được cha truyền nghề từ lúc nào chẳng hay. Ngón đàn từ đời cha lão truyền sang đời lão hết sức tự nhiên giống máu huyết cùng cơ thể giao hòa lẫn nhau. Rồi từ lúc nào không rõ nữa, lão xem cây đàn bầu là một báu vật trên đời.

Năm lão hai mươi tuổi, lần đầu tiên trong đời mình, lão lang thang đi tìm giấc mơ của cha lão. Giấc mơ ấy gắn liền với cây đàn bầu. Tổ tiên lão bao đời gìn giữ tiếng đàn. Trải qua bao đời, cây đàn bầu gia truyền dòng họ lão cũng chỉ góp mặt hòa tấu trong những bữa nhạc đưa tang. Đời ông, rồi đến đời cha lão. Từ khi cha lão ý thức cây đàn bầu của dòng họ đã đến lượt mình gìn giữ, chính là lúc ông bắt đầu nuôi dưỡng giấc mơ. Ông không muốn mình mãi là người nhạc công tài hoa ở chốn đưa ma. Ông có khát khao, có hoài bão của riêng ông. Ông sẽ mang tiếng đàn bầu của dòng họ đi xa hơn. Nó không còn cái kiếp quần quanh như đời cha ông. Nhưng giấc mơ ấy tan tác đúng vào lúc cha lão hai mươi tuổi.

Cái tuổi hai mươi hanh hao tâm trí lão miễn ký ức buồn man mác. Mỗi khi nhớ đến lão không cảm được nước mắt. Để trốn chạy nó, lão phải uống lấy một ngụm rượu. Rồi lão lại đem cây đàn của cha lão ra lau bụi bám trên thân đàn, bầu đàn - dù đôi lúc nó chẳng có dấu vết gì là bụi bám cả.

Cha lão vừa tròn tuổi hai mươi thì gặp mẹ lão. Ở xóm nghèo này, cha



Minh họa: Lê Trọng Nghĩa

lão chỉ biết mượn tiếng đàn bầu để trải lòng mình. Thế rồi, mẹ lão vô tình nghe tiếng đàn cha lão. Ông bà xưa hay khuyên con gái mình không nên nghe tiếng đàn bầu, nên mới có câu: *"Đàn bầu ai gảy nấy nghe/ Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu"*. Nhưng mẹ lão lại mê tiếng đàn của cha lão. Bà nghe tiếng đàn thấy lòng mình se thắt lại. Nghe tiếng đàn mà thương người gảy đàn. Tiếng đàn đã nuôi dưỡng một tình yêu lớn dần lên theo năm tháng. Thế là họ đến với nhau. Cha mẹ lão cưới nhau. Lễ cưới tuy tổ chức thật đơn sơ, dăm mâm cỗ, nhưng đón nhận được nhiều lời chúc phúc từ bà con xóm làng.

Một tháng sau ngày cưới, cha lão rất vui mừng vì biết tin mẹ lão đã có mang. Niềm hạnh phúc được làm cha làm mẹ vỡ òa khi lão oa oa cất tiếng khóc chào đời. Nhưng hạnh phúc trên cõi đời vốn mong manh. Mẹ lão hạ sinh lão xong, bà liền bị băng huyết. Bà may mắn thoát khỏi lưỡi hái của thần chết, nhưng bà lại phải đối diện với nỗi tuyệt vọng của sự sống. Hai chân bà bị bại liệt. Bà thấy mình trở thành gánh nặng cho chồng và suy sụp hẳn.

Mẹ lão cũng mất vào năm ấy. Tiếng đàn bầu cha lão nỉ non, tang tóc. Cha lão gảy đàn, ngón tay rỏ cả máu. Lúc sắp xa cha lão, bà gắng gượng thều thào, trần trối cùng cha lão: *"Vi em mà anh không đi đến được ước mơ của mình"*. Mắt cha lão ngấn nước: *"Con người đâu thể sống theo những gì mà mình ước muốn mà phải sống theo những gì mình có thể, em à!"*. Mẹ lão khép mắt. Gió ẩm ào xô phen cửa bật

tung. Bóng mẹ lão mảnh khảnh bay lên bị gió thổi tan tác, rơi vương vất xuống từng giọt đàn. Khúc bi ca về kiếp người mong manh trong đêm sâu thẳm.

Cha lão trở thành gà trống nuôi con. Người già nua trước tuổi. Nổi nhọc nhằn vì miếng cơm manh áo đã nhanh chóng ăn mòn thời trai trẻ. Bao lo toan chất chồng lên đầu ông, lại thêm việc nuôi dạy đứa con thơ dại mồ côi mẹ, khiến cha lão không còn thời gian để luyện ngón đàn. Tiếng đàn bầu của cha lão, vì thế, cũng trầm đục theo ngày tháng. Tiếng đàn không thể bay lên, bay xa... Tiếng đàn mãi bay quẩn quanh trên mái hiên đời. Hằng đêm, ông luôn đối mặt với giấc mơ mang nỗi buồn dai dẳng. Có một nỗi đau nào đó, ngày càng lớn dần lên, nó luôn giày xéo tâm can ông. Với ông, cuộc sống trước mặt là một mảng màu đen tối. Ước mơ ông từng ấp ủ ở cái thời trai trẻ tan biến, và khát vọng cũng tiêu tan tựa giấc mơ đêm trước ánh sáng của ngày. Ông đành như cha mình, với công việc gảy đàn đưa ma. Phận người là thế, muốn thoát cũng không thể thoát được! Kể từ đó, cha lão có thói quen ngồi một mình gảy đàn đến lúc nửa đêm.

Tiếng đàn bầu của cha lão càng trở nên ảo não, xót xa, như một nỗi bi ai đứt từng đoạn ruột. Khúc đàn đưa tang của ông như là khúc bi ca cho chính mình. Con người, mắt vừa mở ra đã nhưng nhức những chân trời.

Cha lão mê vẻ đẹp của cây đàn bầu. Nhưng ông chẳng có duyên với

nó. Ông không thể đi hết đời người, để mà khám phá vẻ đẹp của nó. Cha lão bỏ lão mà đi. Ông bảo: ông nhớ mẹ lão. Bà ấy đợi chờ ông lâu lắm rồi. Ông không đành lòng để bà ấy đợi chờ thêm nữa. Và ông đã về với mẹ lão trong một đêm trời đầy gió, lúc ông ngồi một mình độc tấu đàn bầu. Đêm ấy lão cũng vừa tròn hai mươi tuổi.

Đám tang cha lão vắng lặng, im bật tiếng đàn. Chỉ nghe tiếng gió quấy đập bên ngoài trời gập gáp. Đêm sâu hun hút. Lão ngồi bất động trên bộ ván ngựa, ôm chiếc quan tài. Trăng sắp lặn, rơi rớt từng miếng sáng nhòn nhọt xuống nền nhà loang lổ những hình thù kì dị. Bóng mẹ lão nhẹ nhàng thanh thoát bên cha lão. Họ ôm chầm nhau, nước mắt ứa ra, trong như giọt đàn bầu.

Một cha lão nằm trên khoảnh đất đầy cỏ tranh chênh vênh gió. Nơi này là phần đất mà người trong làng dành làm khu nghĩa địa. Họ truyền tai nhau rằng: những ai được chôn cất ở đây, nếu sống khôn thì thác rất thiêng! Hôm lão chôn cất cha. Cỏ tranh trên đồi bật xanh rần rật. Lão bỗng nhìn thấy có đám mây đỏ sẫm hình cây đàn bầu bay ngang qua ngôi mộ, rồi mau chóng tan biến. Có lẽ cha lão đã hiển linh? Vì cha lão đã ra đi trong niềm đau tức tuổi khi ước mơ, khát vọng chưa thành! Lão quỳ sụp xuống ngôi mộ, tay bấu chặt vào nắm đất vừa đắp lên nắm mồ còn ấm nóng, như cố giữ một cái gì rất thiêng liêng.

Sau ngày cha lão mất, lão đã thay cha lão gảy đàn. Lão muốn tiếng đàn bầu cha lão mãi như cỏ xanh sống dưới

bầu trời. Tiếng đàn đó có ích cho cuộc đời này. Con người lúc sống cũng như lúc chết, âm nhạc luôn là cần thiết với họ. Hơn nữa, tiếng đàn bầu ấy lại là kết tinh của tình yêu, của khát vọng một đời cha lão. Lão phải đem nó đi làm tươi đẹp tâm hồn con người, dầu lúc ấy con người đó đã nằm dưới đáy quan tài. Những khi ngồi một mình trên bộ ván ngựa, nhìn ra khoảng trời trong vắt trước mặt, lão chạm phải khát vọng của cha. Khát vọng ấy cả đời ông không đi đến được. Lão phải đi tiếp ông. Lão muốn ông dưới tuổi vàng tâm hồn được thanh thoi.

Và rồi, cứ mỗi lần lão ngồi trước cây đàn bầu của cha mình, lão nghe rõ mồn một tiếng nói ảm áp trầm buồn của cha lão, khi ông hấp hối: "Phận người là một khúc bi ca. Nhưng cha không còn đủ thời gian để đàn hết bản bi ca của cuộc đời. Cha giao cho con cây đàn. Con hãy gìn giữ lấy nó. Vì cha, con cố gắng đàn trọn khúc bi ca kiếp mong manh con người... Cha đi về với mẹ con đây! Cha thấy mẹ con rồi. Kia, mẹ con đó! Ai? Ai đang dạo khúc đàn trong đêm vậy? Ta đang nghe thấy nó. Trong quá! Trong vắng vắng như nước cam lồ... Bầu à, con khóc hả con? Ừ thì con cứ khóc để lòng được thanh thản. Từng giọt nước mắt của con là từng giọt đàn. Trầm buồn và ảo não. Nó là cái đẹp tâm hồn con, vẻ đẹp được tạo ra từ nỗi buồn man mác. Con hãy thay cha gìn giữ tiếng đàn cho dù nó chỉ được cất lên trong những buổi lễ tang... Cứ khóc đi con! Khóc mà đau! Giọt nước mắt con rơi đau tiếng đàn bầu. Đau lắm! Nhưng chạm vào là sẽ mất, sẽ

tan... Cha đi. Con ở lại bình an...".

Con người lúc rời bỏ thế gian, xác trả về cho cát bụi, nhưng hồn phách thì vẫn tồn tại. Tiếng đàn của lão có đưa được người đã khuất về thế giới bên kia, giúp họ thanh thản, rũ bỏ được những dục vọng hồng trần, tìm về sự siêu thoát? Tiếng đàn đó có giúp những người chưa thực hiện được ước mơ, hoài bão của mình tìm được ước mơ, hoài bão ở thế giới bên kia? Lão luôn canh cánh. Những khi gảy đàn đối thoại với người đã khuất, lão cảm thấy mình bất lực trước cây đàn. Sống, thác có là như nhau? Tiếng đàn, khát vọng có là như nhau? Tại sao, những gì người đời chưa thực hiện được khi còn sống họ lại đem theo và tiếp tục nó ở thế giới bên kia chứ? Chẳng lẽ, đó là nỗi thống khổ cao đẹp mà kiếp con người hạnh phúc đưa tay đón nhận nó.

Sau mỗi bữa đánh đàn đưa tang trở về, lão hay ngồi trầm ngâm nơi bộ ván ngựa già nua thẫm ố. Bầu bạn với lão lúc này là bình rượu. Thường thì lão uống rất ít rượu. Lão không nghiện nó. Lão uống cùng cha lão! Uống chừng mực, chỉ một ngụm, giữ mình tỉnh táo mà tâm sự với cha. Lão mang đàn ra, một mình giữa đêm khuya độc tấu sau khi uống xong ngụm rượu. Tiếng đàn rung rức hình

giọt nước mắt. Lão lại nhớ cha lão một mình độc thoại với tiếng đàn. Thấy người đã khuất giữa chốn nhân gian ngóng điều xa vợ. Lão nức nở. Tiếng khóc đó như là tiếng khóc từ thuở thôi nôi. Tiếng sơ sinh ấy mang từng tia nắng, mang những giấc mơ và mang cả kiếp mong manh đời người.

Hai mươi tuổi, lão ôm cây đàn bầu của cha đi tiếp con đường của ông. Giờ tóc lão đã bạc trắng. Cây đàn bầu của cha theo lão đến bây giờ đã bạc thếp màu vì thời gian.

Lão đã già rồi! Cũng sắp trở về đoàn tụ cùng cha mẹ lão ở thế giới bên kia. Nhưng lão vẫn chưa thể nào đàn được trọn khúc bi ca về kiếp mong manh con người theo di nguyện cha lão. Lão thấy mình có lỗi với cha.

Đã nhiều lần lão rất nhớ cha lão, nhưng lão không dám tìm đến gặp ông. Lão nhớ! Lão đau! Có nỗi đau nào bằng nỗi đau này? Lâu dần nó đã trở thành một cơn đau triền miên, dai dẳng trong tâm hồn lão. Giữa căn nhà trống trải, lão thấy mình cô độc.

Và cứ đến thời điểm nửa đêm về sáng, người trong làng thường hay nghe thấy tiếng đàn bầu vọng ra từ ngôi nhà cổ, từng cung oán cung thương ảo não, day dứt. Tiếng như âm ỉ nỗi đau bất lực trước sự nghiệt ngã của nghề nghiệp. Tiếng như quặn thắt, xót xa cho kiếp người. Day dứt. Và mong manh.

Đ.T.H

Nước Mặn - Vang bóng một thương cảng

NGUYỄN THANH QUANG - LM. GIOAN VÕ ĐÌNH ĐỆ

Cảng thị Nước Mặn là “hóa thân” của cảng Thị Nại - cửa ngõ kinh đô Vijaya của vương quốc Champa. Sau sự kiện vua Lê Thánh Tông đem quân đánh chiếm thành Đồ Bàn cuối thế kỷ XV, cảng Thị Nại hoang tàn, đến cuối thế kỷ XVI cảng thị Nước Mặn ra đời và phát triển phồn vinh rồi suy tàn sau khoảng hai thế kỷ tồn tại. Nơi đây, các thế hệ người Việt đi mở nước cộng cư với người Chăm và người Minh Hương đã tạo dựng một trong những thương cảng sầm uất ở Đàng Trong...

Trong thế đối lập với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng Trong có những quyết sách tận dụng mọi nhân tố cũng như điều kiện thuận lợi tự nhiên, nhằm xây dựng cho mình một thế đứng vững mạnh. Trong tầm nhìn đó, phát triển thương mại hàng hải đã giúp chúa Nguyễn đạt được thành công. Vào cuối thế kỷ XVI đến thế kỷ XVII, chúa Nguyễn đã khai thác năng lực của các cảng như Hội An (Quảng Nam), Thanh Hà (Huế), và Nước Mặn (Quy Nhơn)⁽¹⁾. Các phố cảng này chiếm vị trí quan trọng trong quan hệ ngoại thương, đón nhận các đoàn thương nhân Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Trung Hoa, Hà Lan, Anh Quốc... Trong đó, thương cảng Hội An chiếm vị trí quan trọng hàng đầu. Đặc biệt, Hội An và Nước Mặn là hai phố cảng gắn liền với lịch sử loan báo Tin Mừng của đạo Công giáo ở Đàng Trong.

Trong *Hồng Đức bản đồ* (1490) thương cảng Nước Mặn được ghi là “Nước Mặn hải môn”. Trong giai đoạn thế kỷ XVI-XVII, Nước Mặn là một cảng thị sầm uất ở phủ Quy Nhơn (Gia Lai ngày nay). Năm 1618, linh mục Borri được quan phủ Quy Nhơn đưa về Nước Mặn; trong một bản tường thuật ông gọi đó là thành phố Nước Mặn (Città Nuoceman). Linh mục Borri không nói đến cảnh buôn bán ở Nước Mặn, nhưng ông cho biết không gian rộng lớn của cảng thị này: “dài năm dặm, rộng nửa dặm”⁽²⁾. Năm 1650, cảng Nước Mặn được các linh mục Dòng Tên vẽ trên bản đồ với tên gọi “Nehor Man ou Eau salée”.

Đầu thế kỷ XVII, thị trường nội địa phát triển, thương cảng Hội An bước vào giai đoạn phát triển khá mạnh, thu hút các nguồn hàng hóa khắp nơi xứ Đàng Trong về đây trao đổi, buôn bán với người nước ngoài. Cảng Nước Mặn có mạng lưới sông ngòi và đường bộ kết nối vươn dài đến Tây Nguyên, thông qua hệ thống nguồn thu gom hàng hóa về đây trao đổi. Nước Mặn đã nhanh chóng trở thành trung tâm giao lưu hàng hóa, cảng trung chuyển. Ưu thế của Nước Mặn là khả năng thu hút các loại lâm sản (trầm hương, sừng tê giác, các loại gỗ quý...), nông sản (đường, đậu các loại), các loại hải sản đã chế biến (cá khô, đồi mồi, nước mắm...) và hàng thủ công (tơ lụa, đồ gỗ, đồ gốm) vận chuyển đi các nơi⁽³⁾.

Năm 1749-1750, Pierre Poivre, thương nhân Pháp, du hành đến Đàng Trong và viết trong hồi ký của mình: "Tại tỉnh Qui Nhơn có một thương cảng khác gọi là Nước Mặn là một cảng tốt, an toàn, được thương nhân lui tới nhiều, nhưng kém hơn Faifo (Hội An), lại không thuận tiện vì quá xa kinh thành, mà các thuyền trưởng thì nhất thiết phải đi đến kinh thành nhiều lần và phải đi ròng rã 6 ngày đường"⁽⁴⁾. Như vậy, có thể xác định thời phồn vinh của cảng thị Nước Mặn là từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Xuân Nhân, "Thời phồn vinh, Nước Mặn có đường hàng hải quốc tế của người Bồ Đào Nha đi lại buôn bán với Vuconva, Luzon (Philippines), Malaysia, Macao và có lẽ cả Nhật Bản. Nước Mặn có đường biển tới các cảng trong nước như: Hội An, Đà Nẵng, Phú Xuân, Cam Ranh, Gia Định; đường sông tới các thị tứ ở Qui Nhơn như: Đập Đá, An Thái, Phú Phong, Đại An, Gò Găng, Phú Đa"⁽⁵⁾.

TS. Đỗ Bang đã nhận xét: "Xét về tầm vóc của thương cảng, Nước Mặn không thể hơn cảng Thị Nại thời vương quốc Champa (thế kỷ X-XV). Xét về ngoại thương, Nước Mặn cũng khó sánh được với Hội An, Thanh Hà, Phố Hiến... nhưng về nội thương, Nước Mặn có vị thế quan trọng cho cả phủ Qui Nhơn và vùng Tây Nguyên hiện nay"⁽⁶⁾.

TS. Lê Đình Phụng, trong bài *Thương cảng Nước Mặn (Qui Nhơn) - Xứ Đàng Trong*, cho rằng: "Nằm trên địa bàn một phủ giàu có, gần các phủ Phú Yên, Bình Khang, dinh Nha Trang, có nguồn hàng dồi dào từ cao nguyên đổ về, cảng Nước Mặn có vai trò quan trọng trong giao lưu thương mại... cũng như các thương cảng xứ Đàng Trong, cảng Nước Mặn hoạt động chủ yếu với sự tham gia của các thương nhân người Hoa và thương nhân châu Âu qua lại buôn bán, thu mua hàng hóa, sản vật nhiệt đới"⁽⁷⁾.

Năm 1994, đoàn khảo cổ Việt - Nhật đã khảo sát nghiên cứu khu vực Nước Mặn. "Đặc biệt, khi được tiếp xúc trực tiếp với những mảnh sứ Hizen tìm lọc từ trong "mớ hỗn độn" đồ sứ Trung Hoa do dân địa phương thu gom được, chúng tôi nhận thấy thương cảng Nước Mặn hình như có đủ các loại hình gốm Hizen mà tại địa điểm khảo cổ học ở Indonesia và Thái Lan đã tìm thấy (Hizen wares abroad 1990). Trong đó cũng có những loại mà ở thương cảng Thanh Hà và Hội An chưa phát hiện được"⁽⁸⁾.

Vào tháng 4 năm 2006, Bảo tàng tổng hợp Bình Định (nay là Bảo tàng tỉnh Gia Lai) đã tổ chức khảo sát nhưng không quy mô. Kết quả được ghi nhận: “Hố khảo sát chỉ có diện tích 6m², lại mới đào khoảng 50cm, nhưng các nhà khoa học đã tìm thấy hàng vài trăm mảnh gốm sứ các loại: gốm Gò Sành (gốm Champa TK XIV-XV), gốm Chu Đậu (Việt Nam, TK XVI), Nhật Bản, Trung Quốc (TK XVII), thậm chí cả gốm vùng Trung Cận Đông, gốm Thái Lan. Nhiều nhất vẫn là gốm Champa, Trung Quốc và Nhật Bản. Gốm Trung Quốc và Nhật Bản cùng mang màu xanh trắng, nhưng có thể phân biệt khá rõ về sắc độ và sự tinh xảo. Có mặt tại điểm khảo sát, tiến sĩ Roxana M.Brown (một chuyên gia về gốm Đông Nam Á, hiện là Giám đốc Bảo tàng Gốm Đông Nam Á thuộc Đại học Bangkok - Thái Lan), nhận xét: “Niên đại của các hiện vật gốm Trung Quốc và Nhật Bản nằm khoảng thời gian từ 1620 đến 1680”⁽⁹⁾.

Tháng 7 năm 2016, Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Bình Định phối hợp với Viện Khảo cổ học, tổ chức khai quật khảo cổ khu vực thương cảng Nước Mặn do thạc sĩ Bùi Văn Hiếu, cán bộ Viện khảo cổ học chủ trì. Kết quả khai quật bốn hố thám sát về vật liệu kiến trúc, thu được 789 mảnh gạch ngói, đa phần đều bị vỡ nhỏ. Đồ gốm sứ, thu được 4.844 mảnh đất nung, gốm men và sứ cũng phần lớn đều vỡ nhỏ. Gốm men và sứ bao gồm các loại hình bát, đĩa, cốc... với các dòng men nâu, ngọc, trắng, lam có nguồn gốc Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, niên đại trải dài từ thế kỷ XVI-XVII đến thế kỷ XIX-XX. Đồ sành, thu được 2.823 mảnh, chủ yếu niên đại khoảng thế kỷ XVII-XVIII. Đồ sắt, thu được 12 hiện vật đã bị oxy hóa nặng, chưa xác định loại hình và niên đại. Ngoài ra có năm đồng tiền và một mảnh tiền cũng bị oxy hóa nặng, trong đó có hai đồng cho thấy tiền Khai Nguyên thông bảo (713-741) và Khang Hy thông bảo (1661-1722)⁽¹⁰⁾.

Sách *Đại Nam nhất thống chí*, bản chép thời Tự Đức, trong phần *tỉnh Bình Định*, mục *thị tập* có ghi tên 118 chợ lớn nhỏ trong toàn tỉnh Bình Định, nhưng không thấy có Nước Mặn, dù chỉ là một chợ nhỏ⁽¹¹⁾. Như thế, bước sang thế kỷ XIX, cảng thị Nước Mặn vang bóng một thời đã suy tàn, là thời kỳ phát triển của thị tứ Gò Bồi trở thành một “tiểu cảng thị” nối tiếp vai trò của Nước Mặn và cũng để chuẩn bị cho cảng thị Quy Nhơn ra đời vào giữa thế kỷ XIX, tạo tiền đề phát triển cho thành phố Quy Nhơn ngày nay⁽¹²⁾.

Một cảng thị ra đời, hưng thịnh, suy vong, lụi tàn đều có những lý do của nó. Cảng thị Nước Mặn bao gồm các thôn An Hòa và Lương Quang xã Phước Quang, thôn Kim Xuyên xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước (cũ). Trải qua thời gian dâu bể, sự bồi đắp tự nhiên của phù sa, cảng thị đã suy tàn và biến dạng.

Vào thế kỷ XVII-XVIII, do sự bồi đắp mạnh mẽ của các dòng sông, cửa khẩu đi vào Nước Mặn được gọi là Kê Thử⁽¹³⁾ đã bị bồi lấp, nối liền núi Bà ở phía Bắc và núi Đon ở phía Nam tạo nên một trảng cát dài hơn 8km. Ngày nay, tại vùng đất này vẫn còn tên gọi chợ Kê Thử thuộc thôn Phương Phi, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát.

Theo bản đồ địa chất Nghĩa Bình, từ Đê Gi qua núi Bà đến Quy Nhơn có mạch đứt gãy hoạt động từ 500 năm nay, mạch đứt gãy chạy theo hướng Tây Bắc -

Đông Nam. Cửa Kê Thử nằm ngay trên mạch đứt gãy này nên đành chịu sự vùi lấp của nó. Cách nay khoảng hơn 200 năm, mạch đứt gãy này có sự kiến tạo đột biến ở phía Nam núi Bà làm cho vùng này trở lên cách bất thường. Cửa Kê Thử bị lấp. Nó đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình⁽¹⁴⁾.

Suốt khoảng hai thế kỷ tồn tại (từ cuối TK XVI đến cuối TK XVIII), phát triển tới phồn vinh rồi suy tàn, cảng thị Nước Mặn không chỉ là một trung tâm thương mại mà còn là một trung tâm văn hóa của phủ Quy Nhơn, của Đàng Trong trên hành trình mở nước về phương Nam của dân tộc. Đặc biệt, Nước Mặn là Cơ sở truyền giáo đầu tiên của đạo Công giáo ở Đại Việt (1618) và là nơi phôi thai, hình thành chữ Quốc ngữ “tiền Đắc Lộ”.

N.T.Q - Lm. V.Đ.Đ

[1] Xem Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Luận án PTS. Khoa học lịch sử, Hà Nội 1993, tr. 172.

[2] Theo Christoforo Borri, *Relatione della nuova missione delli PP. della Compagnia di Giesù al Regno della Cocincina*, Francesco Corbelletti, Roma 1631, tr. 133: Nước Mặn có diện tích “di cinque miglia in lungo, e di mezzo in largo” (dài năm dặm, rộng nửa dặm). Bản dịch Việt ngữ của Hồng Nhuệ: *Tường trình về Khu truyền giáo Đàng Trong 1631*, Nxb. Thăng Long, Hoa Kỳ 1989, tr. 75: “Nước Mặn, một địa điểm dài chừng hai dặm và rộng tới một dặm rưỡi”. Bản dịch tiếng Pháp của Bonifacy: *Relation de la nouvelle mission des Pères de la Compagnie de Jésus au Royaume de la Cochinchine*, trong *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, Juillet-Dec. 1931, tr. 351: “...Nuocman, qui s’étend sur une longueur de cinq milles, et une largeur de cinq milles” (dài năm dặm, rộng năm dặm).

Tên tác giả và tên tác phẩm trên đây được viết bằng tiếng Ý thế kỷ XVII có phần khác với tiếng Ý hiện nay. Theo tiếng Ý hiện nay, tên tác giả và tác phẩm được viết như sau: Christoforo Borri, *Relazione della nuova missione dei PP. della Compagnia di Gesù al Regno della Cocincina*. Tuy nhiên trong sách này chúng tôi giữ nguyên tên tác giả và tác phẩm theo cách viết thời ấy.

[3] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập I, Nxb Sử học, Hà Nội, 1960, tr.362; Quách Tấn, *Nước non Bình Định*, Nxb Nam Cường, 1967, tr. 389-395.

[4] Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Hà Nội 1993, tr. 160; Henri Cordier, “Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine, description de la Cochinchine”, trong *Revue de Extrême-Orient*, T. III, 1887, tr. 167.

[5] Nguyễn Xuân Nhân, *Cảng thị Nước Mặn và văn hóa cổ truyền*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, 2010, tr.94.

[6] Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận Quảng*, sđd, tr.164.

[7] Lê Đình Phụng, *Thương cảng Nước Mặn (Qui Nhơn), Xứ Đàng Trong*, in trong *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Nxb. Thế Giới, 2007, tr.583-592.

[8] Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân, *Gốm Hizen Nhật Bản tìm thấy ở một số địa điểm khảo cổ học ở Việt Nam*, Tạp chí Khảo cổ học, số 4/1994, tr.44.

[9] Viết Thủ - Hoài Thu, “Khảo sát cảng thị Nước Mặn”, trong *Báo điện tử Bình Định*, 8:18’, 28.04.2006.

[10] Xem *Báo Bình Định*, ngày 24.07.2016.

[11] Xem *Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Bình Định* (bản dịch của Nguyễn Tạo), Nhà Văn hóa Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản năm 1964, tr. 84-92.

[12] Trong tấm bia ở đền Quan Thánh thuộc thành phố Qui Nhơn có ghi một người họ Nguyễn, quê Nước Mặn, cúng năm quan tiền để xây dựng ngôi đền này vào năm 1837.

[13] “Kê” có nghĩa là cửa. Cửa Kê Thử còn được dân địa phương gọi là cửa Cách Thử.

[14] Xem Đỗ Bang - Nguyễn Tấn Hiểu, *Lịch sử thành phố Qui Nhơn*, Nxb. Thuận Hóa, 1998, tr. 76-83.

Cảm thức sinh thái trong *Cánh đồng bất tận*

NGUYỄN THỊ KIM THOA

Châu thổ Cửu Long, sông nước Mê Kông - vùng đất đai trù phú *"Ruộng đồng mặc sức chim bay/ Biển hồ lai láng mặc bầy cá đua"*, vùng đất hoang sơ *"Muỗi kêu như sáo thổi/ Đỉa lênh như bánh canh"* của ngày đầu khai sơn bộ hổ đường đã lùi xa khi truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư mở ra trước mắt người đọc những không gian khô cằn, xơ xác *"những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng"*, *"mặt nước váng phèn vàng sẫm quánh lại trên bộ lông của những con vịt đói"*. Vẫn là nếp sống của con người Nam bộ cần cù, gắn bó với thiên nhiên, ruộng đồng gò bãi, nhưng ở "góc quay" khác, bối cảnh đã khác xưa. Chất hào sảng tích tử phù sa màu mỡ, từ thơi thới cá nước chim trời giờ hoang vắng, buồn lặng như cánh đồng sau mùa gặt. Ở đó, những người như nhân vật Diễm, Nương không còn có được niềm hạnh phúc thiên nhiên hào phóng nuôi dưỡng, họ sống trong một không gian khắc nghiệt, họ mang cảm giác hoang mang trơ trọi của kiếp người chìm lấp vào sự đổi thay bất ổn của môi trường tự nhiên, họ bị mắc kẹt trên hành trình du mục không điểm cuối.

Cảm giác thường trực trong *Cánh đồng bất tận* là nỗi lo âu, khắc khoải về môi sinh. Ý thức sinh thái hiện diện như một nỗi ám ảnh khôn nguôi. Hạn hán, dịch bệnh, mất mùa, bầu sinh quyển sống như cô đặc. Con người hiện lên không còn ở vị trí trung tâm, chinh phục, thắng thế, họ ở vai người "cộng sinh" trong một tương quan bị động, lép vế và kiệt quệ. Sống giữa *"sông lớn mệnh mang mà không có nước để dùng"*, *"như đi giữa đất dằn dặc mà không có cục đất để chọi chim"*. Họ, những kẻ chăn vịt chạy đồng nay đây mai đó đã chọn hòa vào thiên nhiên để sinh tồn, nếu không muốn nói phải "thường biến" để thích nghi. Tập tính sống hoang dã dạy họ *"biết nhìn bướm bay, mây trôi, nghe bìm bịp kêu để biết nắng hay mưa"*, con nước xuống hay nước ròng, biết phân biệt vết rãnh rần hổ hay rần bông súng cần sau vài lần rút kinh nghiệm... suýt chết. Và cũng để sinh tồn, những thói quen đời thường bị tiêu diệt, những ước mơ khát vọng rất người trở nên xa lạ. Đói nghèo và kiệt quệ, thiếu thốn và tổn thương, chạy trốn và mưu sinh đã bóp nghẹt

những quyền sống vốn dĩ rất bình thường của những con người bé mọn ấy. Họ “đánh mất thói quen chiêm bao”, đánh mất “cái quyền được đưa tiễn, được xao xuyến nhìn những cái vẫy tay, nhận vài món quà quê cùng lời dặn dò quyền luyến”; họ thêm được tự tay trồng xuống chỗ đất in dấu chân du mục một loài cây ăn trái, họ nhớ người, thêm người... Họ tự tước đi niềm thương mến của mình về một mảnh đất, một con người, một kỉ niệm trước lúc ra đi, họ buộc mình “đừng yêu thương quyền luyến bất cứ ai để không ngậm ngùi, để lòng đứng vững khi cuốn lều nhỏ sào đi sang cánh đồng khác. Không một nơi bám víu (dẫu là kỉ niệm) không một chút hi vọng” (dẫu hi vọng biết bao nhiêu!), họ không còn phương cách hay lối thoát “trên những cánh đồng khơi”, “một cánh đồng miên viễn với gió lất lay những khói nắng héo xèo... cảnh không đổi, người cũng không”. “Đồng khơi” hai tiếng ấy thực sự ám ảnh, nó gọi nỗi cô đơn, niềm hoang hoải, nó khắc cửa nỗi buồn mênh mang của kiếp người giữa bể đồng bao la. Vậy là giữa “đồng khơi”, với môi trường sinh thái đang bị bức tử, họ chắt vạt trong cái “tự nhiên hoang dã” đã đánh mất tính “nguyên sơ”, họ ngoi ngóp ngập lặn trong hậu quả của phần thiên nhiên bị “đô thị hóa”, “bê tông hóa”, bị bào mòn bởi biển lấn, nước mặn, bờ lở, đất sụt và những lòng sông cồn cào đói cát, nhớ phù sa. Và đâu chỉ có thế, buồn thay, giữa biển người bao la, giữa nhân quần xã hội, họ buộc phải sống một cuộc đời khác giống loài đến đau đớn: những tử tế, yêu thương, đầm ấm, sum vầy chỉ là ước vọng, hoặc chỉ còn là kỉ niệm xa xôi.

Cánh đồng bất tận có phải là tác phẩm văn học sinh thái? Trữ ngân ý nghĩa của truyện ngắn này có lẽ là câu trả lời thỏa đáng nhất. Trước hết, có thể khẳng định ý thức sinh thái hiện diện trong nghệ thuật xây dựng không gian, thời gian, hệ thống nhân vật, tình huống, cốt truyện... Ở điểm này, tác phẩm có nhiều nét tương đồng với các sáng tác mang ý thức sinh thái như *Người ăn kiêng* của Hang Kang, *Muối của rừng* của Nguyễn Huy Thiệp, *Kiến và người* của Trần Duy Phiên... Tuy nhiên, lại có nhiều điểm khác biệt so với tác phẩm văn học sinh thái như *Mùa xuân vắng lặng* của Rachel Carson, *Một mình trong rừng* của Henry David Thoreau, *Quả táo thần kỳ* của Kimura (Takuji Ichikawa)... Điều dễ nhận ra, văn học sinh thái và tác phẩm văn học có ý thức sinh thái đặt vị trí con người, mối quan tâm về con người trong quan hệ với tự nhiên rất khác nhau. Nói như nhà văn Nguyễn Minh Châu, “văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người”. Còn phê bình sinh thái, văn học sinh thái “dàn xếp cân bằng giữa con người và thế giới phi nhân loại” (Cheryll Glotfelty). Nguyễn Ngọc Tư chọn cách quan sát, xây dựng nhân vật của mình trong quan hệ ràng buộc với thiên nhiên và nhân quần. Ở đó, môi trường thiên nhiên xuất hiện với vai trò vừa là hoàn cảnh bộc lộ số phận, vừa là đối tượng đầy trăn trở trong cảm thức sinh thái của nhà văn. Không phải là vấn đề sinh thái độc lập, tách biệt và thuần túy, nó gắn vào cuộc sống con người một cách bền chặt, trở thành không gian chuyển tải dụng ý nghệ thuật, tư tưởng của nhà văn.

Trong *Cánh đồng bất tận*, thân phận người rất cuộc là vấn đề nhà văn quan tâm

nhất, nhưng không phải kiểu con người đóng vai trò trung tâm, chủ thể trong mối quan hệ với tự nhiên. Họ không chinh phục, không thắng thế mà ngoi ngóp giữa kiệt quệ môi sinh bằng bản năng sinh tồn. Ở đó vĩa tằng của những vấn đề nhân sinh - sinh thái, tự nhiên - văn hóa được khám phá, soi chiếu đậm chất nhân văn. Nếu nhân vật Yeong - hye trong *Người ăn chay* dẫn khước từ giao tiếp, nói chuyện, không muôn ăn uống chỉ muốn lặng im phơi nắng như một cái cây, thì trùng hợp thay, hai chị em Điền, Nương trong cánh đồng bắt tận cũng đã tự tiêu biến một nhu cầu rất người - đó là chuyện trò, đối thoại. Có một kiểu ngôn ngữ giao tiếp kì lạ giữa người với người như: *"tội mình hồng nói tiếng người?"*, *"nó không hề máy môi, tôi đọc được những ý nghĩ trong Điền"*. Khi bị bủa vây trong cô đơn, bị bứt lìa khỏi thế giới nhân quần, những thói quen tự nhiên như nói chuyện cũng biến mất. Thay vào đó, chỉ có thể nói bằng mắt, thấu bằng tim, dầu *"bão tới bời"* trong ý nghĩ, dầu *"gió quất điên cuồng vào trái tim nhỏ chỉ chút vết đau"*. Hai đứa trẻ, một là *"đồng - loại"*, và một là *"đồng - loại còn lại"*, càng ngày càng lậm lụi không nói, mặt mũi lúc nào cũng *"chù ụ"*, ngồi *"lặng cầm như cái mã"*. *"Đắm đuối với loại ngôn ngữ mới, chúng tôi chấp nhận để cho người ta nhìn mình như những kẻ điên (miễn là tạm quên nỗi buồn của cỗi - người)"*. Đầu chỉ thế, Điền và Nương còn hiểu được tiếng vịt, và vịt cảm nhận được trái tim con người: *"Bầy vịt nhay cảm khùng khiếp, sau này, tôi cố sửa lại những chỗ hụt hơi ấy, chúng nhận ra ngay, và nhìn tôi với vẻ ngờ vực. Ủa, phải con - người hôm trước không ta? Nó chớ ai, giọng có khác, nhưng rõ ràng là tiếng trái tim nó. Quen lắm. Chập chờn, thút thít, đòng đưa như sắp rụng..."*. Trong tận cùng nỗi trống trải, giao tiếp của con người với thế giới xung quanh dường như chỉ thu gọn vào những mối quan hệ bé mọn, giản đơn, quen thuộc nhất, nhưng đồng thời lại mở ra những giới hạn không ngờ trong hành trình khám phá, đối diện thế giới nội tâm. Khi trút đi những tập tính người, những thói quen người và *"trần trụi"* giữa thiên nhiên, con người lại trở về với bản thể nguyên thủy hoang sơ nhất của mình. Tiếng *"đồng - loại"*, *"con - người"* trong cuộc *"hội thoại"* cảm lặng giữa Điền - Nương, vịt - người, theo quán tính ngữ nghĩa mà nhà văn sử dụng phải chăng đều hướng đến những gì thuộc về bản thể tự nhiên, đồng trị - vô sai biệt.

Trữu nặng tâm tư với cuộc đời và tâm hồn gấn bó thiên nhiên khiến nhà văn Nguyễn Ngọc Tư muốn *"nói thật nhiều điều"*. *Cánh đồng bắt tận* và nhiều tác phẩm khác của chị, trở thành diễn ngôn nghệ thuật về con người và tự nhiên, văn hóa và môi trường, văn minh và hoang dã, bản thể và tạp biến, ý thức và vô thức cộng đồng, trở thành những đối thoại đa thanh, bắt tận trên cánh đồng ngôn ngữ giàu suy tư, sâu lắng mà dung dị của cây bút tài hoa.

Những mong cầu rất người bị tước đoạt, tình trạng tha hóa vì đời sống vật chất, vì những định kiến xã hội, vì khủng hoảng môi sinh luôn là những câu hỏi lớn trong lẽ tồn sinh và ý nghĩa cuộc đời. Nhưng oái oăm thay mọi thứ không dễ thay đổi, cuộc sống vẫn tiến diễn bằng những nghịch lí. Và hành trình hiện thực hóa những khát vọng lí tưởng, biến những *"vô thức"* thành *"ý thức"* chính đáng mãi là hành trình đầy gian khó của loài người. Để từ của truyện ngắn *Cánh đồng bắt tận*

đâu phải ngẫu nhiên đề cập đến hai trạng thái cảm xúc - bộc phát và tiết chế: “*khi nào bạn bức tức hãy bất động đừng nói gì - dù chỉ một lời... Trời ơi mình giận muốn chết, mình muốn gào thét, muốn cào cấu muốn đập phá mà không cho mình nhúc nhích, sao có thể hả hê!*” Sự mất tiếng của “vô thức xã hội” trong điều kiện nhất thời, không có nghĩa là nó không tồn tại, tiếng nói ấy vẫn hiện diện đâu đó, vang vọng trong tư tưởng và hành ngôn của nhà văn như một nhu cầu tự nhiên, bức thiết. Càng cầm nín, càng đè nén thì ý thức về nó càng rõ ràng, mạnh mẽ. Nhà văn chọn cách lên tiếng bằng ngôn từ, hình tượng, bằng vô ngôn khoảng trống, khoảng trắng giữa những con chữ khi đã ủ ngấu tâm tư.

Quả thực, *Cánh đồng bất tận* là những trần trụi thao thiết của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư về tự nhiên và tình trạng hoang hóa của con người hiện đại. Có một tự nhiên bị xâm lấn, bức hại đến tiêu điều, kiệt quệ, và con người trở thành nạn nhân của nó, hay đúng hơn của chính tham lam, mê muội. “*Những cánh đồng trở thành đô thị, những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát,... lúa rày mọc hoang nhớ đau nhớ đốn bản chân xưa nghên trong bùn quánh giờ đang vất vả kiếm sống giữa thị thành*”. Đau đớn nhất, họ bị bứt lìa ra khỏi môi trường vốn từng nâng niu, thân thiện và đau đáu nhìn những gì gắn bó hiền hòa ấy bị bào mòn, xói lở. Kiệt quệ của sinh thái và cuộc sống đã đẻ ra “*những đứa trẻ nhàu úa, cộc cằn cằn, chỉ tiếng chửi thề là tươi rói*”. Trên cánh đồng mệnh mông bất tận, cuộc đời cứ nối dài bằng “*những thằng Hận, thằng Thù thất học hung hãn*”, những đứa trẻ đáng thương như Điền như Nương, những con người đau khổ tha hóa bế tắc như Út Vũ, Sương.

Và có thiên nhiên bị bức tử thì có thiên nhiên “báo ứng”: “*càng ngày càng trở nên hung dữ hơn, khắc nghiệt hơn, bằng những sấm chớp gầm gừ, dường như trời đất đã nín nhịn nhiều, cuồng nộ bắt đầu rồi đây... rằng trời chỉ trút mưa trút nắng ở nơi chúng tôi dùng chân lại*”. Trên cánh đồng bất tận, chị em Nương không còn nhiều lựa chọn, thiên tai, nhân ách, dịch họa và cả những đổ vỡ mất mát mòn xói trong tâm hồn. Thiện lương và khát vọng sống yêu thương đã níu giữ họ không rơi vào vòng xoáy tha hóa. *Cánh đồng bất tận* và những tác phẩm khác của Nguyễn Ngọc Tư như *Sầu trên đỉnh Puvan*, *Cái nhìn khắc khoải*, *Bóng của thành phố*, *Giàn bầu trước ngõ*, *Đá nở hoa*... trở thành lập ngôn của nhà văn về văn hóa và tự nhiên, phận người với những tâm tư cuộc đời trong một môi trường thiên nhiên đầy suy biến. Từ góc nhìn này, tác phẩm *Cánh đồng bất tận* mang tư tưởng nhân văn sâu sắc, không còn bó hẹp trong câu chuyện về con người và thiên nhiên theo phong cách phương ngữ Nam bộ mà mở rộng biên độ ra cõi người, phận người trong hành trình vượt thoát khỏi sự hoang hóa, bào mòn và đổ vỡ. Nhưng bản năng lương thiện của “con người toàn diện, con người được tự nhiên hóa”, những con người sinh ra gắn bó với gió, mưa, nắng, sương, sông nước, bãi đồng đã vực dậy trong họ sự mạnh mẽ, lòng yêu thương, bao dung, vị tha.

N.T.K.T

Viết như là sự chia sẻ: Trường hợp *Đi qua miền nhớ* của Lê Thu

CHÂU MINH HÙNG



Viết mặc nhiên là để chia sẻ. Chia sẻ tư tưởng, chia sẻ nỗi niềm. Nhưng trong thời đại cái danh, cái lợi chi phối vào nghề viết, nhà văn viết còn vì nhiều thứ “to” hơn là để chia sẻ. Trường hợp *Đi qua miền nhớ* (NXB Văn học, 2026), Lê Thu đã chọn mục tiêu tối giản của văn chương: chia sẻ ký ức của mình. Ký ức về chiến trường và cả thời hậu chiến, nơi chị đã đi qua hết cả cuộc đời.

Trong bài viết về 50 năm văn xuôi Bình Định, khi nói về *Nhật ký nữ nhà báo chiến trường* của Lê Thu, tôi có gửi gắm theo bọc bạch của chị: “Rất tiếc, với chất liệu dồi dào và tươi rói ấy, chị không đủ “sức lực” để biến thành một tiểu thuyết, mặc dù trên từng trang nhật ký của chị, những chất liệu ấy đã được xử lý bằng một hình thức ngôn từ giàu chất nghệ thuật và thấm đẫm tinh thần nhân văn”. Nay nữ nhà báo chiến trường ấy đã dành “sức lực” còn lại của mình để hình thành một tiểu thuyết, dày gần 300 trang, như là nỗ lực đắp bù cho sự nuối tiếc ấy.

Ở tuổi vượt qua bát tuần, quá khứ thường như bộ phim quay chậm, tái diễn những gì một cá nhân từng nếm trải, cả ngọt bùi lẫn đắng cay. Là học sinh miền Nam tập kết ra Bắc từ tuổi mười lăm, sống trọn vẹn với thời bao cấp khó khăn, thiếu thốn, rồi làm nhà báo chiến trường lăn lộn trong lửa đạn,

cho đến khi trở thành một lãnh đạo văn hóa văn nghệ, một chính khách giữa nghị trường. Buồn vui trần gian chỉ nắm đủ để có thể dựng thành một tiểu thuyết.

Tôi không thể phân biệt bao nhiêu thực, bao nhiêu hư trong từng trang tiểu thuyết ấy. Nhưng chắc chắn đó là tiểu thuyết của cuộc đời chị được viết ra từ một trái tim ấm nóng tình người.

Tiểu thuyết, theo nghĩa gốc, là chuyện nhỏ kể giữa đời thường. Dù về sau, thể loại này mở rộng quy mô khác nhau: tiểu thuyết đời tư, tiểu thuyết thể sự, tiểu thuyết lịch sử..., nhưng vẫn giữ nguyên gốc ở “tiểu tiết”. Thiếu “tiểu tiết”, tiểu thuyết không còn là tiểu thuyết.

Nếu bạn muốn tìm ở *Đi qua miền nhớ* một tầm tư tưởng lớn lao về chiến tranh và hòa bình, một sự phản tỉnh như trào lưu hậu chiến đã và đang diễn ra, bạn sẽ hụt hẫng. Nếu bạn muốn có ở tiểu thuyết này một cấu trúc tân kỳ hiện đại hay hậu hiện đại, bạn sẽ thất vọng. Lệ Thu không cần ở số ít những người đọc khó tính với những ham muốn theo trào lưu ấy. Được cái này mất cái khác. Chị đang cần sự đồng cảm để chia sẻ nhiều hơn với tất cả mọi người. Lệ Thu luôn nuôi tín ngưỡng của mình về cách mạng như một lập trường tư tưởng tinh sạch, nhất quán, dù thế cuộc đổi thay. Lệ Thu kể lại một cách tuyến tính sự kiện của đời mình và bạn mình như chính dòng ký ức đang sống lại trong tim. Không cần một lối văn góc cạnh, tất cả trôi chảy một cách điềm đạm, bình dị như lời “bà kể cháu nghe”. Không phải cổ tích mà là chuyện thực của đời bà. Đúng nghĩa chia sẻ, cho con cháu, cho thế hệ sau, ngay trên quê hương, đất nước mình.

Đi qua miền nhớ đẹp ở cả hai phần chiến tranh và hậu chiến. Chiến tranh đẹp trong máu lửa. Hậu chiến đẹp trong sự xô bồ. Chị không cố công dàn dựng cái cấu tứ ấy mà chính trái tim trong trẻo của chị dàn dựng thay. Trái tim của tình yêu đôi lứa và tình yêu quê hương đất nước đã thanh lọc, hóa giải bối cảnh đau thương và tranh chấp sinh tồn. Nói theo Nguyễn Tuân, những nhân vật như Phương, Minh, Trung trong *Đi qua miền nhớ* là những “thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ”.

Miền ký ức, phần chiến tranh, tràn ngập ánh trăng cổ tích. Khi điện đã thay trăng chiếu sáng mọi ngóc ngách, từ đồng quê đến thành thị, những trang văn trong *Miền ký ức* thấp sáng lại vắng trăng trên bến sông Gò Bồi, trên Gò Tháp, trên bãi biển Quy Nhơn năm xưa. Khi khắp nơi, chỗ nào cũng đồng phục keo, bạch đàn chờ bóc vỏ và xay ra làm giấy, những bụi dúi, những cây chà là hoang sơ trong lời kể của bà như sống lại, như tươi xanh lần nữa. Và tình yêu của tuổi mười lăm, trong mát như trăng, ngọt bùi như những quả chà là, của chính bà, trong đêm hội hát tuồng, trong thử thách của hai miền chia cắt, thành tấm gương để các cháu soi chiếu lại nguồn cội của mình trước thử hiện sinh thực dụng đang làm mờ lấp hết. Tình yêu của

giới trẻ bây giờ không còn cái cảnh của bà năm xưa: “Hai đứa đi bên nhau. Con đường quê heo hút, những bụi dúi, bụi tre thỉnh thoảng hiện lên trong ánh trăng, tạo thành những hình thù kỳ dị...”, “Khi ngang qua Gò Tháp, dọc theo con đường mòn giữa một bên là bến sông có doi đất nhỏ trên bờ - nơi người ta từng đặt thi thể người chết đuối vừa được vớt lên - và một bên là những ngôi mộ cổ đen sì của người Chăm lưng lững dưới ánh trăng...”. Chỉ có trong mơ, loại giấc mơ sâu thẳm mang tên “cổ mẫu” bật dậy trong tâm thức cộng đồng, như C. Jung nói. Tình yêu thời của bà đi trong cái ranh giới giữa sống và chết, đầy bất trắc, mong manh, nhưng bền vững với thời gian. Bền vững nhờ tình yêu gắn liền với lý tưởng, với khao khát, đợi chờ. Lưu Phương, hương thơm của trăng quê được lưu giữ, và Minh, ánh sáng tương lai của văn minh soi chiếu đến, đã tạo nên cặp đôi chảy suốt qua miền ký ức của bà; và khi được chia sẻ, chắc chắn sẽ đánh thức trái tim của con trẻ về một cội nguồn sâu thẳm và một tương lai xa xăm. Không cần hư cấu, chính những tiểu tiết se duyên, chia ly và nối kết, thất vọng và hy vọng rất đời thường trong bối cảnh chiến tranh ấy đã phóng chiếu thành tư tưởng bất ngờ, cân bằng giữa truyền thống và hiện đại, giữa tinh thần và vật chất, khác lạ với những bộ não “đô thị hóa”, “công nghiệp hóa” thực dụng hiện nay.

Chiến tranh là bóng tối của hận thù. Nhưng ở thẳm sâu của trái tim đầy nữ tính của một nhà báo chiến trường, tình yêu và lòng nhân hậu vẫn chiến thắng.

Cho nên, ở phần *Hậu chiến*, “mặt trận không có đạn bom”, chỉ có những toan tính, những tranh chấp sinh tồn nhưng khốc liệt hơn cả đạn bom, trong lời “bà kể cháu nghe”, vẫn được nhìn qua trái tim bao dung, vị tha. Những “tiểu tiết” về phòng “tân hôn” cho cha mẹ, tự nó hóa giải những tình cảnh trái ngang, cay đắng của những cặp vợ chồng Bắc - Nam dù sum họp một nhà nhưng đổ vỡ hơn cả phân ly. Những “tiểu tiết” về sự che chở cho thân phận những đồng chí bị bỏ rơi, sẽ chia từng đồng cơm bát gạo cho người nghèo đói của bà, tự nó hóa giải bệnh hách dịch, quan liêu của quan chức, thanh lọc những trò toan tính, lừa lọc của con buôn và sự hèn mọn của dân đen. Bà kể trong nghẹn đắng nước mắt: “Thập niên 1980. Đất nước đói nghèo, xơ xác. Cái đói làm người ta co cụm, cái lợi làm cho người ta toan tính, cái hèn làm người ta cúi đầu”. Bao dung và tha thứ là đạo đức của trái tim bà. Không cần áp đặt thứ đạo lý đã thành khẩu hiệu nơi cửa miệng của nhiều người. Với bà, các triệu chứng của thời hậu chiến, xét đến cùng cũng vì sự mưu sinh trong một cơ chế xã hội còn nhiều trục trặc. Có thể các cháu trẻ hệt hăng khi nghe bà kể lướt nhanh qua những triệu chứng thời hậu chiến, chỉ thấy gom lại bằng thơ, nhưng chắc chắn sẽ đọc hiểu được cái ẩn dụ mang tư tưởng này của bà: “Một sai số rất nhỏ - thứ mà nhiều kỹ sư bỏ qua - nhưng đủ để giết cả một hệ thống”. Cơ chế xã hội như một bộ máy, khi thiết kế, thử nghiệm tất yếu phải bắt đầu từ sai đến đúng, nhưng có những

cái sai không biết biến thành bài học đã làm cho hệ thống tan vỡ, và niềm tin sụp đổ. Lịch sử không dạy các cháu bài học về sự thất bại thì bà đúc kết cho các cháu nghe, bằng trải nghiệm của người trong cuộc: “Ở đây, máy vẫn hỏng vì những lý do rất quen: vội, nể, sợ trách nhiệm. Tôi nghĩ giới hạn của máy không đến từ việc nó thông minh đến đâu, mà từ việc người dùng nó có dám chịu trách nhiệm đến mức nào. Nếu một hệ thống giữ kỷ ức, thì phải có một hệ thống giữ đạo đức đi kèm. Không phải khóa, mà là thước đo, để người vận hành tự soi”.

Hậu chiến là cuộc chiến sinh tồn đang lấn át cả lý tưởng. Bà khắc khoải với điều đó bởi ánh sáng lý tưởng trong trái tim bà không chịu vụt tắt theo cái đắm lầy đua tranh của vật chất đời thường.

Đi qua miền nhớ, bề ngoài có vẻ lan man, tưởng như nhớ đầu kể đó của người già, nhưng bên trong mạch ngầm của truyện vẫn có một kết cấu chặt chẽ, lý tính. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt truyện, kết nối cả thời chiến lẫn hậu chiến là tình yêu tuổi trẻ. Mối tình giữa Phương và Minh trong trẻo như trăng trong cổ tích xưa, bừng sáng như ngọn hải đăng chiếu rọi vào hiện tại và lan tỏa đến tương lai. Các tình tiết nhỏ, vụn tự chấp nối lại và sáng lên, dù đó là những tình tiết không vui, những mảnh đời còn bất hạnh, thậm chí là bóng đen của cái xấu, cái ác. Cùng với lối kết cấu ấy là một dòng chảy ngôn từ giàu chất trữ tình, sáng ngọt ngào, sáng lấp lánh trên suốt nẻo đường chống chọi nguy nan và cay đắng. *Đi qua miền nhớ* đạt đến sự thanh tẩy (catharsis) hoàn mỹ mà không cần sự phản tư, phản tỉnh hay một cấu trúc tân kỳ.

K. Marx từng nói, tự nhiên vẫn đẹp ngay cả khi nó sinh ra con quái vật. Tôi hiểu chị đã sống theo lẽ tự nhiên của trái tim, đẹp ngay giữa những thứ xô bồ, không đẹp đang bủa vây chị, để rồi cuối đời chị kể hết cho con cháu nghe từ chiến tranh đến hậu chiến. Tôi cảm phục chị, như điều chị chia sẻ, bình dị mà cao cả: chị đã sống cho người đã chết, ngay cả khi chọn cho mình một cái tên cũng mang nỗi đau và ước mơ của người đã chết...

Tiểu thuyết, khác với truyện ngắn, bao giờ cũng nằm trong cái nghịch lý: mạnh tiểu tiết ắt vỡ khung kịch tính của cốt truyện và ngược lại, mạnh về kịch tính ắt đóng khung giới hạn của tiểu tiết. Tiểu thuyết cuộc đời của Lệ Thu yếu về kịch tính, nhưng mạnh về tiểu tiết. Giới hạn trong gần ba trăm trang là do “sức lực” của tuổi bát tuần, tôi tin các tiểu tiết lấp lánh trên từng trang văn của chị vẫn còn có thể mở ra vô hạn.

C.M.H

Nhạc sĩ Ngọc Tường và dấu ấn từ những bài tình ca cao nguyên

BÙI QUANG VINH



Nhạc sĩ Ngọc Tường. Ảnh: B.Q.V

Tây Nguyên là vùng đất mới nhưng đầy tiềm năng về chất liệu cho thi ca và âm nhạc. Những tác phẩm tạm gọi “địa danh ca” lại là những tình ca để đời mỗi khi nhắc đến các phố núi điển hình của cao nguyên như: Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Pleiku...

Ngày nay, khi nói đến Đà Lạt mộng mơ, người ta thường ngâm nga bài ca *Đà Lạt hoàng hôn* của Minh Kỳ và Dạ Cẩm; hay về phố núi Pleiku nên thơ ai cũng nhớ đến các sơn nữ “má đỏ môi hồng” với tác phẩm *Còn chút gì để nhớ* của Phạm Duy (thơ Vũ Hữu Định); và đến thủ phủ cà phê Ban Mê, mọi người đều nghe đến một giai điệu sôi động khá điển hình *Còn thương nhau thì về Buôn Ma Thuột* của Nguyễn Cường. Như vậy, có người hỏi, còn một phố núi cổ kính bên dòng sông chảy ngược - Đắk Bla, có bản tình ca nào được phổ biến? Có một bài ca mượt mà được mọi người yêu mến viết vào những năm 80 của thế kỷ trước, đó là *Tình ca Măng Đen* của nhạc sĩ Ngọc Tường - một nghệ sĩ sống và làm việc ở Pleiku - Gia Lai. Măng Đen là địa danh của tỉnh Kon Tum (cũ), nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi - nơi được ví như Đà Lạt thứ hai.

Nhạc sĩ Ngọc Tường, sinh năm 1954, có tên đầy đủ là Huỳnh Ngọc Tường, quê gốc ở huyện Phù Cát, Bình Định (nay là xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai). Anh từng học Trường Sư phạm Quy Nhơn trước năm 1975, nơi mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng

học sư phạm khóa I (1963-1964) và nhạc sĩ Tôn Tấn Lập (khóa 1965-1966). Vốn có năng khiếu âm nhạc và tự học đàn guitar từ nhỏ nên khi vào ngành Sư phạm, anh thường xuyên tham gia vào đội văn nghệ của giáo sinh nhà trường. Anh kể lại một kỷ niệm: Hồi ấy, nhà trường cấm giáo sinh để râu và tóc dài. Anh thì thích để râu. Lãnh đạo nhà trường thấy anh có máu nghệ sĩ, chơi trong ban nhạc giáo sinh nên ra điều kiện “Phải thể hiện một ca khúc đạt chất lượng thì được đặc cách!”. Mấy ngày sau, anh tự đàn hát trước các đồng môn và thầy cô một tình khúc yêu thích, được mọi người tán thưởng...

Sau ngày thống nhất đất nước, Ngọc Tường không tiếp tục với nghề dạy học mà dấn thân vào con đường nghệ thuật. Anh tham gia vào Đoàn nghệ thuật Đam San của tỉnh Gia Lai - Kon Tum (cũ) với vai trò sáng tác và tổ chức biểu diễn cùng với các nghệ sĩ từ trong kháng chiến trở về như: Nghệ sĩ Nhân dân Y Broom, Nghệ sĩ Nhân dân Xuân La... Vừa làm việc vừa học tập với sự nỗ lực không ngừng, sau khi tốt nghiệp Nhạc viện, Ngọc Tường được kết nạp vào Hội Nhạc sĩ Việt Nam và được tin nhiệm giữ trọng trách Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Đoàn Nghệ thuật Đam San (sau này là Đoàn Ca múa nhạc tổng hợp Đam San). Có một nhiệm kỳ, nhạc sĩ Ngọc Tường được UBND tỉnh điều động về làm Hiệu trưởng Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Gia Lai (cũ), nơi đào tạo nhiều nghệ sĩ thuộc lĩnh vực ca - múa - nhạc cho các tỉnh Tây Nguyên.

Sự nghiệp sáng tác của Ngọc Tường sau gần 30 năm ở mảnh đất cao nguyên đã để lại nhiều dấu ấn. Đầu tiên là đêm nhạc Ngọc Tường với chủ đề “Tình yêu cao nguyên” do nhạc sĩ Nguyễn Cường làm đạo diễn cùng với sự góp mặt của các ca sĩ nổi tiếng: Ngọc Khuê, Hồ Quỳnh Hương... vào mùa hè năm 2008, tại thành phố Pleiku do UBND tỉnh Gia Lai phối hợp cùng Hội Nhạc sĩ Việt Nam tổ chức. Những bài tình ca tiêu biểu của nhạc sĩ Ngọc Tường: *Tình ca Măng Đen*, *Pleiku chưa xa đã nhớ*, *Xin gọi tên Ya Ly*, *Pleiku thân yêu*... đã được các ca sĩ và chính tác giả thể hiện một cách sống động, mượt mà trước công chúng. Hàng chục ca khúc mang dấu ấn cao nguyên với âm hưởng đại ngàn, bản sắc đặc thù của buôn làng, tiếng cồng chiêng, điệu xoang trong các lễ hội đã lắng lẽ, tự nhiên đi vào lòng người.

Giới chuyên môn âm nhạc đánh giá, hầu hết các ca khúc của Ngọc Tường thiên về phong cách trữ tình với giai điệu mềm mại, không có nhiều cách tân trong cấu trúc hoặc hòa thanh. Anh biết khai thác chất liệu dân ca bản địa của người Jrai, Bahnar vào ca khúc tạo nên âm hưởng cao nguyên nhưng không quá cao trào, phá cách như nhạc sĩ Nguyễn Cường. Ca từ trong các bài hát của anh chân phương, gần gũi nên dễ thuộc, dễ nhớ, phù hợp với phong trào văn nghệ quần chúng địa phương.

Ca khúc *Tình ca Măng Đen* của anh đang được nhiều ca sĩ hát ở các liveshow như Hoàng Yến, Thanh Quý, Bùi Thu Huyền... tuy giai điệu mang chút hơi hám dân ca xứ Nghệ với ca từ ngọt ngào, đậm thắm nhưng được diễn đạt bởi chàng trai xứ Nẫu khiến nhiều người ngạc nhiên: “*Em lên với Măng Đen/ Nơi lắm mưa*

nhieu gió/ Mang theo nắng đồng bằng/ Nghệ Tinh ở trong tim...". Bản tình ca này xuất hiện trong hoàn cảnh những năm sau ngày giải phóng với bao chàng trai, cô gái Nghệ Tinh lên Tây Nguyên "ươm hạt tình yêu" để tạo nên: *"Mênh mông rừng thông xanh/ Mang tình em mưa nắng..."*. Ngày nay, Măng Đen đã và đang nổi tiếng về du lịch sinh thái và du lịch tâm linh; và nơi ấy dưới vòm thông xanh rì rào, bản tình ca của Ngọc Tường vẫn tươi mát bao tâm hồn du khách. Nếu như phải lựa chọn một trong những tình khúc nổi tiếng nhất trong tập ca khúc của Ngọc Tường thì tôi tin chắc là công chúng sẽ "bỏ phiếu" cho *Tình ca Măng Đen*.

Một tác phẩm tiêu biểu khác của nhạc sĩ Ngọc Tường viết về mảnh đất cao nguyên Pleiku yêu quý của mình, nơi anh gắn bó và trưởng thành, nơi mà anh tâm sự trong tình khúc *"...Tháng năm đã qua đi bao thăng trầm, buồn vui để có một tình yêu ngưng cánh chim ngàn phương, để có một cao nguyên yêu quý nhớ thương, để có một Pleiku neo bến trái tim..."*. Tuy ngôn từ trong ca khúc không nhiều, không dàn trải nhưng có chọn lọc, cô đọng và chân tình khiến người nghe có cảm xúc, kết nối được với tình cảm thăng hoa của tác giả. Nếu so với ca khúc *Pleiku thân yêu* cùng tác giả với lời mở đầu: *"Anh ơi có yêu em/ Hãy về cùng phố núi/ Nơi tình yêu vẫn gọi..."*, cũng chất nặng đầy "tình" và mang đậm chất trực ngôn chân phương của người sơn nữ. So với ca khúc *Pleiku chưa xa đã nhớ* thì ca từ dù có sự chọn lọc nhưng chưa lắng đọng bằng... Tuy vậy, "cặp song sinh" ca khúc về Pleiku của Ngọc Tường vẫn luôn được mọi người yêu thích mỗi khi có dịp đến phố núi.

Ngoài những ca khúc đơn tuyến (sở trường), Ngọc Tường còn viết hợp xướng cho Đoàn nghệ thuật Đam San, trong đó nổi bật là hợp xướng *Âm vang Đam San*. Đây là hợp xướng tiêu biểu, sử dụng chất liệu sử thi Tây Nguyên tạo nên âm hưởng hùng tráng của đại ngàn, ghi đậm dấu ấn cho đoàn nghệ thuật có bề dày thành tích với bản sắc đặc thù Tây Nguyên một thời...

Bên cạnh một nghệ sĩ sáng tác với những bản tình ca nổi tiếng về vùng đất bazan lồng gió, nhạc sĩ Ngọc Tường còn là một cán bộ quản lý góp phần đưa Đoàn nghệ thuật Ca múa nhạc tổng hợp Đam San phát triển, tiếp nối những thành tựu nghệ thuật từ những năm kháng chiến của dân tộc, giữ vững bản sắc nghệ thuật truyền thống Tây Nguyên, một người thầy góp phần đào tạo nên những thế hệ nghệ sĩ trẻ, trong đó có nhiều người được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

Nhạc sĩ Ngọc Tường là mẫu nghệ sĩ hướng nội, luôn giữ thế cân bằng, mềm mại, trọng nghĩa khí, ít phô trương. Điều đó, cũng làm nên phong cách sáng tác của anh được thể hiện trong giai điệu, tiết tấu qua các ca khúc để đời...

B.Q.V

Vẻ đẹp diệu kỳ khi đôi mắt là trái tim

NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN

(Giáo viên Ngữ Văn - Trung tâm GDTX- GDNN tỉnh Gia Lai)

Hoàng tử bé của Antoine de Saint Exupéry là tác phẩm viết về thiếu nhi nhưng lại là món quà dành cho tất cả chúng ta - những người lớn đã từng là trẻ con. Cuốn sách như bức tranh tâm hồn phong phú của trẻ thơ nhưng cũng đầy triết lý nhân sinh day dứt được tạo nên từ những biểu tượng trong sáng và đầy sáng tạo. Ai trong chúng ta cũng có một *Hoàng tử bé* cô đơn trong tiểu hành tinh của riêng mình đang tìm kiếm bến bờ để được mở lòng, được trao đi. Từ đó, tác giả đã khái quát nên một chân lý sâu sắc như chiếc chìa khóa vạn năng mở cánh cửa muôn sắc màu của đời sống: “*Người ta chỉ nhìn rõ bằng trái tim, điều cốt tử với đôi mắt là vô hình*”. Thế giới được kiến tạo không từ thị giác đơn thuần, nếu ta quan sát bằng cả tâm hồn và trái tim yêu thương, ta sẽ thấy những điều đặc biệt ẩn khuất sau lớp vỏ đời thường nhạt nhẽo, suối nguồn của năng lượng sống và sáng tạo sẽ được khai mở.

Đoạn trích “*Nếu cậu muốn có một người bạn*” trích từ cuốn sách *Hoàng tử bé* được đưa vào giảng dạy trong chương trình Ngữ văn 6 tập 1 (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) muốn gửi đến các em nhỏ khi bước vào ngưỡng cửa cấp hai một sợi dây kết nối với bạn bè xung quanh thông qua cuộc gặp gỡ giữa con Cáo và Hoàng tử bé đi lạc khỏi hành tinh của mình. Hai nhân vật giống như những học sinh lần đầu gặp gỡ dưới một mái trường, trong một lớp học, bắt đầu làm quen nhau để thân thiết và gắn bó. Con Cáo đã chỉ cho Hoàng tử bé một cách thức để có một tình bạn chân thành chính là: Cảm hóa.

“Cảm hóa” theo tác giả, nghĩa là “*làm cho gần gũi hơn*”. Cách để gần gũi hơn theo lời con Cáo: “*Trước tiên, bạn ngồi xa mình một chút, như thế, trên cỏ. Mình sẽ liếc nhìn bạn còn bạn sẽ không nói gì cả. Lời nói là nguồn gốc của mọi sự hiểu lầm. Nhưng mỗi ngày, bạn hãy ngồi xích lại gần hơn*”. Đó là cách thể hiện mong muốn kết nối mà không cần dùng lời nói hay hành động phô trương,

chỉ cần luôn âm thầm dõi theo, lặng lẽ và nhẫn nại sẽ tạo ra sự kết nối bền chặt nhất từ trái tim đến trái tim. Con Cáo sẽ mãi nhớ hoàng tử bé nếu ánh mắt của cậu không còn ở đó nữa. Nhớ và sự vắn vưng của con Cáo sẽ khiến hình ảnh hoàng tử bé ở lại mãi nơi đó trong lòng nó. Hoàng tử bé cũng sẽ mang theo hình ảnh con Cáo đến bất cứ nơi đâu. Điều vô hình tạo ra từ cảm xúc và chỉ được nhìn thấy bằng hình dung nuôi dưỡng trong lòng, tạo nên những giá trị vĩnh hằng nhất của đời sống. Thật đơn giản nhưng cũng không dễ dàng để tạo nên tình bạn đẹp đẽ ấy vì phải mất rất nhiều thời gian và tâm tư vào một người duy nhất, làm người khác cảm động bằng sự quan tâm đặc biệt nhất. Chỉ vài câu từ đơn giản, nhà văn đã trả lời câu hỏi rất khó, vốn còn bao nhiêu hồ nghi: *Tình cảm chân thành là gì?*

Từ khi được Hoàng tử bé cảm hóa, con Cáo nhỏ đã mạnh dạn ra khỏi hang, mỗi khi nghe *“tiếng bước chân khác hẳn mọi bước chân khác, những bước chân gọi mình ra khỏi hang, như là tiếng nhạc”*. Trước kia, tiếng bước chân con người chỉ mang lại sự săn đuổi, chết chóc, con Cáo sợ người thợ săn như chúng ta vốn sợ những hiểm nguy rình rập của đời sống. Từ khi gặp Hoàng tử bé, niềm vui, sự mong đợi lớn hơn nỗi sợ rất nhiều, khiến nó mạnh mẽ, tự do và yêu đời hơn. Trước kia, cuộc sống của Cáo rất đơn điệu *“mình săn gà, con người săn mình”*. Nhưng bây giờ khi đi ngang cánh đồng lúa mì Cáo sẽ nhớ đến mái tóc vàng óng ả của Hoàng tử bé, đôi mắt ngập chìm bóng tối đã thấy thêm nhiều sắc màu thi vị. Kỷ niệm giữa những người bạn tạo nên giao cảm đặc biệt với thiên nhiên, từ đó nảy nở tình yêu với những loài cây cỏ, con đường, cảnh vật, một miền đất, ta gọi khái quát thành tình yêu quê hương. Sự cảm hóa tô màu đời sống làm ta trân trọng hơn những điều bình dị nhỏ bé quanh mình.

Đôi mắt của trái tim biến những điều bình thường trở nên khác biệt và duy nhất. Ở tiểu hành tinh xa xôi của mình, Hoàng tử bé có một bông hồng mong manh và hay đổi hờn. Bông hoa rất đẹp, tự sửa soạn, chăm sóc mình trong lớp đất và *“sinh ra cùng với vầng dương”* khiến chàng ngỡ ngàng. Hằng ngày Hoàng tử nâng niu, chăm sóc và bảo vệ bông hoa ấy nhưng đến một ngày chàng quyết định vĩnh biệt bông hoa để ra đi. Có lẽ, đó là chuyến đi để hiểu rõ trái tim mình hơn. Khi đến một hành tinh khác, hoàng tử trông thấy một vườn hồng, rất nhiều bông hoa giống với bông hoa của chàng ở hành tinh của mình. Hoàng tử bé đã rất buồn vì chàng đã nghĩ: *“Thế mà bông hoa của mình bảo, nàng là duy nhất trên đời”*. Khi gặp con Cáo, Cáo đã dạy chàng một bài học: *“Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn đã khiến bông hồng của bạn trở nên quan trọng đến thế”*. Những ngày tháng bên cạnh nhau, được quan tâm, chăm sóc cho nhau đã khiến bông hoa trở thành nơi cất giữ rất nhiều tình cảm và kỷ niệm của riêng hai người. Hoàng tử là người bảo vệ bông hoa giữa bão hổ, cừu, cây baobab và núi lửa, còn hoa hồng chỉ khoe sắc vì chàng và làm tất cả để được chàng nhớ đến mãi mãi. Đó chính là

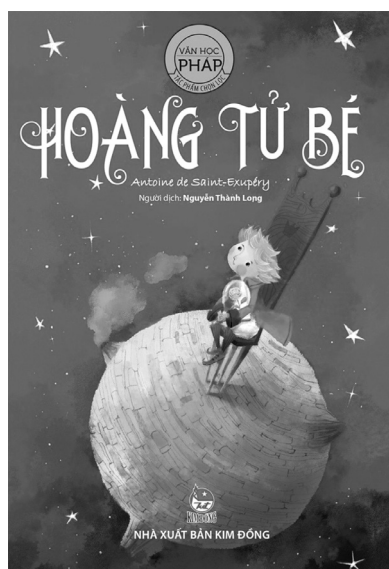
điều mà mọi loài hoa khác, tuy đẹp giống nhau ở bề ngoài nhưng bên trong chẳng có gì để so sánh.

Tuy nhiên, khi nhận ra điều đó thì hoàng tử đã ở rất xa bông hoa của mình, cứ lảng lo và mong nhớ nhưng không biết làm sao để trở về. *“Nỗi buồn như những quả chuông nhỏ cứ rung lên trong tim cậu”*, cuối cùng Hoàng tử bé đã nhờ vào nọc độc của con rắn trên sa mạc để trở về bằng *“chuyến đi của những giấc mơ”*. Con Cáo đã dạy chàng bài học thứ hai: *“Hãy có trách nhiệm mãi mãi với những gì mà bạn đã cảm hóa”* để không bao giờ hối hận vì đánh mất người đặc biệt bên cạnh mình, không tự làm đau trái tim mình và người. Đó là bài học về chung thủy, phải biết trân trọng và gìn giữ những mối duyên đẹp để trong đời, mọi sự quay lưng, bội phản đều nhận về sự cô độc, nỗi đau cho chính mình.

Exupéry viết cuốn sách trước hết là cho đứa trẻ trong ông. *Hoàng tử bé* là biểu tượng của tâm hồn luôn hoài vọng kiếm tìm tình yêu, tình bạn đích thực trong đời cũng như những giá trị cốt lõi của đời sống. Con người khao khát hạnh phúc nhưng luôn giam cầm mình trong những điều vô nghĩa, đẩy mình vào những hành tinh cô độc của nghiện ngập, quyền lực, sự hợm hĩnh, khoắc lác, v.v... Họ luôn nhìn đời sống bằng những nguyên tắc đã xơ cứng, lập trình cũ kỹ của lý trí, họ không có cảm xúc trái tim và rồi họ không có bạn bè, không có tình yêu. Exupéry bị rơi máy bay giữa sa mạc hoang vu, người bạn duy nhất chính là Hoàng tử bé, là chính trái tim mong manh của ông đã cứu rỗi ông. Đưa tất cả chúng ta cùng trở về trên một chuyến bay khác, chuyến bay của niềm khát sống và khao khát yêu thương.

“Ở đâu có tình yêu, ở đó có sự sống” - (Mahatma Gandhi). Tình yêu tạo nên phép màu để ta tự tạo dựng vũ trụ cho riêng mình.. Đối với các em nhỏ chập chững bước vào ngưỡng cửa thế giới mới lạ, đoạn trích *“Nếu cậu muốn có một người bạn”* là bài học các em cần học trước tiên và học đến suốt đời.

N.T.M.T



Bìa sách *Hoàng tử bé* do NXB Kim Đồng xuất bản. Ảnh: NXB Kim Đồng

Sự cô đơn

ERDENE SENG (Mông Cổ)

Erdene Seng (1929 - 2000) sinh ra tại Binder, tỉnh Khentii, Mông Cổ. Ông là con trai của một người chăn gia súc ở Burytia, người đã bị giết trong các cuộc đàn áp chính trị những năm 1930. Là một tiểu thuyết gia và là bậc thầy truyện ngắn tâm lý, ông được xem như một trong những trụ cột định hình phong cách văn xuôi hiện đại Mông Cổ thế kỷ XX. Ông đã nhận được Giải thưởng Nhà nước Mông Cổ năm 1965, Giải thưởng Hội Nhà văn Mông Cổ năm 1976, và được phong tặng danh hiệu Nhà văn Nhân dân Mông Cổ năm 1994.

Người dân chúng tôi bắt đầu rời bỏ quê hương vào đầu mùa xuân. Ông già Dash sẽ nhớ mãi ngày đó suốt đời. Dash ngồi bên đồng củi gần chiếc lều của mình. Ông nhìn, gần như là một ảo ảnh mùa xuân, một đám gia súc và xe cộ di chuyển hỗn loạn dọc theo sườn núi phía Nam gần đó, với những kỵ sĩ phi nước đại khắp mọi hướng. Dash thấy vậy và lẩm bẩm một cách buồn bã: “Quê hương tội nghiệp của tôi, quê hương tội nghiệp của tôi”, chớp chớp đôi mắt ướt đầm lệ. Ông liên tục nhỏ nước bọt qua kẽ răng cửa, vỗ vào phía trước đôi ủng bằng đôi tay gầy gò nhưng gân guốc của mình.

Cầm một cái đĩa cũ kỹ, vợ ông bước ra từ bên trong một túp lều nhỏ thấp lè tè, được làm bằng một bức tường ngăn bằng những cột gỗ đen và lợp bằng vỏ cây, và hét lên: “Mũi tẹt, Mũi tẹt!”. Ngay khi bà hét lên, một con chó con màu xám mập mạp, xù xì chạy ra từ phía sau chiếc lều, nhảy nhót dưới chân bà nội trợ, lưỡi thè ra. Dash phớt lờ con Mũi tẹt thân thiện, và nhìn người vợ giản dị của mình với vẻ thờ ơ, vạt vạt trước của bà rũ xuống không đều.

- Bà nhìn ngọn núi phía Nam kìa! Trông như thể họ đang chạy trốn chiến tranh vậy.

Vợ ông thở dài và lấy tay che đôi mắt già nua đã phai màu.

- Vậy là, trong khi họ đang bận rộn chuẩn bị di chuyển, chúng ta lại ngồi đây chẳng làm gì cả - bà nói.

Buồn bã, ông nói với vợ:

- Nếu bà cảm thấy thế, thì hãy thu dọn đồ đạc và đi theo họ.

Nghe vậy, vợ ông bước vào nhà, lẩm bẩm một mình. "Quê hương tội nghiệp của tôi. Họ đang nghĩ gì vậy, loại người nào lại bỏ rơi quê hương mình sau khi đã sống ở đây suốt bốn mươi năm? Họ nói chúng ta sẽ cùng nhau định cư, chúng ta sẽ định cư. Cỏ trên đồng cỏ sẽ không đủ, gia súc sẽ không bao giờ được gặm cỏ tốt trên đồng cỏ mới, bò sẽ không bao giờ cho sữa, và sản lượng sữa mùa hè chắc chắn sẽ thiếu hụt. Họ nói rằng chúng ta nên sống tập trung ở một chỗ, trong những tòa nhà hiện đại có điện. Những tòa nhà hiện đại đó ở đâu? Và tôi có thể làm gì... Ngay cả người vợ đàn ông của tôi cũng có vẻ đang nói những điều vô nghĩa".

Sau khi ăn ngẫu nhiên hết thức ăn trong đĩa, Mũi tẹt tiến đến chỗ Dash, vẫy đuôi, nhưng Dash đá con chó bằng đôi ủng mùa đông bằng da nai của mình. Mũi tẹt, bị xúc phạm, bỏ chạy khỏi cơn giận của chủ với một tiếng kêu thảm thiết. Trong năm qua, các thành viên đội sản xuất của hợp tác xã đã thảo luận về việc định cư ở đồng cỏ mới gần trung tâm hợp tác xã, và chuyển từ đồng cỏ cũ, nơi có đất chăn thả tốt nhưng lại nằm ở phía bên kia núi và sông so với trung tâm huyện. Dash không muốn nghe bất cứ điều gì về chuyện đó.

Ban đầu, ông thuyết phục được những người lớn tuổi đứng về phía mình. Trong mỗi cuộc họp, họ đều phản đối và lên án việc bị buộc phải rời bỏ sự an toàn của vùng nước quê hương để đến những đồng cỏ mới. Nhưng khi ngày và đêm trôi qua, cuộc thảo luận về việc nên di chuyển hay ở lại bắt đầu trở nên bế tắc, đặc biệt là khi các thành viên trẻ bắt đầu kể những câu chuyện cổ tích về việc đến một vùng đất mới và xây dựng một thành phố với những ngôi nhà có cửa sổ kính và vắt sữa bò bằng máy.

Đôi khi ông tự hỏi tại sao mình lại khác biệt với những người khác và bắt đầu nhượng bộ. Nhưng khi ông đang phi nước kiệu trên con đường quen thuộc đó, ông biết mình đã quá quen với cuộc sống cũ, và ông nhớ lại hạnh phúc mà mình đã tận hưởng ở đồng cỏ quê hương. Trong những chuyến đi thời trẻ, ông đã trải qua nhiều gian khổ, lang thang và khám phá trái đất. Khi đến vùng đất này, ông không có chỗ ngủ và không có gia súc để chăn thả. Sau khi đến nơi, ông mua một con ngựa để cưỡi và gặp vợ mình. Năm tháng trôi qua, ông đã có thể thay đổi tấm phủ của chiếc lều từ màu xám sang màu trắng, và có một cuộc sống mà ông không còn bị buộc phải gặm nhấm phần xương còn sót lại nữa. Mỗi khi nghĩ về điều này, ông lại thể với chính mình rằng sẽ không rời bỏ đồng cỏ trù phú đã đối xử tốt với ông như vậy, cho đến khi chết. Dường như những người khác chẳng hề nghĩ đến điều này. Ngay cả những người cùng tuổi với ông cũng không đủ khôn ngoan để quan tâm đến đồng cỏ quê hương của mình.



Minh họa: Lê Duy Khanh

ĐK 9.26

Mặc dù các thành viên trong hợp tác xã cố gắng thuyết phục ông lão cứng đầu, ông vẫn nói:

- Được rồi, được rồi. Tôi sẽ ở lại đây và tiếp tục canh giữ đồng cỏ của mình. Tôi sẽ chăm sóc đàn gia súc ít ỏi của riêng mình, và tôi sẽ không gây rắc rối cho các ông. Và tôi sẽ sống sót bằng cách nào đó.

Mọi chuyện cứ tiếp diễn như vậy cho đến khi mùa xuân đến và những người hàng xóm bắt đầu di chuyển, lần lượt từng người một. Thịnh thoảng vợ ông lại lẩm bẩm với ông:

- Làm sao gia đình chúng ta có thể ở lại đây một mình được?

Ông hét lên:

- Người phụ nữ ngốc nghếch của tôi, bà trở thành con người là nhờ ân huệ của mảnh đất này. Nếu bà muốn, cứ đi đi. Tôi sẽ ổn thôi, có bà hay không có bà.

Ông nhất quyết không chịu nhượng bộ. Bốn mươi năm bà đã kết hôn, và bà đã tin tưởng vào sức mạnh của chồng khi ông còn trẻ và sự khôn ngoan của ông khi ông về già. Nhưng giờ đây bà không thể làm gì khác ngoài việc lẩm bẩm một mình.

Ngày hôm đó, những trại cuối cùng của đội sản xuất đang di chuyển. Ông lão Dash ngồi bên đồng cỏ cả ngày, khóc nức nở: “Quê hương tội nghiệp, quê hương tội nghiệp của tôi”, khi ông tiễn họ đi.

Vài đêm trôi qua. Lòng ông lão được an ủi bởi việc ông vẫn được ở lại quê hương. Nhưng vợ ông thì sôi sục khi nhìn những đồng cỏ trống trải, không một bóng người, không gia đình hay vật nuôi. Bà già cỗi, chày, và buổi tối thì lửa gia súc về. Rồi bà chẳng thể làm gì hơn nữa. Bà cố gắng làm việc chăm chỉ và không còn cách nào khác ngoài việc ở lại và chờ đợi trong im lặng xem liệu ông lão cứng đầu có thay đổi ý định và nhượng bộ hay không. Thịnh thoảng, một người lữ khách hoặc một xe chở thư sẽ đi ngang qua đồng cỏ bên sườn núi phía Nam gần đó, hoặc một đàn ngựa sẽ xuất hiện từ xa. Không còn gì khác để thấy trên đồng cỏ nữa.

Sau một thời gian dài, mùa hè đến, và cùng với đó là những cơn mưa. Giữa tháng Bảy, ông lão phải đến trung tâm huyện để lấy bột mì, ngũ cốc, trà và thuốc lá. Vợ ông nổi giận, điều chưa từng xảy ra trước đây. “Tôi sẽ không ở lại đây một mình”. Ông lão tức giận đến nỗi ông nghĩ đến việc lấy dây cương trói vợ mình. “Nếu vậy thì, bà già mắt sưng húp của tôi, được thôi. Vậy thì bà tự đi đi”.

Bà lão đặt tấm lót yên ngựa dày bằng nỉ, yên ngựa và tấm bọc yên bằng da cũ kỹ, đã sờn rách, lên lưng ngựa. Bà buộc chiếc túi quà cưới của mình vào yên ngựa bằng dây da. Bà cố gắng leo lên ngựa để đến trung tâm huyện, vừa gập đầu gối vừa thẳng lưng, chân đá vào tấm bọc da. Khi đến trung tâm hợp tác xã, bà kiệt sức vì cưới ngựa và đau nhức khắp người.

Tại trung tâm hợp tác xã, những người hàng xóm cũ gặp bà và đưa bà đến khu định cư của đội họ. Ở đó có những ngôi nhà gỗ mới, được xây thành từng dãy, và bà thấy một chuồng vắt sữa, một chuồng bê có mái che một nửa, vẫn

vân. Bà thấy ở đây mọi thứ đều ngăn nắp và sạch sẽ đến mức không tưởng, và bà vô cùng kinh ngạc và thích thú trước những gì mình thấy. Những người hàng xóm cũ khuyên bà nên đến sống cùng họ.

Bà quyết định chạy vội về nhà trong chiếc áo khoác da cừu, và lần đầu tiên, cãi nhau với chồng. Chú chó con Mũi tẹt, rất nhớ chủ, chào đón bà bằng cách chạy nhảy, nô đùa và liếm vào lòng bà, nơi nó ngửi thấy mùi sữa.

Nhưng ông lão chào đón bà với vẻ mặt tối sầm. Trong khi vợ vắng nhà, một con bê hai tuổi đã bị sói giết chết. Bà lợi dụng cơ hội này để trách mắng ông lão liên tục. Bà lặp đi lặp lại hàng vạn lần về việc những người hàng xóm cũ của họ giờ sống sung túc như thế nào.

Khi bà làm vậy, ông lão ngồi phịch xuống ở vị trí danh dự quen thuộc của mình.

- Bà biết gì chứ? Bà chẳng biết gì cả. Liệu gia súc có béo lên khi người ta sống trong nhà? Khi mùa thu đến, gia súc sẽ chết. Họ sẽ trải qua thảm họa này, rồi tất cả sẽ thấy.

Bà lão mở túi, lấy ra một gói thuốc lá và ném trước mặt ông lão.

- Thật khó chịu khi một người sống phải sống tách biệt khỏi người thân và bạn bè. Nếu ông cứ như thế này, tôi đành phải đi một mình vậy - bà lão nói với ông lão.

Ông lão cười nhạo đến đau cả bụng.

- Cứ làm đi. Có nghĩa là bà sẽ bỏ rơi tôi bây giờ, khi bà đã già đến nỗi hàm rớt xuống tận đầu gối sao? Chuyện đó có bao giờ xảy ra! Bà sẽ đi được bao xa nếu không có tôi?

Bà lão quay mặt đi khỏi chỗ ông đang ngồi. Bà đi cất những thứ bà lấy từ thị trấn vào rương, rồi bỏ đi, không nói thêm lời nào.

Vài đêm sau, ông lão trở về nhà từ một ngọn núi gần đó, nơi ông đi nhặt củi để làm cột rào. Nhưng ông không thấy khói bốc ra từ ống khói. Khi ông đến gần túp lều, Mũi tẹt không ra chào đón ông. "Bà ta thậm chí còn không đun nước pha trà", ông nói với vẻ chán ghét. Nhưng khi bước vào chiếc lều, bà lão không có ở đó. Chiếc rương ở cuối giường gần như trống rỗng. Lúc đó ông mới nhận ra rằng yên ngựa và dây cương không có ở phía trước lều.

"Chết tiệt! Chuyện quái gì đang xảy ra vậy?". Rồi, như người mất hết sức lực, ông ngồi phịch xuống giường, thở hổn hển, không biết nên tức giận hay nên cười.

MẠNH HÀO dịch

(từ bản tiếng Anh)

Những chiều quê thương nhớ

NGUYỄN THỊ NGỌC LINH

Tan tâm, tôi đứng giữa dòng người hối hả, có những quãng dừng đèn đỏ dài dằng dặc, nắng muộn dội xuống mặt đường thứ ánh sáng gắt gỏng, lòng tôi lại quặn thắt nhớ quê nhà. Những buổi chiều quê tĩnh lặng, nơi thời gian dường như ngưng đọng bên những tàu lá chuối đong đưa sau vườn. Nắng đổ lên một màu vàng mật ong sóng sánh, lấp lánh trên tầng lá xanh rồi từ từ lặn khuất sau lũy tre già.

Đó là những buổi chiều quê hây hây hương đồng gió nội, tôi ngồi buông thõng chân bên chiếc cầu tre mát rượi, phía bên kia chái bếp nhỏ xúm nép mình bên hông nhà lớn hiện lên như một mảnh ký ức dịu dàng nhất. Nơi ấy, có bóng dáng mẹ tảo tần lui cui giữa làn khói bếp thơm mùi củi, rơm rạ. Từng lọn khói trắng chập chờn bay lên từ mái rạ, rồi chậm rãi tan đi vào khoảng không gian đang chuyển mình sang sắc sẫm của đất trời. Tôi đứng dậy, hít căng lồng ngực cái hương vị nồng đượm quê mùa xứ sở. Giữa phố thị bụi bặm, những hình ảnh đơn sơ ấy tự bao giờ đã neo lại trong tâm trí, tựa như một góc vườn lặng lẽ mà tôi luôn muốn quay về trú ngụ. Để rồi, chỉ cần một vệt nắng muộn đi lạc trên phố, tôi lại mừng tượng thấy mình đang ngồi dưới mái hiên xưa, nghe tiếng mẹ gọi cơm giữa buổi chiều tà, thấy mọi mệt mỏi của cuộc thiên di bỗng chốc nhẹ bằng như khói mây...

Trong ký ức của đứa trẻ làng quê năm ấy, đẹp nhất có lẽ là những buổi chiều mùa hè thênh thang nắng đổ. Đó là những

ngày triển đê lộng gió, nơi lũ trẻ chúng tôi được mặc sức thả mình vào những giấc mơ xanh. Khi ấy, nhà nào cũng có dăm con trâu, con bò làm bầu bạn. Chăn trâu với tôi chẳng phải là nỗi nhọc nhằn, mà là những giờ phút được tự do giữa đồng bãi mênh mông. Khi mặt trời bắt đầu nghiêng bóng, trâu bò no cỏ lững thững bước về trên con đường mòn, tiếng lục lạc lanh canh hòa cùng tiếng sáo diều chấp chới giữa tầng không. Tôi ngồi ngất ngễ trên lưng trâu, cảm nhận hơi ấm từ lớp da sần sùi của nó truyền qua lòng bàn chân, miệng ề a khúc đồng dao không đầu không cuối. Những buổi chiều như thế, tôi thấy mình như một cánh chim nhỏ, cứ thế bay bổng giữa miền cổ tích của riêng mình, mặc cho bụi thời gian sau này có phủ mờ đi ít nhiều thực tại...

Khi bóng tối bắt đầu phủ sẫm lên những tán cây đuối già, làng quê chìm vào tĩnh lặng dịu êm. Khác với cái gắt gỏng của phố thị, bóng tối ở quê thật hiền lành, tựa như một lớp nhung mềm bao bọc lấy vạn vật. Chúng tôi ngồi bên hiên nhà, giữa hơi chè xanh thơm nồng từ chén nước của ông, nghe bà kể chuyện đời xưa bằng giọng trầm bổng quyện hương trâu cau nồng nàn. Những vì sao lúc ấy dường như cũng sà xuống thật thấp, lấp lánh như những đôi mắt bạn bè đang nhìn xuống lối nhỏ thân quen đầy hương cỏ dại.

Bây giờ, làng cũ đã khác. Những cánh đồng từng rạp rờn sóng lúa giờ chỉ còn thấp thoáng trong những giấc mơ chập chờn. Không còn những đồng rơm vàng ử nắng, cũng chẳng còn làn khói lam chiều vương vít trên mái rạ xưa. Người ta nhóm lửa bằng những tiện nghi hiện đại, sạch sẽ và nhanh chóng, nhưng cái mùi khói nồng đượm từng làm cay sè mắt tuổi thơ chúng tôi cũng theo đó mà tan loãng vào hư không.

Nỗi nhớ về những buổi chiều quê giờ đây tựa như một khoảng lặng mênh mông trong lòng kẻ thiên di. Nhưng tôi biết, dẫu cuộc sống có cuốn xoay vợi vã đến đâu, cái sắc vàng hoàng hôn đậu trên rặng tre già và dáng mẹ gầy trong buổi chiều nhập nhoạng vẫn luôn ở đó, lặng lẽ chờ đợi. Nó như một mạch ngầm âm thầm chảy phía dưới lớp bụi bặm của phố thị, để mỗi khi mệt mỏi, tôi lại tìm về an trú trong cái tình quê mộc mạc, thấy lòng mình được tưới mát bằng những mảnh ký ức nguyên sơ chẳng thể phai pha.

N.T.N.L

Trở lại

PHAN ĐẠI DUY

Tôi trở lại
con đèo vẫn dốc giữa khoảng trời xưa
khói năm nào còn mờ trên đỉnh núi
đất dưới chân cựa mình khẽ gọi
nằm sâu trong lòng rừng

bạc phếch mái đầu
tôi chậm chậm bước qua triền dốc
dáng bỏ đề nghiêng che heo hút
rêu phong phủ kín chân người
mang theo nỗi thương đau

có gốc cây nào năm ấy
từng làm mốc giữa những ngày ta đi qua
con đường cũ mài mòn gót giày
suối mát đối dòng sau bao mùa khói lửa
chỉ còn cỏ dại
chìm lên những dấu chân xưa

tôi men theo màu đất ba-dan
nắng vàng rực triền cao nguyên
thấy quê anh hiện về trong chiều
mà xa xăm ký ức

rừng níu chân tôi
ở đúng nơi tảng đá nằm nào
ta từng ngồi nhìn trăng lên khỏi núi
bóng cây vẫn tỏa ngang sườn dốc
chỉ tên anh mờ đi
giữa lớp rêu xanh huyền hoặc

tôi đi tìm anh
rồi gặp lại mình trong những ngày tuổi trẻ
núi non ôm trọn người đi
đất thay người nói lời biệt ly câm lặng
tôi trở về giữa thăm thẳm hoa quỳ
nghe tiếng chim từ quy
vọng qua bao lớp lá...

P.Đ.D

MAI GIA HUY

Chạm lại linh hồn

Chạm
chân trần khê chạm những hạt đất sau mưa
những ngọn cỏ thành mát
nâng tôi
trở về
nơi nuôi dưỡng đứa trẻ quá niên

Sớm
mặt trời mát mát
mẹ tôi ra thăm vườn chuối
cây xiêu vẹo
cây còng rạp
những nải chuối đất trời không giữ nổi
mẹ khệ nệ cắt mang vào

Hai cha con
bày trà trong nhà
tôi rót lưng chung
khói trà vờn kín mắt cha
lại không che nổi những vân hằn sâu tuổi tác
khói trà rọi mắt tôi
làn da lốm đốm và cánh tay teo tóp
như nhành vú sữa cặp hiên đã khô héo từ lâu
giòn rôm rốp
mắt tôi trong chung trà
nhìn thấy mặt cha
trầm ngâm.

Hãy hàn huyên những chuyện tóc xanh
thời cha trai trẻ
thời con biết đi
những chuyện chưa từng dừng lại
những câu cũ kĩ mẹ chêm vào
đôi mắt tôi trong suốt
thấy lại kỷ ức mình ngô nghê

Dạo quanh nhà
cây dâu tằm tôi trồng thời trẻ
khắc khổ
đứng im đợi tôi về

Thưa cha mẹ
con lại phải già từ
trên con đường cũ bao năm
cỏ lan xanh tốt
bước chân người đã mòn
đá sỏi vô thường

Thưa cha mẹ...
con đi...
ngoái đầu

Đất mềm êm dịu
chân con bước
chạm lại
linh hồn.

Định nghĩa quê hương

Con tìm về quê hương
bằng những gì chưa định nghĩa

Quê hương là nén nhang
người xa xứ thấp
không còn về được nữa

Quê hương là đám giỗ
bà già trầu mồm mém
bên con cháu quây quần

Quê hương
cục đất trong veo
thờ trên mắt
những giờ sám hối

Con trét mấy cục sinh
tìm lại những định nghĩa cũ
đã nằm lòng.

M.G.H

Chiếc lá mơ ước

Truyện ngắn MAI HOÀNG

Cây sồi già đung đưa cành làm giọt sương mai rơi xuống đất vỡ tan. Chim Sẻ vội vàng bay tới, đôi cánh nhỏ vỗ nhẹ trong gió, cất giọng trong trẻo hướng về phía hốc cây già:

- Này Dơi Nhỏ ơi, ra bìa rừng chơi với bọn mình đi!

Từ trong bóng tối ấm áp của hốc cây, chú Dơi Nhỏ ló đầu ra. Dơi Nhỏ khẽ nheo đôi mắt mờ trước ánh nắng đầu ngày, đôi cánh màng mỏng nhẹ nhàng bám vào vỏ cây. Cậu cất giọng ngái ngủ, nhưng dịu dàng hơn cả tiếng gió:

- Mình chuẩn bị đi ngủ đây, trời sáng rõ rồi. Mà hôm nay ở bìa rừng có chuyện gì vui vậy Sẻ?

- Bọn cây dẻ, cây sồi rủ nhau thả hạt giống. Gió Nồm đã về rồi! Mai mốt hạt giống sẽ bay xa tít tắp, vượt cả ngọn núi kia đó!

Dơi Nhỏ khẽ đung đưa người, tiếng cánh màng cọ vào vách gỗ nghe xào xạc:

- Cậu đậu xuống đây kể mình nghe thêm chút nữa đi. Gió Nồm thổi có mạnh không?

Sẻ vỗ cánh định đậu xuống cành cây ngay trước hốc, Dơi Nhỏ liền nhắc nhở, nửa đùa nửa thật:

- Cậu lau chân chưa đấy? Để bùn đất dính vào lối vào, khách đến thấy dơ bẩn, mình bắt cậu đến đấy nhé!

- Cậu kỹ tính quá cơ! - Sẻ vỗ cánh nhẹ vào vai Dơi Nhỏ rồi bay sà xuống suối nhỏ, rửa đôi chân thật sạch sẽ trước khi trở lại.

Một chim, một dơi bên nhau dưới ánh nắng sớm. Những tia nắng xiên qua tán rừng như những sợi tơ vàng, chiếu xuống lấp lánh. Tiếng gió và tiếng chim hót hòa quyện thành bản nhạc dịu dàng của buổi sớm.

- Mỗi ngày khi tụi mình đi ngủ, thế giới ban ngày của cậu có bao nhiêu ánh sáng vậy, Sẻ? - Dơi Nhỏ hỏi, nghiêng đầu tò mò.

- Nhiều lắm! Hết buổi sáng đến buổi chiều, từ khi mặt trời lên đến khi mặt trời lặn, khắp nơi đều ngập tràn sắc màu rực rỡ.

- Màu sắc... - Dơi Nhỏ thì thào, như nói với chính mình. - Cha mẹ mình chắc cũng từng nhìn thấy những màu sắc đó nhỉ?

Chim Sẻ im lặng một nhịp. Đây là lần đầu tiên Dơi Nhỏ nhắc đến cha mẹ. Cậu biết, sau trận bão mùa hạ năm nào, Dơi Nhỏ đã một mình trôi qua mười hai mùa lá rụng trong hốc cây già này. Nhưng Dơi Nhỏ chưa bao giờ kể, chỉ âm thầm giữ lại trong lòng như giữ một hạt giống chưa tìm được đất.

Trong khu rừng này, ai cũng biết Dơi Nhỏ không thể nhìn thấy màu sắc. Đôi mắt của họ nhà Dơi Nhỏ vốn chỉ quen với bóng đêm đen trắng, lại thêm chứng mờ mắt bẩm sinh khiến cậu không nhìn thấy gì rõ ràng dưới ánh mặt trời. Màu xanh của lá, màu vàng của nắng, màu đỏ tím hồng của hoa dại chỉ là những âm thanh lạ lẫm vang lên từ miệng bạn bè.



Minh họa: A.I

Nhưng Dơi Nhỏ chưa bao giờ buồn bã lâu. Đêm nào cậu cũng bay lượn du dương, hát với gió hay đến mức chiều muộn nào bầy chim cũng tụ tập quanh hốc cây nghe cậu hát khúc “Tiếng sóng rừng sâu”. Khi bọn chim chơi trốn tìm vào lúc chạng vạng, cậu luôn sẵn sàng dùng đôi cánh rộng che chở chúng trong hốc cây tối, không bao giờ than thở.

Từ hồi còn nhỏ, Dơi Nhỏ đã nghĩ ra một cách giao tiếp riêng với bạn bè trong đêm tối - những ký hiệu nổi khắc bằng móng vuốt lên vỏ cây, lên đất ẩm, lên bất cứ thứ gì tay cậu chạm được. Sẻ học thuộc từng ký hiệu ấy từ năm lên ba, xem đó là thứ mật mã chỉ hai đứa biết.

Hôm ấy, bầu trời trong xanh, gió Nồm về mang theo mùi hương của mùa mới. Bọn cây rủ nhau tạo hạt giống đặc biệt để gửi đi xa. Cây sồi già trút hết tâm sức kết những chiếc cánh mỏng cho hạt giống của mình, cây dẻ tỉ mỉ chuốt từng mảnh vỏ bao bọc lấy mầm xanh. Chú Sẻ lo phủ lớp nhựa cây bóng loáng, còn Dơi Nhỏ đứng ở cửa hốc, lắng nghe tiếng cười nói xôn xao mà mỉm cười theo.

- Mình cũng làm một hạt giống để gửi đi được không các bạn? - Dơi Nhỏ hỏi, giọng rụt rè như sợ làm phiền, vì cậu biết mình chẳng có hoa, cũng chẳng có hạt.

- Được chứ, được chứ! - Sẻ hét vang lên reo mừng. - Cậu làm một món quà riêng của cậu đi, Dơi Nhỏ!

Dơi Nhỏ gật đầu hạnh phúc. Cậu bay xuống, nhặt một chiếc lá rụng còn nguyên vẹn nhưng đã phai hết sắc xanh, chỉ còn một màu xám bạc mờ mờ. Dơi Nhỏ dùng móng vuốt nhỏ nhắn của mình, kiên nhẫn ấn từng vết lõm, dùng nhựa cây đập nổi lên mặt lá những đường gân thắt nút - những ký hiệu quen thuộc mà chỉ cậu và Sẻ biết đọc. Chẳng ai để ý đến điều đó. Mỗi người đều mải mê bận rộn với hạt giống sắc sỡ của riêng mình. Chỉ có Dơi Nhỏ biết, cậu đang gửi gắm những lời thì thầm từ tận đáy lòng vào chiếc lá không màu ấy.

Chiều hôm sau, khi mặt trời đã nghiêng về phía Tây, gió Nồm thổi căng bìa rừng. Từng hạt giống sắc sỡ của các loài cây bay lên một, rồi hai, rồi kết thành một làn mây nhỏ, chao liệng trong ánh hoàng hôn rực rỡ như lửa. Chiếc lá của Dơi Nhỏ cũng bay. Trắng mờ, lặng lẽ giữa bầu trời, nhưng bay một cách kiêu hãnh như một cánh bướm đêm giữa ánh hoàng hôn.

Bất chợt, một cơn lốc mạnh ủa tới. Chiếc lá của Dơi Nhỏ bị thổi vút lên cao, lao mạnh về phía rặng núi đá xa tít mù rồi rơi rụng xuống. Cả bọn hoảng hốt, Sẻ bay vội theo ngọn gió để tìm kiếm. Khi Sẻ nhặt được chiếc lá lên từ hốc đá, nó đã lấm lem bùn đất.

Sẻ nhìn kỹ vào những đường gân đập nổi mà Dơi Nhỏ đã tỉ mỉ

khắc bằng nhựa cây. Nhờ ánh hoàng hôn rọi qua, Sẻ đọc được từng ký hiệu một: “Mình ước được thấy màu của bầu trời, màu của lá cây, màu của ánh nắng. Mình ước được nhìn thấy cha mẹ một lần. Và mình ước... các bạn sẽ mãi ở bên mình như hôm nay”.

Đọc đến đó Sẻ ghen ngào vô cùng. Cây sồi ngừng rung cành. Cây dẻ đứng im lặng. Chiều muộn ấy, ánh nắng cuối cùng quét qua khu rừng, soi lên hốc cây nơi Dơi Nhỏ đang ngóng đợi.

- Chiếc lá của mình... bay cao và đi xa lắm phải không các bạn? - Dơi Nhỏ hỏi, đôi tai vểnh lên nghe ngóng.

- Ừ... cao lắm... - Sẻ trả lời, giọng ghen ngào đến lạ. - Cao tới tận mây, bay qua cả ngọn núi kia nữa đó, Dơi Nhỏ ạ.

Dơi Nhỏ mỉm cười, hướng đôi mắt mờ về phía chân trời đang dần chuyển sang màu tím thẫm:

- Mình không thấy được, nhưng mình nghe tiếng gió. Gió ban ngày màu xanh phải không, Sẻ?

- Phải... - Sẻ thì thào. - Xanh mát và đẹp dễ như tấm lòng của cậu vậy.

Tối hôm đó, khi trăng lên, cả khu rừng không ai đi ngủ. Bầy chim và muông thú tụ tập quanh hốc cây của Dơi Nhỏ dưới ánh trăng lấp lánh. Sẻ mang chiếc lá lấm lem đặt trang trọng vào lòng bàn tay măng của Dơi Nhỏ.

Các bạn cây xung quanh cùng nhau tiết những dòng nhựa màu rực rỡ nhất của mình. Cây sồi thả xuống một vệt nhựa xanh lục của hy vọng, cây dẻ gửi dải nhựa vàng óng như nắng sớm, cây phượng già bên cạnh góp sắc đỏ nồng nàn như lửa hoàng hôn. Sẻ dùng chiếc mỏ nhỏ nhắn, cẩn thận tô điểm những sắc màu ấy lên khắp chiếc lá ước mơ, và lên cả chiếc tổ ấm áp của Dơi Nhỏ.

Dơi Nhỏ đưa những ngón chân nhỏ sờ lên từng vệt màu đã khô cứng và ấm áp trên mặt lá. Một lúc lâu, cậu không nói gì. Chỉ có tiếng gió khuya thổi qua rừng, và tiếng lá đung đưa khe khẽ.

- Mình không nhìn thấy bằng mắt... - Dơi Nhỏ sau cùng thì thào, giọt nước mắt lăn dài trên má. - Nhưng mình thấy rồi.

Không ai hỏi thêm. Ánh trăng chiếu xuống chiếc lá đầy màu sắc đang nằm trong tay Dơi Nhỏ, và cả khu rừng lặng yên như đang giữ một điều gì đó rất quý, sợ chỉ cần thở mạnh cũng làm vỡ mất.

Từ đó về sau, chiếc lá được treo ngay trước cửa hốc cây sồi già. Mỗi khi gió đêm thổi qua, nó lại đung đưa, phát ra tiếng xào xạc nhẹ như thể đang thì thầm kể một câu chuyện mà ai cũng hiểu, dù chẳng nói thành lời.

M.H

Bàn tay ngoại

MAI HOÀNG HANH

Tay gầy run gió già nua
Vá cho con cả những mùa nắng oi

Bàn tay nhạt tiếng chim trời
Đan thành nhịp võng ru đời mệnh mông

Bàn tay ủ lửa mùa đông
Nhóm bao câu chuyện ấm nồng khói rơm

Bàn tay nựng nụ cười thơm
Ru con, ru quả bên vườn ngủ say
Ngoại giờ đã hóa mây bay
Con còn giữ ấm hơi tay thuở nào.

Chú nhện giăng tơ

TRẦN VĂN LỢI

Kéo tơ qua ngọn gió
Vắt sang sợi nắng hồng
Đi lại giữa không trung
Nhện như người diễn xiếc.

Rồi tay đan mãi miết
Vòng trong đến vòng ngoài
Sợi tơ nhện óng dài
Dệt chẳng bao giờ hết!

Lũ muỗi, ruồi đáng ghét
Và sâu bọ hại cây
Chúng nghênh ngang lượn bay
Nhện nhử vào, trói lại...

Ngôi nhà tơ êm ái
Cũng là cái sân chơi
Óng ánh giăng ngang trời
Nhện ơi, sao tài thế!

Dấu xưa Am Bà Pleiku

TS. LƯU HỒNG SƠN

Những người quan tâm đến dấu tích kiến trúc ở đô thị Pleiku hẳn sẽ bồi hồi khi ngày nay những cái tên gắn với lịch sử văn hóa tín ngưỡng dân gian nơi đây như “Am Bà”, “Đền Cậu”, “Nhà làng” Hội Phú, Hội Thương... theo sự phát triển giờ chỉ còn là truyền thuyết, ký ức mờ lung. Phần nhiều trong số đó thậm chí ngay cả thông tin và hình ảnh cũng không còn lưu dấu. Am Bà là trường hợp may mắn.

Bởi Am Bà còn thông tin, còn hình ảnh lưu truyền minh chứng cho sự tồn tại của mình. Thậm chí, chúng tôi còn tìm thấy gần như đầy đủ các di vật gắn với tín ngưỡng đạo Mẫu thờ Tứ phủ ở Am Bà Pleiku xưa kia hiện nằm rải rác tại các nơi.

Vào một buổi chiều, trong khi lang thang quan sát sự tồn tại của văn tự cổ trong đời sống xã hội đương đại, chúng tôi bước vào tiệm tranh thờ Minh Nghĩa trên đường Nguyễn Văn Trỗi (phường Hội Phú). Trong suy nghĩ của chúng tôi, tiệm tranh thờ chính là một môi trường sống mới của văn tự Hán Nôm, bởi ngày nay, con người vẫn hướng đến văn hóa truyền thống và họ vẫn dùng các hoành phi, câu đối bằng chữ Hán, chữ Nôm trang trí bàn thờ gia tiên để thêm phần trang nghiêm, xem đó như là một cách bảo tồn, tiếp nối, phát huy giá trị di sản văn hóa từ các thế hệ trước đến các thế hệ sau. Các tiệm tranh thờ là nơi đáp ứng nhu cầu văn hóa ấy, trong đó có tiệm tranh Minh Nghĩa.

Sau khi hỏi thăm và trình bày mục đích tìm hiểu văn hóa truyền thống, chúng tôi được chủ tiệm là ông Nguyễn Ngọc Muôn dẫn lên lầu, bước vào một phòng thờ. Tại đây, trước mắt chúng tôi hiện ra hình ảnh của một điện thờ với đầy đủ tượng thánh ông thánh bà được chế tác bằng gỗ, thạch cao, đất nung sơn vẽ bên ngoài rất đẹp, bài trí trên hai bàn thờ, mỗi vị có một diện mạo và áo mào khác nhau. Bàn thờ phía trước dành riêng cho

các thánh ông, gồm 3 bức tượng lớn và 3 bức tượng nhỏ, tên các thánh được viết rõ phía trước bàn thờ từ trái sang phải là: Cậu Bé, Ông Cậu Mười, Ông Hoàng Bảy, Quan Lớn Bơ, Ngài Trần Triều (tức Đức Thánh Trần Hưng Đạo). Bàn thờ phía sau dành riêng cho các thánh bà, gồm 7 pho tượng kích thước bằng nhau, tên các vị từ trái sang phải được viết là: Cô Bơ, Châu Bé, Châu Đệ Nhị, Mẫu Đệ Nhất, Chúa Bà, Cô Chín, Cô Bé. Ngoài ra còn một số đồ vật gắn với tín ngưỡng xưa như gương để thanh đồng soi trang điểm chuẩn bị hầu thánh, bàn gỗ để bày lễ, chuông đồng, bức hoành phi có 4 chữ Nho lớn “聖德無邊” (Thánh Đức Vô Biên), tranh thờ Ngũ hổ, đao gỗ...

Theo lời ông Muôn, nguồn gốc các đồ thờ tự này ban đầu do một người được ông gọi là “bác Phú” giao cho mẹ ông gìn giữ và thờ tự gồm một bát nhang bằng đồng, một pho tượng Mẫu và hai pho tượng Quan Lớn, còn các bức tượng khác do một tín đồ khác là “bà Tiếp” ở cổng chợ Lớn Pleiku đưa về bày biện thêm cho phong phú sau khi mẹ ông qua đời. Mẹ ông Muôn là bà Quách Thị Kịch (1920 - 2006) vốn là một tín đồ thường lui tới Am Bà, thời còn sống, sau khi Am Bà giải thể, thi thoảng bà vẫn tổ chức lễ hầu thánh tại tư gia, mời các tín đồ đạo Mẫu đến nhà tham gia. Từ khi bà qua đời, vợ chồng ông Muôn vẫn thờ tự và sửa lễ xôi chè trái cây vào 4 ngày lễ tiệc lớn trong năm theo âm lịch là: lễ Mẫu Mẹ 3.3, lễ Quan Bơ (Quan lớn Tuần) 24.6, lễ Vua Cha 22.8, lễ Ông Hoàng Mười 10.10. Nhưng vì hiện thời các “thanh đồng đạo quan” số đã qua đời số đã quá già yếu nên không còn ai lên đồng hầu thánh, chỉ làm lễ tưởng nhớ các thánh để lưu giữ kỷ niệm của mẹ và các tiền bối mà thôi. Mỗi buổi lễ như thế thường có vài ba người con cháu các tín đồ đạo Mẫu xưa tham gia.



Ông Nguyễn Ngọc Muôn trong phòng thờ thánh tại tư gia. Ảnh: L.H.S

Chúng tôi theo chỉ dẫn của ông Muôn, tìm đến nhà “bác Phú” tại đường Đồng Tiến phường Diên Hồng. Thực ra, vào năm trước chúng tôi khi tìm dấu tích của Am Bà cũng đã đi một chuyến, theo lời chỉ dẫn của “nhà Pleiku xưa” là ông Nguyễn Quang Hiên (phường Diên Hồng), nhưng chưa có duyên gặp. May mắn là lần này ông Phú có nhà và vui vẻ tiếp chúng tôi. Ông cho biết mình tên thật là Phạm Văn Vũ, còn Phú là tên thường gọi, sinh năm 1931, quê ở Hải Phòng, lên Pleiku từ năm 1957, trước kia nhà ở đầu đường Tăng Bạt Hổ gần “Đền Cậu”, sau mới dời ra vị trí hiện tại. Dù đã hơn 90 tuổi, nhưng ông vẫn còn rất nhanh nhẹn, khỏe mạnh và minh mẫn. Ông tiết lộ, từ năm 12 tuổi thời ở quê ông đã được “các Ngài bắt đồng”, khi lên Pleiku đã thấy tín ngưỡng “4 phủ” (tức Tứ phủ) thịnh hành ở Am Bà, sau đó thì ông trở thành một trong số các thanh đồng chính của am. Ông từng tham gia rất nhiều buổi hầu thánh tại “chiếu Bà” Pleiku, cũng từng được mời xuống Quy Nhơn nhiều lần để “mở phủ” hầu thánh. Những thanh đồng và tín đồ cùng thời với ông nay đã qua đời gần hết, chỉ sót lại 1, 2 người.

Về hoạt động nghi lễ tại Am Bà, ông Phú cho biết am xưa kia nổi tiếng linh thiêng, nhiều người cầu cúng linh ứng. Chúng tôi tìm được một số tấm ảnh cũ chụp Am Bà ở góc gần, thấy trên trán am đắp hai chữ Nho lớn “靈祠” (Linh Từ) nghĩa là ngôi đền linh thiêng. Như vậy có thể nói rằng, “Am Bà” là cách gọi của dân gian, còn tên chính thức của nơi đây là “Linh Từ”.

Ông Phú nhớ lại, tại Am Bà xưa lễ hầu thánh xưa diễn ra tại thường xuyên, ngoài hai ngày lễ quan trọng nhất là “tháng tám giỗ Cha (22.8), tháng ba giỗ Mẹ (3.3)” thì các ngày khác ai có nhu cầu, thánh cho phép nhập thì sẽ tiến hành lễ. Mục đích của việc lên đồng hầu thánh là cầu bình an, sức khỏe, tài lộc dồi dào.

Ông Phú còn cho hay mình từng sắm một rương lớn áo khăn hầu thánh được may bằng “gấm Hồng Kông” rất đắt đỏ và đẹp, nhưng trong thời chiến tranh bị thất lạc, giờ chỉ còn hai bộ. Ông vào buồng lấy ra cho chúng tôi xem bộ khăn áo Quan Đệ Nhất màu đỏ tươi, hoa văn sắc sảo ông từng dùng khi hầu thánh trước kia. Nhìn bộ khăn áo ấy, mắt ông ánh lên vẻ tự hào về một thời huy hoàng. Ông cho biết vẫn mặc áo và đội khăn này vào dịp lễ Tết.

Về người chủ quản lý Am Bà, theo ông Phú, đó là bà chủ rạp xi-nê Thăng Long, vì thế được gọi là “bà Thăng Long”. Bà Thăng Long giao cho ông điều hành đội “nam quan, nữ quan” lễ tế hầu thánh. Khi Am Bà bị giải thể, bà Thăng Long dời vào TP. Hồ Chí Minh, chính ông là người duy nhất gặp mặt đại diện phía chính quyền nhận bàn giao các đồ vật của Am Bà và chia đặt cho các nơi thờ tự. Theo đó, ông giao một phần cho bà Kịch (mẹ ông Muôn đã kể ở trên), một phần cho chùa Bửu Minh (xã Biển Hồ) và phần lớn cho chùa Bảo Sơn (phường Diên Hồng).

Vị trí của Am Bà được vợ chồng ông Muôn cho biết là tại góc ngã tư đường Phó Đức Chính giao đường Trịnh Minh Thế, hiện là góc giao nhau ở đường Nguyễn Văn Trỗi và Trần Hưng Đạo, cách nhà ông Muôn chỉ khoảng 100m. Khi chúng tôi đến hỏi những người dân sống tại đó, thì được ông N.V. Thuận (sinh năm 1967 tại Pleiku) xác nhận và cho biết thêm, cổng Am Bà xưa quay về hướng Tây, sau am có cây sung lớn, dưới gốc sung có một ông rùa lớn chừng trăm ký sống, ăn sung rụng và chuối cúng. Khi Am Bà giải thể, đồ thờ tự được đưa về chùa Bảo Sơn gần chợ Bà Định.

Theo lời chỉ dẫn của ông Phú và ông Thuận, chúng tôi đến chùa Bảo Sơn. Tiếc là sư bà trụ trì hiện đang ốm, các sư cô bận bịu trong ngày mừng Một, nhưng chúng tôi cũng kịp xác nhận thông tin ông Thuận mách là đúng và tìm được nơi thờ tự các Mẫu ở Am Bà xưa trong chùa. Đó là khu “Nhà Thánh” nằm sát lầu chuông bên phải chánh điện. Nhà Thánh khá rộng rãi, gồm hai bàn thờ, bàn phía trước đặt tượng Phật A Di Đà, bàn phía sau bài trí tất cả 17 bức tượng lớn nhỏ áo mao nghiêm trang, chia làm bàn 3 bậc, phía dưới bàn thờ tạo hình vòm hang đặt tượng Chúa Sơn Lâm (hổ). Tên các thánh được ghi rõ trên tờ giấy dán phía trước bàn thờ, gọi chung là “Hội Đồng Tiên Thánh” gồm: Tam Tòa Thánh Mẫu, Mẫu Đông Cuồng, Chúa Bà Sơn Lâm, Quan Thanh, Quan Giám, Ngũ Vị Quan Lớn, Bà Chúa Bạch, Đệ Nhất Thánh Cật, Cô Đôi, Cô Bơ, Cô Bé, Ông Hoàng Bảy, Ông Hoàng Mười, Ông Bác, Hắc Hổ Đại Thần Tướng, Vua Cha, Mẫu Mẹ.

Bà N.T.T. Nga (sinh năm 1962) là Phật tử đang sửa lễ tại chùa cũng xác nhận các tượng trong Nhà Thánh đúng là từng ở Am Bà được đưa về đây. Bà thường lui tới tham gia phục vụ tại chùa từ năm bảy năm nay và thấy rằng vào ngày Tết, tại khu Nhà Thánh của chùa Bảo Sơn này có rất nhiều người dân đến xin xăm hỏi vận cầu may.



Am Bà xưa. Ảnh: L.H.S



Bàn thờ hội đồng tiên thánh chùa Bửu Sơn. Ảnh: L.H.S

Về lịch sử tồn tại của Am Bà, chúng tôi chưa xác định được thời điểm hình thành và xây dựng. Ông Phú cho biết khi ông lên Pleiku vào năm 1957 thì đã thấy am “của bản tỉnh Pleiku” được xây dựng quy mô, khuôn viên rộng, tín đồ đông. Theo ông Nguyễn Quang Hiến, ban đầu nơi đó chỉ là một trang thờ nhỏ đặt dưới gốc cây cổ thụ, sau đó bà Thăng Long cùng một số người đứng ra xây dựng tôn tạo ngày càng quy mô.

Nhìn từ góc độ văn hóa, lịch sử chúng ta biết rằng

tín ngưỡng thờ Mẫu gắn liền với cư dân miền Bắc, sau năm 1954, nhiều người miền Bắc đã di cư vào Nam, lên Tây Nguyên. Vì vậy tín ngưỡng Tứ phủ thờ Mẫu xuất hiện tại Pleiku cũng như Am Bà có mặt tại đây muộn nhất là vào thời điểm này. Giai đoạn 1954 - 1975, Am Bà hoạt động sôi nổi, sau năm 1975 theo phong trào bài trừ mê tín dị đoan, Am Bà được chính quyền cách mạng tiếp quản, cũng theo ông Nguyễn Quang Hiến, thời bao cấp nơi đây được dùng làm hợp tác xã mua bán phường Hội Thương. Đến khoảng năm 1994 thì am chính thức bị giải tỏa làm đường phục vụ phát triển đô thị Pleiku hiện đại.

Lên đồng được xem là một nghi thức thông linh (kết nối con người với thần linh) trong đạo Mẫu gắn với nghệ thuật trình diễn, tập quán xã hội đặc sắc của văn hóa nông nghiệp truyền thống Việt Nam. Ngày nay, những yếu tố tích cực của tín ngưỡng này đã được ghi nhận là di sản văn hóa phi vật thể. Tuy Am Bà Pleiku không còn tồn tại, nhưng những di vật thiêng liêng còn lại của tín ngưỡng thờ Mẫu, Tứ phủ từng thịnh hành trong dân gian phố núi này vẫn còn được dân gian phố núi ghi nhớ, giữ gìn một cách trân trọng và có không gian sống mới, sứ mệnh mới.

L.H.S

Về nghe thung lũng hát

TRƯƠNG CÔNG TƯỜNG

Không ai ngồi cùng tôi nơi mùa sim tháng Sáu, giữa thảo nguyên bát ngát mùi hương. Gió từ đại ngàn xuyên qua những cánh rừng già, thổi vào hồn tôi gió lạnh. Ở đó, một khoảng trời đầy nắng, bạn còn nhớ không, nơi chúng mình từng...?

Bạn có về đây, vượt những con dốc mù sương, băng qua những cánh đồng mùa lúa chín dưới xuôi, những căn nhà ngói đỏ, băng qua lòng hồ đã nghìn câu chuyện kể, băng qua hàng dương xỉ tỏa bóng lối đi để về một ngôi nhà nhỏ giữa năm tháng lặng thầm. Ngôi nhà bằng gỗ đã thâm trầm màu thời gian sương khói, những mùa bắp ngô treo lủng lẳng ngoài hiên, mỗi sáng khi gà gáy sương, bạn mở cánh cổng bằng gỗ nhỏ cho đàn bò ủa ra đồng cỏ, giờ tay đón bình minh từ phía đằng đông, nghe sương tan mềm trên cỏ nhẹ như một bài ballad,... Những tháng năm chúng mình đã sống, có bao giờ bạn quên?

Nơi đó, những mùa xuân mưa phủ, lộc biếc xanh chồi, chúng mình đã nuôi tương lai từ những ngày hò hẹn. Nơi đó, những mùa hè trong veo từng chùm mây bay qua bầu trời rộng, bạn đã khóc trong một chiều tháng Sáu, giữa mùa mầm xôi chín đỏ thảo nguyên. Tháng Sáu ngày sinh của chúng mình, mùa hè đỏ rực, mùa hè bóng rầy những khát khao. Tháng Sáu từng đàn chim đã bay về rợp những ngọn cây, mình đâu có tiếc những ngày khói bụi thị thành đã vấy bụi vào tâm hồn thanh khiết, mình chỉ tiếc những ngày vui đã dần mất đi, nhường chỗ cho những nỗi buồn xâm chiếm, mình chỉ tiếc những giấc mơ đẹp như cổ tích nhường chỗ cho những trần trụi thường ngày. Mùa hè đó, khẽ khàng nhắm mắt lại, bạn có nghe?

Không ai về cùng tôi giữa bầu trời đầy sao, có đêm ngồi dưới sao trời tôi đã khóc. Từ con trăng đầu non đến những mùa trăng khuyết, từ Giêng hai nước đầy đến tháng Sáu nắng khô, nước từ những con suối đầu nguồn chưa bao giờ vui cạn, chúng đã

đổ về đây cho nặng đôi quang gánh mỗi chiều tôi ra suối. Những giọt nước trong vắt làm xanh thêm vườn rau mẹ trồng, tươi thêm nhánh hoa hồng trước sân, ngọt thêm giấc mơ từ bàn tay người gieo hạt. Bạn có về đây, nghe mùa thu nhuộm vàng sắc lá, chúng mình đi hái măng rừng, bắt cá suối, những mùa thảo quả trên cành, những mùa nấm ẩn trong tàng lá mục. Nơi bấy ong nói với nhau về tính kỷ luật, sự cần cù, lòng kiên nhẫn; nơi cây rừng nói với nhau về sự luân hồi trong trời đất, về nguồn cội, thủy chung; nơi chim trời nói với nhau về bầu trời cao xanh, sự tự do nằm trên đôi cánh; và nơi đồng cỏ nói với nhau về vô tận, sự khắc nghiệt của thiên nhiên, học cỏ cách xanh lại từ những ngày héo úa, vươn lên để đâm chồi. Bạn có về đây, đứng dưới tàng cây cổ thụ để học cách vươn mình, ngược nhìn núi để biết núi đã một đời cô đơn trong kiêu hãnh. Bạn có về đây, nơi những mùa đông gió rít qua song, ngôi nhà lợp bằng lá rừng vẫn kiên gan trước gió đông mưa bão, nghe thác đổ ào trên ngàn, người ta lừa những đàn bò về xuôi để tìm nơi trú ngụ. Thương ngôi nhà nhỏ giữa thung lũng trong những mùa gió cửa đóng then cài.

Bạn biết không? Có một người đàn bà cả đời ngồi ngóng gió tràn về thung lũng, âm thầm nếm những cơn đau, những chiều vắng ra suối lấy củi về giữ lửa, từng đêm vẫn lặng thầm ngồi chải tóc trong căn nhà vắng, đêm chảy dài trên tóc mẹ, trên gương mặt mẹ, trên những nỗi niềm không thể gọi tên. Thời gian làm đôi chân mẹ mỏi, không thể tự đi một mình giữa thảo nguyên. Mùa gió này mẹ đã bỏ tôi đi, một mình qua cầu trong cô đơn mờ昧. Mẹ mẹ nằm chờ vợ giữa thảo nguyên, mỗi độ cuối xuân nở đầy những chùm hoa sim tím. Tôi cũng chôn những giấc mơ của mình dưới thân cây gỗ mục, những thân cây đã một đời bền chí kiên gan nhưng vẫn không thể xanh lại giữa đại ngàn, bởi quy luật đất trời vốn thế. Thung lũng vẫn đó, ngôi nhà lợp bằng lá rừng vẫn đó, những người con của rừng vẫn đó, đi và về trong những lặng im.

Không ai ngồi cùng tôi nơi mùa sim tháng Sáu, nơi mùa mâm xôi chín đỏ thảo nguyên. Nơi có người đã dứt áo ra đi, xây dựng ước mơ tận chân trời xa thẳm, có người chọn ở lại, yêu thung lũng như một phần máu thịt của mình.

Rồi một ngày, thung lũng thức dậy, những du khách phương xa đổ về nhiều hơn, họ chạy xe máy vượt những con đường ngoằn ngoèo, dựng những căn lều nhỏ, đốt lửa qua đêm chỉ để được nghe âm thanh của núi rừng, đón những sớm sương rơi bằng lảng, mây bay phủ khắp núi đồi, tận hưởng thảo nguyên với bốn mùa xuân hạ thu đông trải đều chỉ trong một ngày ngắn ngủi. Nơi ấy, những giấc mơ vẫn bừng sáng dậy, từ những điều bình dị, tử tế và thân thương nhất.

Nơi ấy, tôi đã có một quãng đời tuổi trẻ, có mẹ, có người với tất cả tình yêu.

Thung lũng vẫn từng ngày xanh lên như thế.

Nơi ấy, tôi vẫn chờ đón bạn về...

Bạn có về cùng tôi không, về nghe thung lũng hát!

T.C.T



Thăm thĩ Biển Hồ

KIM LOAN

Tôi nhớ chiều ấy khi ngồi lặng nhìn mặt hồ mênh mang, nghe gió thổi qua hàng thông rì rào, bỗng thấy lòng mình như được ai đó vỗ về, an ủi. Biển Hồ Pleiku, hay Hồ T'Nưng trong tiếng Jrai, Bana, không chỉ là một thắng cảnh, với tôi, nơi này giống như một người bạn tri kỷ, biết lắng nghe những nỗi niềm sâu thẳm, biết giữ kín những lời thầm thì dấu tôi chưa bao giờ nói ra.

Người ta gọi Biển Hồ là “đôi mắt Pleiku”. Quả đúng như vậy! Đứng từ trên cao nhìn xuống, mặt hồ xanh biếc, tròn đầy, long lanh như đôi mắt biết cười giữa đại ngàn thăm thẳm. Nhưng trong ánh mắt ấy, ngoài niềm vui, còn có cả nỗi buồn, cả những ký ức xa xưa gắn với truyền thuyết và đời sống của bao thế hệ. Tôi thường nghĩ, Biển Hồ chính là tấm gương soi bóng Pleiku, soi rõ nét thiên nhiên, soi cả phận người nơi cao nguyên lộng gió.

Con đường dẫn vào Biển Hồ là một trong những con đường đẹp nhất tôi từng đi qua. Hai hàng thông thẳng tắp như đôi bờ vai dịu dàng mở lối, gió luôn vào tán lá tạo thành bản nhạc vi vu bất tận. Có khi, nắng xuyên qua kẽ lá, rải xuống mặt đường những vệt vàng loang lổ, đẹp đến mức tưởng chừng chỉ cần đưa tay ra là có thể hứng lấy một mảnh nắng để mang về. Tôi thường chậm bước, bởi sợ đi nhanh quá sẽ bỏ quên âm hưởng của rừng, bỏ quên tiếng thì thầm của gió.

Biển Hồ rộng mênh mông, nước xanh thay đổi theo sắc trời, sáng thì biêng biếc như mắt trẻ thơ, trưa thì lấp lánh như ngọc, chiều lại bằng lăng sương mờ, gợi cảm giác mông lung như một cõi mộng. Những buổi sớm mai, mặt hồ phủ một lớp sương trắng, chỉ còn thấp thoáng mấy bóng

thuyền độc mộc, khiến tôi liên tưởng đến một bức tranh thủy mặc. Còn khi hoàng hôn buông xuống, Biển Hồ như khoác tấm áo tím nhạt, lặng lẽ thu hết ánh sáng cuối ngày vào lòng mình.

Người Jrai, Bana kể rằng, xưa kia nơi đây là một ngôi làng trù phú, nhưng vì một trận động đất khủng khiếp mà chìm xuống, để lại hồ nước mênh mông. Câu chuyện dẫu nhuộm màu huyền thoại, nhưng khi ngồi bên hồ, tôi vẫn nghe thấp thoáng như có tiếng gọi từ lòng sâu, tiếng vọng của thời gian đã qua. Mỗi con sóng nhỏ lăn tăn trên mặt hồ như một lời thì thầm từ quá khứ. Biển Hồ, theo cách ấy, không chỉ là hồ nước, mà còn là ký ức, là niềm tin, là nỗi nhớ thương của nhiều thế hệ...

Tôi nhớ lần đầu được bạn chở bằng xe máy ra thăm Biển Hồ. Con đường ngoằn ngoèo, dốc cao, gió cứ thốc vào áo lạnh buốt, nhưng lòng lại rộn ràng. Khi hồ bất ngờ hiện ra trước mắt, tôi ngỡ mình vừa đi lạc vào một thế giới khác. Một thế giới trong veo, mát lành, không vương bụi trần. Hôm ấy, chúng tôi ngồi bên bờ, thả chân xuống mặt đất ẩm, im lặng nhìn mặt hồ. Không ai nói gì nhiều, nhưng trong im lặng ấy, tôi cảm thấy sự kết nối kỳ lạ: giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Có lẽ đó cũng là một dạng thẩm thì mà Biển Hồ ban tặng, không phải bằng lời, mà bằng sự hiện diện tĩnh lặng.

Đêm ở Pleiku, nhớ Biển Hồ, tôi vẫn nghe tiếng sóng vỗ vào bờ, dù thực ra mặt hồ thường hiền hòa, ít gợn. Đó có lẽ là tiếng sóng trong lòng tôi, những gợn sóng của ký ức, của mong manh, của khao khát tìm về chốn bình yên. Biển Hồ không gập gào dữ dội như biển lớn, mà dịu dàng, bao dung. Nó giống như bàn tay mẹ, khẽ đặt lên vai con để vỗ về sau những chông chênh, đổ vỡ.

Có lần tôi trở lại Biển Hồ một mình. Ngồi bên mép nước, tôi soi bóng mình xuống, thấy một khuôn mặt lẫn lộn giữa nỗi buồn và niềm vui. Nước hồ phản chiếu tất cả, cả bầu trời cao nguyên xanh thẳm, cả mây trắng bông bênh, và cả những đám mây mù giăng kín. Tôi chợt nhận ra, đời người cũng như Biển Hồ, khi thì phẳng lặng, khi thì gợn sóng, khi thì sáng trong, khi lại mờ ảo. Nhưng tự thân hồ nước không mất đi, chỉ đổi thay dáng vẻ theo từng mùa, từng khoảnh khắc. Và con người cũng vậy, ta vẫn ở đó, chỉ là mang những sắc thái khác nhau trong từng đoạn đường đời.

Rời Biển Hồ, tôi mang theo cảm giác như vừa rời một cuộc trò chuyện thầm kín. Cuộc trò chuyện không có câu chữ, nhưng để lại âm vang rất lâu. Trong sự thăm thì của Biển Hồ, tôi thấy mình dịu xuống, thấy những ưu phiền đời thường không còn quá nặng nề. Có lẽ, chúng ta ai cũng cần một nơi như thế, một chốn lặng yên, để soi bóng và lắng nghe chính bản thân mình.

K.L

Mai em về có nhớ Gia Lai?

Nhạc và lời: Trương Thanh Bình

$\text{♩} = 110$



Mai em về có nhớ Quy Nhơn Nhớ biển xanh sóng hôn bờ cát vàng
Ghềnh Ráng Tiên Sa thơ Hàn còn đó Kỳ Co, Eo Gió nhớ dáng em qua
Mai em về có nhớ Plei ku hương cà phê thơm mái tóc thề
Em gái Ba Na hoa dã quỳ xuống phố Vòng xoang em vút phỏ biển ngát
ngây "Ơi! Gia Lai là nơi em kể nơi gió hát trên đồi thông
xanh" Ơi! Gia Lai biển xanh nắng vàng con dã tràng náu gót chân
em Đêm Plei ku ngập lối sương mù nhịp chiêng cồng vang mái nhà
rông Tay trong tay biển khẽ hôn tóc thề Mai em về có nhớ nơi
đây Mai em về có nhớ Gia Lai.

Cao nguyên La Vương vẫn gọi

Nhạc và lời: Bá Khôi

Tin yêu - Rực sáng

La Vương trời mù sương một chiều nắng vương nhẹ núi ôm mây lặng lẽ
tìm lại chút kỷ niệm tiếng ghi ta ngày ấy
ru hồn ai rất khê tình trôi theo lang thang nghe vọng vang suốt hát giữa đại
ru tình tôi ngắt ngảy đàn ngân lên câu ca nghe rộn vang khắp chốn giữa đại
ngàn về nơi đây Tam Quan La Vương chiều cao nguyên... Tôi trở về La Vương
Quan La Vương chiều mệnh mang Về nơi cao nguyên xanh mệnh mộng La
Về nơi cao nguyên xanh mệnh mộng đêm
Vương nghe gió xôn xao dường như thu vừa sang đêm nay sương
đêm ngấm ánh trắng sao còn lưu danh ngàn xưa nơi đây Di
rơi ướt lá vàng từ trên đồi La Vương xa xa lấp lánh suốt vàng
tích chữ Chấm cổ từ trên đồi La Vương xa xa thấp thoáng bóng dừa
reo một khoảng trời trong xanh mang theo đoàn thuyền lướt sóng xa
nghiêng mời anh về La Vương thân thương đẹp...
khơi tựa giấc mơ thiên đường.

Ngày ấy em đi

Nhạc và lời: Trọng Mật

Tình cảm, sâu lắng

The musical score is written on ten staves in 2/4 time. It features a melody with various note values including eighth, quarter, and half notes, as well as triplets. The lyrics are written in Vietnamese below the notes. The score begins with a treble clef and a key signature of one sharp (F#).

Ngày em đi trời buồn mưa rả rích Bao làm
sao xuôi được trái tim hồng Khỏi chấp chùng phủ vầy miền cổ tích Đã qua
rồi bấy én rủ sang sông. Ngày em đi trời buồn trời đỏ
mưa Hồng nhận mai chiều chợt vắng thưa Bên ấy bon chen chân mòn
mỏi Đa đoan sự thể nói sao vừa. Đường em đi
làm bằng thơ với nhạc Em tìm trăng rạn vỡ mấy năm
rồi Có còn lại mắt em buồn sóng bể Và tay em từng
ngón để trên môi. Rồi miền quê có đôi nhà trấ
trở Lặng lờ như sông nước rẽ đôi dòng Quên mái
nghèo biết nhau từng hơi thở Và đôi lần mơ nắng qua sông.